

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PHẠM THỊ HƯƠNG

**QUAN HỆ GIỮA BẢN TÍNH TỰ NHIÊN VÀ BẢN CHẤT
XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI, Ý NGHĨA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC
NHÂN CÁCH CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 60.22.80

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

2013 | PDF | 105 Pages
buihuuhanh@gmail.com

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng

Đà Nẵng - Năm 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác

Tác giả luận văn

PHẠM THỊ HƯƠNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Bố cục đề tài	4
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu.....	5
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢN TÍNH TỰ NHIÊN VÀ BẢN CHẤT XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG TRONG CẤU TRÚC NHÂN CÁCH	8
1.1. CÁC QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC TRƯỚC VÀ NGOÀI MÁC VỀ VẤN ĐỀ BẢN TÍNH CON NGƯỜI	8
1.1.1. Quan niệm về bản tính con người trong triết học Phương Đông....	8
1.1.2. Quan điểm về bản tính con người trong triết học Phương Tây.....	16
1.2. QUAN ĐIỂM VỀ BẢN CHẤT CON NGƯỜI TRONG TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN	21
1.2.1. Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật với mặt xã hội trong đó mặt xã hội giữ vai trò quyết định.....	21
1.2.2. Trong tính hiện thực của nó bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội.....	24
1.2.3. Con người là chủ thể và sản phẩm của lịch sử.....	25
1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA BẢN TÍNH TỰ NHIÊN VÀ BẢN CHẤT XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI	27
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1	30

CHƯƠNG 2: VẤN ĐỀ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH VÀ THỰC TRẠNG NHÂN CÁCH ĐẠO ĐỨC CỦA THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	32
2.1. KHÁI NIỆM, CẤU TRÚC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CON NGƯỜI	32
2.1.1. Khái niệm và cấu trúc của nhân cách.....	32
2.1.2. Quan điểm Mácxít về sự hình thành và phát triển nhân cách.....	35
2.1.3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu của thế hệ trẻ.....	40
2.2. THỰC TRẠNG NHÂN CÁCH CỦA THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC....	44
2.2.1. Thực trạng nhân cách của thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay	44
2.2.2. Nguyên nhân của một số hiện tượng tiêu cực trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách của thế hệ trẻ	54
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	62
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁP NHẪM GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	64
3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN NHẪM GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	64
3.1.1. Giáo dục nhân cách trên cơ sở phát huy những yếu tố tích cực, ngăn chặn sự phát triển của những yếu tố tiêu cực trong bản tính bẩm sinh	64
3.1.2. Giáo dục nhân cách phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và đặc điểm nhân cách của thế hệ trẻ.....	66
3.1.3. Giáo dục nhân cách gắn liền với tạo điều kiện đưa giới trẻ tham gia vào các hoạt động xã hội và quan hệ xã hội.....	68

3.1.4. Giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở huy động sức mạnh của gia đình – nhà trường – xã hội.....	71
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.....	74
3.2.1. Phát huy vai trò của gia đình và xã hội trong việc giáo dục nhân cách cho mỗi người	74
3.2.2. Phát huy vai trò của tự giáo dục và tự rèn luyện nhân cách	81
3.2.3. Tạo lập môi trường kinh tế - văn hoá - xã hội lành mạnh.....	83
3.2.4. Đổi mới nội dung, đa dạng hoá các hình thức giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ	86
3.2.5. Một số giải pháp khác	90
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....	93
KẾT LUẬN	94
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	96
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (bản sao)	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Dù ở thời đại nào vấn đề con người cũng được xem là vấn đề trung tâm của khoa học. Nếu như ngành khoa học xã hội tập trung vào nghiên cứu đời sống xã hội và tinh thần của con người thì khoa học tự nhiên lại đi sâu nghiên cứu con người ở mặt sinh học của nó. Triết học thì có nhiệm vụ tổng hợp khái quát các thành tựu của khoa học và rút ra một số vấn đề chung nhất về con người và là cơ sở lý luận và phương pháp luận để chúng ta tìm hiểu thế giới con người sâu hơn, giúp chúng ta hiểu được chính mình.

Bắt kỳ một trào lưu triết học nào khi nghiên cứu, tìm hiểu về con người cũng đặt ra câu hỏi: Con người là gì, cái gì làm cho con người khác với các loài sinh vật khác? Tại sao giữa các cá nhân lại có sự phân biệt với nhau.

Ban đầu các trường phái triết học thường dùng các khái niệm “cái tôi”, “tính người” dùng để chỉ sự khác nhau nhưng về sau họ dùng khái niệm “nhân cách”.

Vấn đề bản tính, bản chất, nhân cách con người đã thu hút rất nhiều sự quan tâm, chú ý của các tác giả, các nhà nghiên cứu. Họ đã có những công trình nghiên cứu khác nhau về các vấn đề này, đặc biệt là vấn đề nhân cách, quá trình hình thành nhân cách và giáo dục nhân cách hiện nay. Những phương hướng và biện pháp mà họ đưa ra là một trong những đóng góp quan trọng để chúng ta nhìn nhận và thay đổi giáo dục nhân cách hiện nay. Tuy nhiên, ở hầu hết các nghiên cứu này lại chưa đề cập và lý giải mối quan hệ giữa tính chất độc đáo của mỗi nhân cách với bản tính tự nhiên bẩm sinh của mỗi cá nhân và bản chất xã hội của con người nói chung, vì vậy chưa chỉ ra được tầm quan trọng của sự kết hợp giữa việc phát huy bản tính tự nhiên và rèn luyện bản chất xã hội trong việc giáo dục nhân cách con người.

Ngày nay, sự phát triển nhanh chóng, nhiều mặt của thế giới và nền kinh tế thị trường đang tác động trực tiếp đến mọi quốc gia. Ở nước ta, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã và đang đem lại những kết quả to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Những thành tựu phát triển kinh tế, xã hội đã và đang tạo điều kiện, cơ hội cho thế hệ trẻ được rèn luyện, phấn đấu và khẳng định mình. Giới trẻ với những tấm gương sáng về đạo đức, lối sống và nhân cách đẹp vẫn là nét chủ đạo.

Song, bên cạnh những chuyển biến tích cực đó, sự tác động mạnh mẽ từ mặt trái của cơ chế thị trường cũng là mảnh đất màu mỡ làm nảy sinh lối sống ích kỷ, vụ lợi, những thói hư tật xấu, làm rạn nứt những khuôn mẫu, những giá trị đạo đức, huỷ hoại nét đẹp văn hoá truyền thống. Ảnh hưởng từ mặt trái của kinh tế thị trường đã tạo ra trong xã hội một lớp người không nhỏ trong đó có một bộ phận giới trẻ chạy theo lối sống thực dụng, buông thả, phai nhạt lý tưởng bất chấp những quy phạm đạo đức, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

Trong những năm qua, tình trạng vi phạm pháp luật trong các em ở độ tuổi vị thành niên và thanh niên ngày càng gia tăng với những hậu quả nghiêm trọng. Tình trạng giáo dục nhân cách trong gia đình bị buông lỏng, đâu đó xuất hiện tình trạng con cái hành hung cha mẹ, anh em từ bỏ nhau, vợ chồng ly tán v.v... các quan hệ trong gia đình bị đảo lộn. Chính sự rối loạn trong quan hệ gia đình là một trong những nguyên nhân làm cho cái ác, cái bất lương có điều kiện phát triển.

Ở nhà trường, trong học sinh, sinh viên hiện nay nổi lên những vấn đề như: tiêu cực trong thi cử, cờ bạc, quan hệ tình dục phóng túng, trộm cướp, ham mê văn hoá phẩm đồi trụy, vô kỷ luật, đua đòi, thích hưởng thụ, hành xử hung bạo, bất chấp pháp luật, vô cảm, thực dụng và ích kỷ v.v... Hiện tượng

xuống cấp về nhân cách đạo đức ở một bộ phận giới trẻ hiện nay là có thật và đang trở thành mối quan tâm, lo ngại của toàn xã hội.

Hàng loạt vấn đề đặt ra đối với thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay là, làm thế nào để trong tương lai họ có đủ sức đáp ứng yêu cầu của đất nước đặt ra? Làm thế nào để họ có thể tự định hướng đúng, hình thành và rèn luyện phẩm chất đạo đức trong đời sống kinh tế thị trường hiện nay? Làm thế nào để những ảnh hưởng tiêu cực không làm suy giảm nguồn lực trẻ?

Từ thực trạng trên cho thấy tính cấp bách của việc giáo dục nhân cách con người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Đây không chỉ là mối quan tâm của một số người, một số cơ quan nghiên cứu, mà là vấn đề của toàn Đảng, toàn dân, phải đưa ra những giải pháp đồng bộ để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội.

Qua thực tế cho thấy, hạn chế trong giáo dục nhân cách con người hiện nay: *một là*, gia đình và nhà trường chỉ quan tâm chủ yếu ở việc trang bị kiến thức khoa học và chuyên môn, không thấy vai trò quyết định của hoạt động xã hội và quan hệ xã hội trong nhân cách để tập trung giáo dục rèn luyện con người ngay từ thuở ấu thơ; *hai là*, chưa chú ý đầy đủ đến những yếu tố bản tính tự nhiên, bẩm sinh của mỗi người để có biện pháp phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của nó. Trong thời gian tới, cần có những giải pháp hữu hiệu để khắc phục những hạn chế này, làm cho công tác giáo dục nhân cách con người đạt hiệu quả cao.

Chính vì những lý do trên đây mà tôi chọn đề tài "*Quan hệ giữa bản tính tự nhiên và bản chất xã hội của con người, ý nghĩa đối với giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay*" làm đề tài luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ giữa giữa bản tính tự nhiên và bản chất xã hội trong cấu trúc nhân cách của con người và thực trạng việc giáo dục nhân cách, luận văn đề xuất một số phương hướng và biện pháp nhằm góp phần thực hiện tốt hơn việc giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn không đề cập toàn bộ vấn đề nhân cách và giáo dục nhân cách mà chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu ở vấn đề mối quan hệ giữa bản tính tự nhiên và bản chất xã hội của con người trong cấu trúc của nhân cách nhằm góp phần xác định đúng phương hướng và giải pháp nhằm giáo dục, rèn luyện *nhân cách đạo đức* cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; kết hợp các phương pháp: phân tích và tổng hợp, logic và lịch sử, đối chiếu và so sánh, quy nạp và diễn dịch; kết hợp lý luận với thực tiễn.

5. Bố cục đề tài

Ngoài Phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận văn gồm ba chương, 7 tiết.

Chương 1: Lý luận chung về bản tính tự nhiên và bản chất xã hội của con người và mối quan hệ của chúng trong cấu trúc nhân cách.

Chương 2: Vấn đề hình thành nhân cách và thực trạng nhân cách của thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nhằm giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong lịch sử triết học vấn đề bản tính con người và sự hình thành nhân cách con người là đề tài gây nhiều tranh luận gay gắt, mỗi trường phái triết học đều có một quan điểm riêng, nhưng nhìn chung tác giả đã có một đóng góp nhất định cho nhân loại, trong những thập kỷ gần đây, vấn đề này được nhiều nhà nghiên cứu bàn luận.

Trên các tạp chí Triết học và một số tạp chí khác, có rất nhiều sự quan tâm của các tác giả về vấn đề giáo dục đạo đức, nhân cách con người như: *“Vấn đề triết học về bản tính con người và vai trò của giáo dục gia đình”* của Nguyễn Tấn Hùng (Tạp chí triết học); *“Quan niệm của Phan Bội Châu về bản tính con người”* của Nguyễn Văn Hòa (Tạp chí triết học); *“Về sự hình thành nhân cách”*, *“Vai trò của giá trị đạo đức truyền thống trong sự hình thành và phát triển nhân cách”* của Cao Thu Hằng (Tạp chí triết học); *“Về một số giải pháp xây dựng nhân cách đạo đức hiện nay”* của Nguyễn Văn Phúc (Tạp chí triết học); *“Đạo đức gia đình trong nền kinh tế thị trường”* của Nguyễn Thị Khoa (Tạp chí triết học); *“Về sự suy giảm giá trị đạo đức hiện nay”* của Đinh Hùng Tuấn (Tạp chí Người đọc sách); *“Về nhân cách lý tưởng của thời đại kinh tế tri thức”* do Viễn Phổ dịch từ tài liệu tiếng Trung (Tạp chí Khoa học xã hội); *“Những đứa trẻ hoang dã và vấn đề bản chất con người”* của Claude Bert, do Việt Chung dịch – Theo Văn hóa Nghệ thuật) v.v...

Nhiều tác giả đã có những công trình nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề giáo dục đạo đức, nhân cách cho con người trong giai đoạn mới như: *“Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay, vấn đề và giải pháp”* do Nguyễn Duy Quý chủ biên (Nxb. Chính trị quốc gia, 2006) tìm hiểu đạo đức xã hội dưới tác động, ảnh hưởng của kinh tế, chính trị ở nước ta hiện nay và phân tích đạo đức của từng nhóm đối tượng: đạo đức của cán bộ đảng viên và công chức, đạo đức của thanh niên, đạo đức trong lao động, giao tiếp, đạo đức trong gia đình.

Quyển sách “*Sự phát triển của cá nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*” do Đoàn Đức Hiếu chủ biên (Nxb Chính trị quốc gia, 2003): Xuất phát từ quan điểm của triết học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất con người, khẳng định vai trò cá nhân trong sự phát triển xã hội và từ thực tiễn nước ta, cuốn sách đã phân tích rõ và dự báo sự tác động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đối với sự phát triển cá nhân. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về mọi mặt.

Quyển sách “*Những giá trị sống cho tuổi trẻ*” của Diane Tillman (Nxb Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009) là quyển sách hay tập hợp các bài giảng về đạo đức cho tuổi trẻ với nội dung sâu sắc về các giá trị đạo đức. Các bài học này mang tính hướng dẫn hơn là răn dạy. Đây là tài liệu tốt phục vụ cho việc đổi mới giáo dục đạo đức ở Việt Nam hiện nay.

Đề tài “*Quá trình hình thành nhân cách với việc giáo dục, rèn luyện sinh viên ở nước ta hiện nay*” của Nguyễn Tấn Hùng (Đề tài cấp Bộ, nghiệm thu năm 2008). Đề tài nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống các vấn đề về nhân cách. Đề tài đi sâu nghiên cứu phân tích tình hình cụ thể về tư tưởng và học tập của sinh viên, về nội dung, phương pháp giáo dục, rèn luyện nhân cách sinh viên trong điều kiện kinh tế thị trường. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số biện pháp sát thực, có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục, rèn luyện nhân cách của sinh viên đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Ngoài ra, các văn kiện, Nghị quyết, Cương lĩnh của Đảng ta qua các kỳ Đại hội cũng đã đề cập đến rất nhiều các vấn đề về giáo dục đào tạo, vấn đề nguồn nhân lực con người.

Nhìn chung, các kết quả nghiên cứu trên mới chỉ tập trung vào vấn đề phân tích bản tính, bản chất của con người mà chưa nêu lên mối quan hệ giữa

hai mặt này. Vì vậy, khi bàn đến khái niệm nhân cách thì các tác giả chưa phân tích được mối quan hệ giữa bản tính và bản chất của con người trong cấu trúc của nhân cách, chưa thấy được vai trò của chúng trong giáo dục, rèn luyện nhân cách, chưa phát hiện kịp thời những bản tính riêng biệt, độc đáo của mỗi người để có tác động phù hợp giúp cho sự hình thành nhân cách ở mỗi người.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢN TÍNH TỰ NHIÊN VÀ BẢN CHẤT XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG TRONG CẤU TRÚC NHÂN CÁCH

1.1. CÁC QUAN ĐIỂM TRIẾT HỌC TRƯỚC VÀ NGOÀI MÁC VỀ VẤN ĐỀ BẢN TÍNH CON NGƯỜI

Các quan điểm triết học trước Mác thường chưa có sự phân biệt giữa bản tính tự nhiên và bản chất xã hội của con người nên thường tuyệt đối hóa vai trò của bản tính tự nhiên bẩm sinh của con người trong nhân cách.

Khái niệm “bản tính” (Triết học Trung Quốc gọi là “*nhân tính*” – tính người, triết học phương Tây gọi là *bản tính tự nhiên của con người* - human nature) dùng để chỉ những phẩm chất và năng lực tâm lý có sẵn khi con người sinh ra trước khi được giáo dục. Một số quan điểm duy tâm, tôn giáo đồng nhất bản tính bẩm sinh của con người với một linh hồn bất tử có trước cơ thể; một số quan điểm khác xuất phát từ chủ nghĩa tự nhiên cho rằng con người vốn sinh ra đã có tính thiện hoặc tính ác.

1.1.1. Quan niệm về bản tính con người trong triết học Phương Đông

Diễn hình cho tư tưởng triết học về bản tính con người ở Phương Đông đó chính là quan điểm của Ấn Độ và Trung Quốc mà tiêu biểu là triết học Phật giáo và triết học Nho giáo.

Triết học Ấn Độ chịu ảnh hưởng nặng nề của tôn giáo, nên khi luận bàn về bản tính con người không thể thoát khỏi triết học của tôn giáo. Tôn giáo và triết học duy tâm Ấn Độ phân chia bản tính bẩm sinh của con người thành hai phần và đối lập chúng với nhau một cách cực đoan: phần linh hồn (atman: linh hồn cá thể) bất tử, vạn năng, cao quý, thánh thiện vốn xuất phát từ một tồn tại siêu tự nhiên (Brahman: linh hồn vũ trụ tối cao) và phần tâm lý xấu xa, tội lỗi với những ham muốn, dục vọng xuất phát từ cơ thể vật chất tầm

thường. Bản tính con người ở trần tục bị biến dạng, tha hóa, không thể tự trở về giá trị của chính mình. Cho nên muốn giải thoát linh hồn khỏi sự ràng buộc bởi đời sống vật chất tầm thường thì phải tu luyện để siêu thoát.

Triết học Ấn Độ có 9 trường phái khác nhau và chia làm hai khuynh hướng: Hệ thống triết học chính thống gồm Samkhia, Nyaya, Vaisesika, Mimansa, Yoga, Vedanta; Hệ thống triết học không chính thống gồm Lokayata, Đạo Jaina, Phật giáo. Các trường phái chính thống đều thừa nhận sự tồn tại của linh hồn vũ trụ tối cáo Brahman. Họ cho rằng Brahman là thực tại duy nhất, tồn tại vĩnh cửu; còn thế giới vật chất chỉ là ảo ảnh, do sự “vô minh” của con người sinh ra. Linh hồn cá thể (atman) chỉ là hiện thân của Brahman, bị giam hãm trong thể xác của con người. Để giải thoát cho linh hồn, con người cần phải dốc lòng tu luyện.

Ở các trường phái không chính thống thì không thừa nhận Brahman và Atman. Trường phái Lokayata cho rằng cơ thể con người do 4 yếu tố vật chất: đất, nước, lửa, gió tạo nên. Ý thức là thuộc tính của cơ thể, khi cơ thể chết đi thì ý thức cũng không còn. Lokayata cho rằng “Không có thiên đường, không có sự giải thoát, không có linh hồn, không có nghiệp báo”, vì vậy con người nên sống vui vẻ và hưởng thụ những lạc thú của cuộc đời. Quan điểm của Lokayata về cơ bản là đúng nhưng chưa thoát khỏi hạn chế của chủ nghĩa khoái lạc thô sơ, chất phác.

Trong *triết học Phật giáo*, con người là sự kết hợp giữa danh và sắc (vật chất và tinh thần). “Sắc thân luôn luôn quan hệ với Danh. Cũng như lòng trắng trứng với cái vỏ bao bọc thành quả trứng, cũng như thể mà *Danh* với *Sắc* của người ta không bao giờ rời nhau” [53, tr. 239].

Đời sống con người ở trần gian chỉ là ảo giác hư vô. Trong quá trình tồn tại, người nào cũng có tính trần tục và phật tính. Trần tục chính là tham, sân, si, là vô minh, ái dục. Phật tính là tính giác ngộ về cõi niết bàn, về cõi chân

như. Với quan niệm trên, Phật giáo thừa nhận bản tính con người vốn có cái ác và cái thiện. Cuộc sống vĩnh cửu là phải hướng tới cõi niết bàn, nơi tinh thần con người được giải thoát để trở thành bất diệt.

Như vậy, Phật giáo tuy không thừa nhận Brahman – sáng tạo ra thế giới và Atman – linh hồn bất tử nhưng lại thừa nhận có thần tiên là đẳng cấp cao hơn con người. Bên cạnh đó, Phật giáo cho rằng những ham muốn, dục vọng của con người là xấu xa, tội lỗi và khuyên con người phải biết diệt ái dục, khuyên con người sống khoan dung độ lượng, phải biết yêu thương nhau, giúp đỡ đồng loại để đi đến hoàn thiện bản tính trong con người.

Vấn đề bản tính con người trong triết học Ấn Độ có những hạn chế nhất định như: không tìm thấy được mối liên hệ mật thiết giữa các yếu tố vật chất và tinh thần, giữa các cá nhân và xã hội. Vì vậy, bản tính con người trong triết học Ấn Độ tạo cho con người có ảo tưởng về tồn tại tốt đẹp ngoài xã hội, về những bản tính không có thật. Cách tu luyện của trường phái triết học Yoga tuy giúp con người rèn luyện cơ thể có tâm thanh tịnh, giải tỏa căng thẳng trong đời sống hằng ngày, hướng cho con người đến cái thiện, nhưng xét đến cùng thì mục đích của những phương pháp này chỉ là sự thể hiện mong muốn chủ quan mà thôi.

Khác với triết học Ấn Độ, triết học Trung Quốc khi bàn đến bản tính con người lại có triết lý sâu sắc hơn làm cơ sở cho việc giáo dục con người và con đường trị quốc – đường lối đức trị.

Khổng Tử (tên Khâu, tự Trọng Ni, 551- 479 tr.CN) là người sáng lập học thuyết Nho Gia, xuất phát từ thế giới quan duy tâm ông cho rằng bản chất con người là do thiên mệnh chi phối “Sống chết do số mệnh, giàu sang tại trời” (“Sinh tử tại mệnh, phú quý tại thiên”. *Luận Ngữ*. *Nhan Uyên*).

Khổng Tử cho rằng bản tính con người là ngay thẳng, là trung dung, trung thứ, là thành thật với chính mình và đem lòng ứng xử với người rất tốt.

Theo ông, bản tính con người khi mới sinh ra là giống nhau, nhưng do giáo dục, rèn luyện khác nhau mà xa nhau (“Tính tương cận dã, tập tương viễn dã”. *Luận ngữ. Dương Hóa*).

Ngoài ra, yếu tố ngoại cảnh, môi trường xã hội ảnh hưởng rất lớn đến bản tính con người, cái tính ngây thơ ban đầu ấy có thể bị thay đổi bởi điều kiện ngoại cảnh, bởi sự tu dưỡng đạo đức sau này. “Khổng Tử cho rằng tuy tính người là do Trời định, nhưng con người bằng nỗ lực chủ quan của mình cũng có thể thay đổi được cái Thiên tính ban đầu” [57, tr. 31].

Khi đề cập đến vấn đề Trí, Khổng tử một mặt tin vào mệnh trời cho rằng tri thức bẩm sinh là tri thức thượng thặng, là tri thức thượng trí trời sinh ra đã có và không biến đổi (*Luận ngữ, Quý thị, 9*), mặt khác, ông lại cho rằng trí không phải ngẫu nhiên mà có, nó là kết quả của quá trình học hỏi trong đời sống, “Học tức là đến gần với trí” (*Trung dung, 20*).

Quan niệm về bản tính con người của Khổng Tử mặc dù chưa lý giải gì nhiều nhưng nó đã đặt nền tảng ban đầu cho các nhà nho về sau kế thừa, phát triển.

Mạnh Tử (tên là Kha, tự là Tử Dư, 372-289 tr.CN) cho rằng “bản tính con người là thiện” cái thiện là cái do trời phú, là cái tiên thiên chứ không phải do con người lựa chọn. Ông viết: “*Yêu người thân là đức nhân. Kính người lớn là đức nghĩa. Cái điều biết yêu biết kính mà cho là bản tính nhân nghĩa, không vì có gì khác đâu, vì là cái lòng kính yêu ấy suốt cả thiên hạ, ai ai cũng vậy*” [52, tr. 349].

Ông đưa ra ba căn cứ để lý giải thuyết tính thiện của mình. Thứ nhất, con người ai cũng có lòng trắc ẩn (biết thương xót), lòng tu ó (biết hổ thẹn), lòng từ nhượng (biết cung kính) và lòng thị phi (biết phải trái) Đó là bốn đầu mối của thiện gọi là “Tứ đoan” mà trời phú cho con người. Thứ hai, đã là loài người thì ai ai cũng đều có chung cái mầm thiện vốn có. Thứ ba, tính thiện

của con người là đều bắt nguồn từ “tâm” của mỗi con người. “Tâm” là cái Trời phú cho ta, là cơ quan để suy nghĩ, để phân biệt phải trái, thiện ác, nên còn gọi là “lương tâm”.

Bản tính con người là thiện nhưng do ảnh hưởng của hoàn cảnh bên ngoài tác động có thể làm mất đi cái tính thiện vốn có. “*Tính con người ta vốn thiện, cũng như nước chảy xuống chỗ thấp... Nay nước kia đập cho nó bắn lên, có thể khiến cho nó vọt qua trán, ngăn cho nó đi ngược... ấy có phải là nguyên tính của nước thế đâu, chỉ vì cái thế của nó bị đập, bị ngăn nên mới như thế*” [52, tr. 350].

Vì vậy, Mạnh Tử chủ trương “tồn tâm dưỡng tính”, con người phải không ngừng tu dưỡng đạo đức để giữ gìn bản tính tốt đẹp của mình. Trong quá trình tu dưỡng đó, con người phải siêng năng, cần mẫn như “Ở trên núi đường mòn được người ta đi lại luôn, thì thành ngay đường lớn. Hễ bỏ vắng, không đi lại nữa thì cỏ tranh mọc lấp ngay” (*Mạnh Tử, Tận tâm hạ*).

Tuân Tử (tên là Huống Tử là Khanh 315 – 230 tr.CN) là người phát triển truyền thống trọng Lễ của Nho gia, nhưng trái với Khổng Tử và Mạnh Tử, ông cho rằng con người vốn có “tính ác”. Theo ông, cái tham lam, ích kỷ, gian ác, đố kỵ, dâm loạn là thuộc về bản năng vốn có của con người. Theo bản năng sinh lý ấy thì “con người ta sinh ra muốn màu sắc, tai thích âm thanh, miệng khoái mùi vị, tâm chuộng lợi lộc, xương cốt da thịt thú khoái lạc. Tất cả đều nảy sinh từ tính tình của con người... thuận theo tính ấy của con người, tất nảy sinh sự tranh đoạt” (*Tuân Tử, Chính danh*).

Mặc dù Tuân Tử cho rằng tính người là ác nhưng theo ông có thể giáo dục, cải hóa con người từ ác thành thiện: “Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả ngyu giả” (Tính của người là ác, thiện là do người làm ra) (*Tuân Tử, Tính ác, XXIII*). Ông vạch rõ hành vi đạo đức của con người là do thói quen lâu ngày mà thành. Phẩm chất con người là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội và kết quả

của sự học tập, tu dưỡng lâu ngày mà nên. Ông nói: “Tính không phải tự nhiên ta có được, nhưng có thể làm cho có được. Chú ý làm lụng, tập thành thói quen, để hóa cái tính ấy...” (*Tuân Tử, Nho hiệu*).

Từ đó ông kêu mọi người nỗ lực học tập nhằm gạt bỏ tính ác của con người nhằm hướng tới cái thiện. Ông cũng chủ trương lấy lễ nghĩa, phép tắc để khống chế tính ác. Bằng sự giáo dục lễ nghĩa, bằng sự tích thiện, thì bất cứ người nào cũng đều có thể đạt được địa vị của người quân tử.

Tuy có quan niệm khác nhau về bản tính tự nhiên của con người nhưng các nhà Nho đều coi trọng vai trò quyết định của giáo dục trong việc hình thành nhân cách, và chỉ có những cá nhân có nhân cách tốt (người quân tử) mới có thể đảm nhận việc cai trị đất nước.

Hàn Phi Tử (280 – 233 tr.CN), đại biểu xuất sắc của Pháp gia, người kế thừa và phát triển thuyết “tính ác” của *Tuân Tử*. Ông khẳng định rằng bản chất con người là “ích kỷ” và đặc tính chủ yếu của nó là “sự ham mê lợi ích và thù ghét tai họa” (*Hàn Phi Tử, Vong trung*). Ông cho rằng, con người sinh ra vốn tham dục, vị lợi, luôn “thích điều lợi và tìm nó, ghét cái hại và tránh nó” (*Hàn Phi Tử, Gian hiệp thí thân*) – đó là bản tính tự nhiên. Vì vậy, tất cả các quan hệ xã hội đều được xây dựng trên cơ sở tính toán lợi ích cá nhân. Do đó, muốn trị dân, muốn nước mạnh không thể lấy giáo dục, lễ nghĩa làm trọng mà phải đề cao pháp luật, dùng pháp luật và hình thức thưởng phạt mới có thể cải tạo và duy trì xã hội ổn định.

Còn với *Cáo Tử*, khi bàn đến bản tính con người ông cho rằng bản tính con người là: Chẳng phải thiện, cũng chẳng phải bất thiện “tính vô thiện , vô bất thiện giả” (*Mạnh Tử - Quyển Hạ*).

Đây là quan điểm độc đáo trong quan niệm về bản tính người của *Cáo Tử*. *Cáo Tử* cho rằng: Ban đầu tính con người là nguyên sơ, vốn là cái gì đó thuần túy, mộc mạc ngây thơ ví như tờ giấy trắng vậy. Cái tính tự nhiên của

con người chẳng phân biệt với cái thiện, cái ác. Cũng như dòng nước chảy chẳng phân biệt phía Đông hay là phía Tây. “Tính người không phân biệt thiện hay bất thiện cũng như nước không phân biệt phía đông, phía tây vậy” (*Mạnh Tử, Cáo Tử thượng*).

Như vậy, trong quan niệm về tính người của Cáo Tử ít nhiều đã chỉ đến cái bản năng của sinh vật. Còn về mặt xã hội, tính người thiện hay ác chỉ có thể hình thành về sau và phụ thuộc vào hoàn cảnh điều kiện giáo dục.

Trong không khí tranh luận sôi nổi về bản tính con người của Nho Gia và Pháp Gia, không thể không đề cập đến tư tưởng của trường phái Đạo Gia.

Lão Tử, người sáng lập Đạo gia cho rằng bản tính tự nhiên của con người là tốt, nên kêu gọi con người trở về với tự nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên. Ông nêu cao học thuyết “vô vi” trong lối sống cá nhân, cai trị đất nước. Trong quan niệm sống của ông, con người cần phải “vô vi”, nghĩa là sống, hoạt động theo lẽ tự nhiên, thuần phác, không hành động có tính chất giả tạo, gò ép trái với bản tính tự nhiên của mình.

Vô vi còn có nghĩa là không làm mất cái đức tự nhiên, thuần phác vốn có của vạn vật, không ham muốn những gì trái với bản tính tự nhiên của mình, cố tìm cách thỏa mãn những dục vọng đó, dẫn tới sự can thiệp vào guồng máy tự nhiên sẽ mang lại những tai họa: “Ngũ sắc làm cho mắt mờ, ngũ âm làm cho tai điếc, ngũ vị làm cho miệng chán, cưỡi ngựa săn bắn làm cho lòng phát cuồng, vật khó khiến làm cho lòng tà vậy” (*Đạo đức kinh, Chương 12*).

Một nhà tư tưởng lớn nữa trong phái Đạo gia là *Trang Tử* (khoảng 365-290 tr.CN). Với Trang Tử, ông cho rằng vì mỗi người sinh ra từ đạo tự nhiên nên họ có một bản tính, một khả năng sở thích của riêng mình, không ai giống ai. Sự sống chết là quá trình tất nhiên của tự nhiên. Trang Tử phóng đại tác dụng tinh thần của con người, cho rằng tinh thần chủ quan có thể qua lại với tinh thần của trời đất, của vạn vật. Vậy nên không có sự phân biệt giữa “vật”

và “ta”, con người nên hòa đồng với “đạo”. Với chủ trương ấy nên ông cho rằng con người không cần cải biến sự vật. Con người chỉ có thể tuyệt đối phục tùng tính chất tự nhiên biến hóa của thế giới vạn vật mà thôi. Thực chất, Trang Tử đã đề cao và tuyệt đối hóa mặt tự nhiên, phủ nhận mặt xã hội của con người, phủ nhận những hoạt động thực tiễn xã hội và vai trò của nó trong việc hình thành con người.

Đổng Trọng Thư (179 - 104 tr.CN) – người đặt nền móng cho tư tưởng triết học chính thống thời nhà Hán. Khi bàn đến vấn đề nhân tính, cũng như Khổng – Mạnh, ông cho rằng bản tính của con người ta là do trời phú, nhưng ông không tán thành với quan điểm của Mạnh Tử rằng con người sinh ra vốn tính thiện. Ông nói “Thiện như hạt lúa, tính như cây lúa. Cây lúa tuy sinh ra hạt lúa, nhưng cây lúa chưa thể gọi là hạt lúa. Cũng vậy, tính tuy sinh ra thiện nhưng tính chưa thể gọi là thiện” (*Xuân thu phồn hạ, Thiên 36*).

Đổng Trọng Thư chia tính người ra làm ba loại: thượng, trung, hạ tùy theo sự bám thụ “thiên lý” khác nhau. Tính *thượng đẳng* là tính thiện trời sinh, cho nên thánh nhân đương nhiên là người cao trên hết; tính *trung đẳng* là tính có thể trở thành thiện hoặc ác nhưng có thể dùng luân lý đạo đức phong kiến để giáo hóa làm cho nó biến thành thiện; tính *hạ đẳng* là tính của những người sinh ra đã ngu dốt, chỉ làm điều ác – đó chính là tính của tầng lớp nhân dân trong xã hội phong kiến. Thực chất của quan điểm này đưa ra nhằm biện minh cho tính hợp lý của chế độ đẳng cấp phong kiến.

Tóm lại, trong triết học Phương Đông có rất nhiều quan điểm khác nhau về bản tính con người. Ở các quan điểm này chứa đựng những mặt tích cực và cũng chứa đựng rất nhiều mặt hạn chế. Tuy nhiên, những tư tưởng đó là sự đóng góp to lớn vào kho tàng tư tưởng của nhân loại.

1.1.2. Quan điểm về bản tính con người trong triết học Phương Tây

Ở triết học Phương Tây, các nhà triết học duy tâm khách quan thường hay thần thánh hóa về mặt tinh thần trong đời sống của con người. Vì vậy, họ quan niệm bản tính con người có từ “ý niệm” (Platon) hay là “ý niệm tuyệt đối” (Heghen). Các đại biểu duy tâm chủ quan thì lại tuyệt đối hóa “cái tôi” của con người tức là yếu tố chủ quan trong bản tính con người.

Triết học Hy Lạp cổ đại xem con người là khởi điểm của tư duy triết học. *Platôn* (khoảng 428-348 tr.CN) là đại biểu lớn nhất của chủ nghĩa duy tâm khách quan thời cổ đại. Ông đã đồng nhất bản tính bẩm sinh của con người với linh hồn bất tử có trước cơ thể. “Linh hồn con người cũng tương tự như linh hồn vũ trụ, nhờ nó mà con người trở thành một thực thể sinh động. Sự hiện hữu của con người và ý nghĩa của sự hiện hữu đó là do linh hồn quy định” [13, tr. 118].

Trong tác phẩm *Chính thể cộng hòa*, Platôn xác định cấu trúc ba phần của linh hồn cá thể. Ông quan niệm linh hồn có ba phần: phần lý tính (biết yêu quý chân lý), phần tinh thần (yêu chuộng danh dự, chiến thắng), phần ham muốn vật chất (nó ham thích ăn, uống, tình dục) (*Chính thể cộng hòa, quyển IV, 435b-445b*). Một linh hồn chân chính là một linh hồn mà ở đó các bộ phận của nó hoạt động hài hòa.

Theo ông, ở những bộ phận người khác nhau thì vị trí của mỗi phần trong linh hồn cũng khác nhau. Ông phân chia xã hội thành những lớp người có linh hồn khác nhau để giáo dục họ trở thành những nhân cách khác nhau. Bộ phận đông đảo người trong linh hồn có phần ham muốn vật chất là chủ yếu thì được giáo dục để trở thành người sản xuất; một bộ phận khác được giáo dục để trở thành người chiến binh; bộ phận nhỏ nhưng ưu tú trong linh hồn chỉ có lòng ham muốn sự thông thái thì được giáo dục để trở thành nhà triết học và

dảm nhận trách nhiệm cai trị xã hội. Như vậy đối với Platon, bản tính bẩm sinh (linh hồn) giữ vai trò quyết định việc giáo dục và hình thành nhân cách.

Với *Arixtôt* (khoảng 384-322 tr.CN) thì bước đầu ông đã thấy được mặt xã hội của con người – mặt căn bản phân biệt con người với con vật. Ông nói “con người là một động vật chính trị”. Arixtôt bác bỏ quan niệm linh hồn tách khỏi cơ thể và cho rằng “mặc dù linh hồn không phải là sự vật vật chất, nhưng linh hồn không tách rời khỏi cơ thể” [29, tr. 152].

Arixtôt là một nhà triết học có nhiều cống hiến về đạo đức, theo ông đạo đức là một phẩm chất linh hồn trong cuộc sống của con người, nó không bằng con đường tự nhiên bẩm sinh mà bằng sự tự rèn luyện và hoạt động của con người “*cái thiện không phải là cái vốn có trong bản tính tự nhiên của con người, nhưng cũng không đi ngược lại cái bản tính tự nhiên đó*” [29, tr. 153].

Arixtôt cho rằng: người có đạo đức tốt thường thể hiện qua hành động đạo đức, nếu ai làm việc thiện thì trở thành chính nghĩa, ai hành động dửng cảm thì người đó dửng cảm, cũng có người có bản tính tốt sẽ làm nhiều việc thiện và người có bản tính xấu thì sẽ độc ác, xấu xa làm hại mọi người. Arixtôt đã đưa phạm trù “chính nghĩa” làm trung tâm của vấn đề đạo đức. Ông chú trọng vai trò của giáo dục và học vấn trong quá trình hình thành bản chất con người.

Bước sang *thời kỳ Trung cổ*, do ảnh hưởng của thế giới quan tôn giáo, các nhà thần học Kitô giáo đứng trên lập trường duy tâm khách quan đã cho rằng: Con người không tồn tại độc lập, quá trình nhận thức của con người là do nhận thức của Thượng đế; Thượng đế sáng tạo ra tất cả. Vì vậy, bản tính con người cũng do Thượng đế sáng tạo ra, cho nên mọi hạnh phúc, khổ sở, gian xảo, thiện, ác cũng đều do thượng đế sắp đặt.

Một số tác giả tiêu biểu của thời kỳ này như: *Ôguyxtanh* (Augustine, 354-430) đã quan niệm rằng con người là Thượng đế sáng tạo ra, con người

được tự do trong giới hạn sự tiền định của thượng đế. Ông cho rằng, con người về bản tính là tội lỗi. Một câu hỏi được đặt ra, tại sao con người là một phần sáng tạo của thượng đế mà lại vốn có bản tính “ác”. Ôguyxtanh lập luận rằng “*Cái ác không phải do thượng đế sáng tạo ra. Cái ác trong tự nhiên là do sự thiếu trật tự trong tự nhiên... Cái ác trong đạo đức con người xuất phát từ sự tự do ý chí là sự không vâng lời của con người*” [29, tr. 238].

Tômát ở Aquin (1225-1274) cũng cho rằng Thiên Chúa là người có công lao sáng tạo, sắp đặt trật tự thế giới, thế giới được Chúa sắp đặt từ các sự vật không có linh hồn đến con người thần thánh và cao nhất là Chúa.

Như vậy, tư tưởng về bản tính con người trong triết học Tây Âu trung cổ chỉ nằm trong giới hạn của thượng đế, bản tính con người do thượng đế định đoạt và chi phối.

Bước sang thời kỳ Phục Hưng và Cận đại vấn đề con người được quan tâm nhiều hơn, bởi vì thời kỳ này triết học và khoa học luôn hướng đến mục tiêu vì con người và phát triển con người.

Với *Thomas Hobbes* (1588 - 1679), con người là một vấn đề trung tâm trong triết học của ông. Theo ông, con người là một thực thể thống nhất giữa tự nhiên và xã hội. Về mặt tự nhiên thì con người khi sinh ra đều như nhau. Trên cơ sở đó, Hobbes đã đẩy sự phát triển sang một hướng khác, ông cho rằng bản tính con người là ích kỷ và tìm mọi cách để thu vén những lợi ích riêng tư của mình. Trong khi đó về mặt tự nhiên ai cũng giống ai, vì vậy mọi người phải giằng xé nhau để sống. “Hobbes coi con người như một cái máy, cho rằng bản tính tự nhiên của con người là ích kỷ và độc ác... cuộc sống con người là cô độc, tồi tệ, bản thiêu, độc ác và thiếu cận” [1, tr. 131]. Do vậy, xã hội loài người không tránh khỏi những cuộc chiến tranh liên miên gây tang thương, đau khổ cho đồng loại.

Trong chừng mực nào đó, phải thừa nhận rằng Hobbes đã chỉ ra con người không phải là một sinh vật thần thánh, mà cũng chỉ là một sinh vật như những sinh vật khác. Tuy nhiên, cái quyết định con người là con người chính là bản tính xã hội thì Hobbes lại không thấy.

John Locke (1632-1704) – người sáng lập ra chủ nghĩa kinh nghiệm Anh, trong *Luận về sự hiểu biết của con người*, ông đã nghiên cứu bản chất ý thức của con người và quá trình con người nhận thức thế giới. Bác bỏ học thuyết truyền thống về tư tưởng bẩm sinh, Locke tin rằng đầu óc con người khi sinh ra là một “tấm bảng trắng” không có bất kỳ ý niệm gì. Nhờ có kinh nghiệm (sự quan sát bằng giác quan) mà những tri giác được in lên tấm bảng đó.

Theo Locke, con người về bản tính là hòa bình, có tính cộng đồng và tốt bụng. Quan điểm này của ông hoàn toàn trái với Hobbes về bản tính tự nhiên của con người. Khi bàn về đạo đức, Locke cho rằng không có cái thiện và cái ác bẩm sinh, đó là những cái được rút ra từ kinh nghiệm sống hàng ngày.

Như vậy, quan điểm của các nhà duy vật thời kỳ này đã tiến bộ hơn so với thời kỳ Trung cổ ở chỗ coi con người không phải là sản phẩm của Thượng đế. Trong con người có sự thống nhất giữa cơ thể là linh hồn, chống lại quan điểm linh hồn bất tử của tôn giáo. Song quan niệm của họ về con người và bản tính con người chưa thoát khỏi sự ràng buộc của tư duy siêu hình máy móc. Để nhận thức đầy đủ bản chất con người cả về mặt xã hội cũng như sinh học thì chưa một nhà triết học nào làm được.

Triết học Phương Tây phát triển đến đỉnh cao là triết học cổ điển Đức, tiêu biểu nhất là hệ thống triết học *Hêghen* (Hegel, 1770 - 1831). Xuất phát từ lập trường duy tâm khách quan, Hêghen cho rằng con người là hiện thân của “ý niệm tuyệt đối”. Ông khẳng định rằng con người về bản tính vốn là bất bình đẳng. Mọi sự bất công, tệ nạn xã hội là những hiện tượng tất yếu của sự phát triển xã hội xuất hiện từ bản tính con người. Hêghen cũng đã làm rõ vai

trò của lao động trong quá trình hoạt động của con người và khẳng định vai trò chủ thể của con người đối với lịch sử.

Đối lập với Hêghen, *Phoiobắc* (Feuerbach, 1804-1872) lại khẳng định rằng con người không phải là nô lệ của thượng đế hay “tinh thần tuyệt đối” mà là sản phẩm của tự nhiên, là thể thống nhất giữa cơ thể và ý thức. Con người và tự nhiên không thể tách rời, thông qua giới tự nhiên con người nhận thức và ý thức được chính bản thân mình. Tuy nhiên, con người trong triết học Phoiobắc là con người trừu tượng, ông chỉ coi con người như là những cơ thể sinh vật có ý thức, có tình cảm; những cá nhân tách rời quan hệ xã hội và hoạt động thực tiễn. “Feuerbach không thấy con người tồn tại trong sự phụ thuộc các quan hệ xã hội và cũng không nhận thấy rằng con người có thể thông qua các công cụ lao động tác động vào giới tự nhiên, gây biến đổi bộ mặt của giới tự nhiên” [13, tr. 503]. Chính vì vậy, Ăngghen đã nhận xét Phoiobắc là nhà duy vật nửa vời.

Trong *các trào lưu triết học Phương Tây hiện đại* thì vấn đề con người được tập trung rõ nét qua một số quan niệm triết học tiêu biểu như: chủ nghĩa nhân vị, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa phê phán, phân tâm học, hiện tượng học, chủ giải học, chủ nghĩa hiện sinh... Nhìn chung, các học thuyết thuộc trào lưu triết học Phương Tây hiện đại đề cao những yếu tố về tinh thần như: bản năng, vô thức, tri thức v.v... xem đó là bản chất con người. Con người thường được tách ra khỏi mối quan hệ với xã hội hoặc nếu có đề cập cũng chỉ ở góc độ hoài nghi, bi quan, bế tắc.

Tóm lại, quan điểm về bản tính con người trong triết học phi Mácxit dù là đứng trên nền tảng thể giới quan duy vật hay duy tâm, phương pháp luận biện chứng hay siêu hình cũng chưa phản ánh đúng bản chất con người. Các quan niệm trên đều xem xét con người một cách trừu tượng, tuyệt đối hóa mặt tinh thần, mặt tự nhiên mà không thấy được mặt xã hội của con người. Vì vậy,

các nhà triết học không thể hiểu bản chất con người một cách toàn diện. Tuy vậy, một số trường phái triết học vẫn đạt được những thành tựu trong việc phân tích, nghiên cứu con người, đề cao lý tính đề hướng con người tới tự do. Đó là những tiền đề có ý nghĩa cho việc hình thành tư tưởng về con người của triết học Mác-xít.

1.2. QUAN ĐIỂM VỀ BẢN CHẤT CON NGƯỜI TRONG TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

Khác với các nhà triết học trước Mác đồng nhất bản chất của con người với bản tính tự nhiên bẩm sinh, triết học Mác không phủ nhận mặt tự nhiên bẩm sinh của con người, nhưng nhấn mạnh vai trò quyết định của mặt xã hội trong bản chất và trong nhân cách của con người.

1.2.1. Con người là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật với mặt xã hội trong đó mặt xã hội giữ vai trò quyết định

Trên cơ sở kế thừa các quan điểm tiên bộ trong lịch sử triết học, dựa vào những thành tựu của khoa học tự nhiên, triết học Mác – Lênin khẳng định con người là thực thể thống nhất giữa yếu tố sinh học và yếu tố xã hội.

Yếu tố sinh vật của con người, tức là người phụ thuộc bởi quy luật của tự nhiên, bởi vì giới tự nhiên là tiền đề vật chất đầu tiên quy định sự tồn tại của con người do đó bản tính tự nhiên của con người bao hàm cả tính sinh học và tính loài của nó, yếu tố sinh học trong con người là điều kiện đầu tiên quy định sự tồn tại của con người. Ph.Ăngghen cho rằng: “giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người” [39, tr. 135], con người là một bộ phận của tự nhiên.

Với tư cách là động vật cao cấp nhất, tinh hoa của muôn loài, con người là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của giới tự nhiên. Con người phải tìm kiếm mọi điều cần thiết cho sự tồn tại của mình trong đời sống tự nhiên như thức ăn, nước uống, nơi ở... Đó là quá trình con người đấu tranh với tự nhiên, với thú dữ để sinh tồn. Trải qua hàng chục vạn năm, con người đã thay

đôi từ vượn thành người, điều này đã được chứng minh trong các công trình nghiên cứu của Đacuyn. Các giai đoạn mang tính sinh học mà con người trải qua từ lúc sinh thành, phát triển và mất đi quy định bản tính sinh học trong đời sống con người. Như vậy, con người trước hết là một tồn tại sinh vật, biểu hiện trong những cá nhân con người sống, là tổ chức cơ thể của con người và mối quan hệ của nó với tự nhiên. Những thuộc tính, đặc điểm sinh học, quá trình tâm sinh lý... nói lên bản chất sinh học của con người. Ăngghen nhận định “Bản thân cái sự kiện là con người từ loài động vật mà ra cũng đã quyết định việc con người không bao giờ hoàn toàn thoát ly khỏi đặc tính vốn có của con vật” [38, tr. 146].

Như vậy, yếu tố sinh vật là quan trọng trong sự hình thành bản chất con người, nhưng chưa phải là yếu tố duy nhất quy định bản chất con người. Đặc trưng quy định sự khác biệt giữa con người với thế giới loài vật chính là mặt xã hội.

Với phương pháp biện chứng duy vật, triết học Mác nhận thức con người một cách toàn diện và khoa học trong toàn bộ tính hiện thực xã hội của nó mà trước hết là phương diện lao động, lao động đã giúp con người sáng tạo và vượt lên tất cả các động vật khác.

C. Mác và Ph.Ăngghen cho rằng: “Có thể phân biệt con người với súc vật bằng ý thức, bằng tôn giáo, nói chung bằng bất cứ thứ gì cũng được, bản thân con người bắt đầu bằng sự tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu *sản xuất ra* những tư liệu sinh hoạt của mình” [37, tr. 29]. Thông qua hoạt động sản xuất vật chất, con người đã thay đổi, cải biến toàn bộ giới tự nhiên “Con vật chỉ tái sản xuất ra bản thân nó, còn con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên.” [39, tr. 137].

Chính trong lao động con người thường xuyên làm biến đổi điều kiện tồn tại của mình nhằm thỏa mãn những nhu cầu sinh sống của mình và tạo ra cho

minh cả văn hóa vật chất lẫn văn hóa tinh thần. Có thể nói không có lao động thì sự phát triển tiếp theo của con người không diễn ra được, lao động giúp liên kết con người lại với nhau. Như vậy, chính lao động đã làm biến đổi hàng loạt bản tính tự nhiên của con người và hình thành những thuộc tính xã hội như: có ngôn ngữ, có ý thức, có tư duy, có sự giao tiếp xã hội, có thể giới quan đúng đắn. Có thể nói lao động là yếu tố quyết định hình thành bản chất xã hội của con người đồng thời hình thành nhân cách cá nhân trong cộng đồng xã hội.

Con người là sản phẩm của sự kết hợp hai mặt tự nhiên và xã hội cho nên quá trình hình thành và phát triển của con người luôn bị quyết định bởi ba hệ thống quy luật khác nhau. Hệ thống các quy luật tự nhiên như: quy luật về sự phù hợp giữa cơ thể với môi trường; quy luật về sự trao đổi chất, di truyền, biến dị... quy định phương diện sinh học của con người. Hệ thống các quy luật tâm lý, ý thức, hình thành và vận động trên nền tảng sinh học của con người như hình thành tình cảm, khát vọng, niềm tin, ý chí. Hệ thống các quy luật xã hội quy định quan hệ xã hội giữa người với người. Ba hệ thống quy luật trên cùng tác động tạo nên thể thống nhất, hoàn chỉnh trong đời sống con người bao gồm cả mặt sinh học và mặt xã hội.

Như vậy, với phương pháp luận duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin, chúng ta thấy rằng quan hệ giữa mặt sinh học và mặt xã hội trong mỗi con người là thống nhất. Mặt sinh học là cơ sở tất yếu tự nhiên của con người, còn mặt xã hội là đặc trưng bản chất để phân biệt con người với loài vật. Nhu cầu sinh học phải được “nhân hóa” để mang giá trị văn minh con người; còn nhu cầu xã hội thì không thể thoát ly khỏi tiền đề của nhu cầu sinh học. Hai mặt trên thống nhất, hòa quyện với nhau tạo thành con người tự nhiên – xã hội. Nhận thức được mối quan hệ này sẽ có tác dụng tốt đối với việc rèn

luyện, đào tạo, giáo dục con người, có thể chủ động làm cho các yếu tố xã hội tác động tốt hơn, có hiệu quả hơn.

1.2.2. Trong tính hiện thực của nó bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội

Đồng thời với việc làm rõ mối quan hệ giữa con người với tự nhiên thì Mác và Ăngghen cũng đã làm rõ mối quan hệ giữa con người với xã hội. Để nhấn mạnh bản chất xã hội của con người, C. Mác đã nêu lên luận đề nổi tiếng Luận cương về Phoiơbắc: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng, cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” [37, tr. 11].

Luận đề trên khẳng định rằng, không có con người trừu tượng ở ngoài mọi điều kiện, hoàn cảnh lịch sử xã hội. Con người luôn cụ thể, xác định, sống trong một điều kiện lịch sử cụ thể nhất định, một thời đại nhất định. Trong hoàn cảnh lịch sử đó, con người bằng hoạt động thực tiễn của mình đã tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần để tồn tại và phát triển về thể lực, tư duy và trí tuệ. Chỉ trong toàn bộ các mối quan hệ xã hội (như quan hệ giai cấp, dân tộc, thời đại, quan hệ chính trị, kinh tế, quan hệ cá nhân, gia đình, xã hội...) con người mới bộc lộ toàn bộ bản chất xã hội của mình. Mác và Ăngghen khẳng định “Chỉ có trong xã hội, tồn tại tự nhiên của con người mới là tồn tại có tính chất người” [39, tr. 170].

Điều cần lưu ý là luận đề trên khẳng định bản chất xã hội không có nghĩa là phủ nhận mặt tự nhiên trong đời sống con người. Trái lại, Mác và Ăngghen muốn nhấn mạnh mọi sự phân biệt giữa con người với thế giới động vật trước hết là ở bản chất xã hội và đây cũng là để khắc phục sự thiếu sót của các nhà triết học trước Mác đã không thấy được bản chất xã hội của con người. Mặt khác, cái bản chất với ý nghĩa là cái phổ biến, cái mang tính quy luật chứ không thể là cái duy nhất.

Khi nói “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” có nghĩa là tất cả mối quan hệ xã hội đều tham gia vào quá trình hình thành bản chất con người, nhưng ở đây đóng vai trò đầu tiên và quan trọng nhất là quan hệ sản xuất bởi vì nó chi phối, định hướng cho các quan hệ khác. Con người trong các quan hệ xã hội cần phải được giáo dục để trở thành con người có bản chất tốt vì mọi đức tính tốt hay xấu của con người không phải do bẩm sinh mà là do sự giáo dục lâu dài gắn liền với quá trình phát triển trưởng thành của mỗi người.

1.2.3. Con người là chủ thể và sản phẩm của lịch sử

Quá trình hình thành và phát triển của con người bị chi phối bởi giới tự nhiên, bởi lịch sử xã hội. Như vậy “không có thể giới tự nhiên, không có lịch sử xã hội thì không tồn tại con người” [3, tr. 472]. Do đó, con người là sản phẩm của lịch sử, của sự tiến hóa lâu dài của giới hữu sinh. Song điều quan trọng hơn cả cần phải thấy rằng con người có vai trò tích cực trong tiến trình lịch sử xã hội với tư cách là chủ thể sáng tạo, chủ thể của mọi quá trình lịch sử, mọi biến đổi xã hội. Như vậy không chỉ là sản phẩm của lịch sử mà còn là chủ thể của lịch sử xã hội. C. Mác đã khẳng định “Cái học thuyết duy vật chủ nghĩa cho rằng con người là sản phẩm của những hoàn cảnh và của giáo dục... cái học thuyết ấy quên rằng chính những con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục” [37, tr. 10].

Bằng hoạt động thực tiễn của mình, con người đã tác động vào tự nhiên, cải biến giới tự nhiên, thúc đẩy sự vận động, phát triển của xã hội. Con người dần làm chủ tự nhiên – xã hội và làm chủ chính bản thân mình. “Con người không thể tạo ra hay hủy bỏ quy luật khách quan, nhưng trong phạm vi quy luật khách quan của xã hội, con người phải có suy nghĩ có ý chí để vận dụng quy luật khách quan theo mục đích của mình” [50, tr. 211].

Trong quá trình cải biến tự nhiên, con người cũng làm ra lịch sử của mình. Hoạt động lao động sản xuất vừa là điều kiện cho sự tồn tại của con người, vừa là phương thức để làm biến đổi đời sống và bộ mặt xã hội. Trên cơ sở nắm bắt quy luật xã hội, con người thông qua hoạt động thực tiễn của mình để thúc đẩy xã hội phát triển từ thấp đến cao, phù hợp với mục tiêu và nhu cầu do con người đặt ra. Như chúng ta biết mỗi hình thái kinh tế - xã hội thích hợp với một phương thức sản xuất nhất định, khi phương thức sản xuất ấy thay đổi thì nó cũng thay đổi theo, mà nhân tố quyết định trong mỗi phương thức sản xuất lại là lực lượng sản xuất bao gồm con người và công cụ lao động. Như vậy, chính con người với những công cụ do nó tạo ra đã quyết định sự thay đổi bộ mặt xã hội. Không có hoạt động của con người thì cũng không tồn tại quy luật xã hội, và do đó, không có sự tồn tại của toàn bộ lịch sử xã hội loài người.

Không có con người trừu tượng, con người luôn luôn là cụ thể gắn với điều kiện lịch sử xã hội trong mỗi giai đoạn nhất định. Do vậy, bản chất con người trong mỗi quan hệ với điều kiện lịch sử xã hội luôn vận động, biến đổi, cũng phải thay đổi cho phù hợp. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội và bản chất này không phải là một hệ thống đóng kín mà là một hệ thống mở. Vì vậy, để phát triển bản chất con người theo hướng tích cực, cần phải làm cho hoàn cảnh ngày càng mang tính người nhiều hơn. Hoàn cảnh đó chính là toàn bộ môi trường tự nhiên và xã hội tác động đến con người theo khuynh hướng phát triển nhằm đạt tới các giá trị có tính mục đích, tự giác, có ý nghĩa định hướng giáo dục. Thông qua đó, con người tiếp nhận hoàn cảnh một cách tích cực và tác động trở lại hoàn cảnh trên nhiều phương diện khác nhau như: hoạt động thực tiễn, quan hệ ứng xử, hành vi con người, sự phát triển của năng lực tư duy. Đó là biện chứng của mối quan hệ giữa con người và hoàn cảnh lịch sử.

Tóm lại, với những luận điểm đúng đắn nêu trên, chủ nghĩa Mác-Lênin đã khắc phục được những hạn chế trong quan điểm về bản tính, bản chất con người của các nhà triết học trước và ngoài Mác. Mặt khác, các ông đã cho chúng ta thấy một cái nhìn khoa học, toàn diện về vấn đề bản chất con người.

1.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA BẢN TÍNH TỰ NHIÊN VÀ BẢN CHẤT XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI

Để tìm hiểu về mối quan hệ giữa bản tính tự nhiên và bản chất xã hội của con người thì trước tiên chúng ta phải làm rõ sự khác nhau giữa hai phạm trù này. Bản tính và bản chất của con người không phải là một.

Thứ nhất, về vấn đề bản tính con người. Như đã phân tích ở trên, trong lịch sử triết học có cuộc tranh luận gay gắt về vấn đề bản tính con người. Một số nhà triết học tin rằng bản tính con người về căn bản là thiện. Một số nhà triết học khác lại cho rằng con người có bản tính ác. Những người đưa ra thuyết tính ác dựa trên lập luận cho rằng: con người sinh ra vốn là một động vật nên việc tìm cách thỏa mãn những bản năng động vật là cơ sở của bản tính ác ở con người. Những người đưa ra thuyết tính thiện cho rằng con người khi mới sinh ra đã có đầy đủ những thiện đoan, như lòng trắc ẩn, lòng thẹn ghét, lòng từ nhượng, lòng thị phi để từ đó phát triển thành những thiện tính. Vì thế, họ khẳng định con người có bản tính thiện.

Tuy nhiên, thông qua việc nghiên cứu hiện tượng trẻ em hoang dã của một số nhà nghiên cứu cho thấy con người không có bản tính thiện, cũng không có bản tính ác. Để hình thành nên tính cách của một người phải kể đến vai trò quan trọng của các yếu tố xã hội. Con người khi mới sinh ra chỉ có những bản năng động vật nhất định, còn về mặt xã hội, nó như một tờ giấy trắng, nó chỉ mới có những tiền đề, điều kiện nhất định để trở thành con người, chứ chưa có bất kỳ một nét tính cách nào của con người. Nó không ác, cũng không thiện. Chỉ có điều, ngay khi sinh ra, mỗi con người đều có những

bản tính độc đáo, riêng biệt. Chẳng hạn như tổ chất thông minh, bản tính tham lam, tò mò, hung hăng hay hiền lành... những đặc điểm này gọi là bản tính tự nhiên bẩm sinh ở mỗi người và nó giữ một vai trò quan trọng trong việc hình thành bản chất của người đó về sau. Còn vấn đề từ bản tính tự nhiên đó sẽ hình thành nên bản chất con người như thế nào lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác.

Thứ hai, về vấn đề bản chất con người. C. Mác đã nêu lên luận đề nổi tiếng: trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội. Có nghĩa là bản chất con người không phải là cái gì có sẵn mà nó được hình thành trên cuộc sống hiện thực, chỉ trong toàn bộ các mối quan hệ xã hội thì con người mới bộc lộ hoàn toàn bản chất xã hội cả mình. Sự tồn tại và phát triển của con người luôn bị chi phối bởi các nhân tố xã hội và các quy luật xã hội. Xã hội biến đổi thì mỗi con người cũng biến đổi theo và ngược lại.

Tóm lại, bản tính tự nhiên là cái *khi con người sinh ra đã có sẵn, hoặc hình thành, phát triển trong quá trình trưởng thành về mặt sinh học, chưa chịu sự tác dụng của giáo dục và văn hóa*. Còn bản chất xã hội của con người *không phải là cái có sẵn khi sinh ra, mà được giáo dục, rèn luyện trong môi trường xã hội*. Bản tính tự nhiên và bản chất xã hội vừa có cái chung của loài người, vừa có cái riêng của mỗi người, mỗi cá nhân.

Ở trên chúng ta đã làm rõ sự khác nhau giữa bản tính và bản chất của con người. Mặc dù khác nhau nhưng hai phạm trù này có mối quan hệ gắn bó, tác động lẫn nhau. Bản tính tự nhiên của mỗi người chính là là tiền đề sinh học, tiền đề tâm lý hình thành nên bản chất xã hội của người đó.

Một đứa trẻ khi sinh ra có nhiều yếu tố tốt, thiên hướng tốt trong bản tính tự nhiên của nó, thì gia đình và xã hội có điều kiện thuận lợi hơn trong việc giáo dục nó trở thành một đứa trẻ có bản chất tốt. Ngược lại, một đứa trẻ sinh

ra có nhiều yếu tố xấu trong bản tính của nó, qua việc giáo dục ở các môi trường từ gia đình, nhà trường cho đến xã hội... sẽ có hai trường hợp xảy ra: nếu môi trường giáo dục tốt có thể nhìn thấy và kìm hãm, loại bỏ đi cái xấu trong bản tính của đứa trẻ để giúp trẻ trở thành một người có bản chất tốt; ngược lại, nếu môi trường đó không tốt thì cái bản tính xấu kia sẽ làm cho đứa trẻ trở thành một người có bản chất xấu.

Tuy nhiên cần phải thấy rằng, bản tính tự nhiên của mỗi người không thể quyết định hoàn toàn sự hình thành bản chất, sự phát triển của con người. Những đặc điểm sinh học mặc dù có ảnh hưởng lớn đến quá trình hình thành tài năng, xúc cảm, sức khỏe, thể chất... của con người nhưng nó chỉ tạo nên tiền đề cho sự phát triển nhân cách. Mặt khác, những tư chất bẩm sinh được di truyền chỉ đặc trưng cho những lĩnh vực hoạt động rộng rãi mà không định hướng vào một lĩnh vực hoạt động hay sáng tạo cụ thể nào. Việc định hướng này là do các điều kiện lịch sử xã hội cụ thể, do trình độ phát triển của các loại hình sản xuất khoa học, nghệ thuật và nhất là hoạt động sống của cá nhân quyết định. Những tư chất có sẵn trong cấu tạo của não, trong các cơ quan cảm giác... là điều kiện để thực hiện có kết quả một hoạt động cụ thể. Tuy nhiên, sự thành công trong lĩnh vực đó phần lớn còn phụ thuộc vào hoàn cảnh thực tiễn, vào lao động, học tập, rèn luyện cũng như vào việc tự ý thức và tích lũy kinh nghiệm của cá nhân.

Chẳng hạn, đứa trẻ khi mới sinh ra có tư chất thông minh, nhanh nhẹn nhưng sự thông minh, nhanh nhẹn này chưa định hướng rõ về một lĩnh vực nào. Đó có thể là sự thông minh trong lĩnh vực học tập, nghiên cứu, cũng có thể là có tài năng trong lĩnh vực đàn hát, vẽ tranh, võ nghệ... Tất cả những định hướng này là do hoàn cảnh xã hội, do định hướng của cha mẹ, do môi trường giáo dục... quy định. Hay như hiện nay, có một số gia đình liên tục xuất hiện nhiều người có tài qua nhiều thế hệ. Điều đó không chỉ là do những

tư chất bẩm sinh nhất định mà còn do ở các gia đình này, trẻ em được giáo dục, được sống trong môi trường thuận lợi và nhất là được rèn luyện, được tham gia từ rất sớm vào hoạt động để tạo nên tài năng đó.

Như vậy, bản tính và bản chất con người có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Bản tính là cơ sở để hình thành bản chất con người. Sự hình thành nhân cách của con người không hoàn toàn do bản tính con người quyết định mà nó còn do rất nhiều các yếu tố khác. Tuy nhiên, bản tính độc đáo của mỗi cá nhân cũng là một yếu tố quan trọng cùng với việc giáo dục để hình thành nên bản chất, nhân cách của mỗi người. Vì vậy, cần chú ý đúng mức đến vai trò của những yếu tố bẩm sinh này trong sự hình thành và phát triển nhân cách. Nếu xem nhẹ ảnh hưởng của yếu tố bản tính tự nhiên ở mỗi người thì vô hình chung chúng ta đã bỏ qua tiền đề rất quan trọng cho sự phát triển nhân cách của mỗi người. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa hoặc đánh giá quá cao ảnh hưởng của nhân tố này sẽ dẫn đến sai lầm về mặt nhận thức luận dẫn đến hạ thấp vai trò của giáo dục và tự giáo dục cũng như là phủ nhận khả năng biến đổi bản chất con người.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Vấn đề con người luôn là chủ đề trung tâm của lịch sử triết học từ cổ đại đến hiện đại. Liên quan đến vấn đề bản tính, bản chất con người đã có rất nhiều quan điểm nghiên cứu khác nhau. Nhìn chung các quan điểm về con người trong triết học trước và ngoài Mác đều không phản ánh đúng bản tính tự nhiên và bản chất xã hội của con người. Mặt khác, họ thường tuyệt đối hóa mặt tự nhiên - sinh học mà không nhìn thấy được sự hòa quyện giữa hai mặt sinh học và mặt xã hội trong mỗi con người. Một vấn đề lịch sử được đặt ra: cần phải thay thế những quan điểm trên bằng câu trả lời đúng đắn về con người trong sự phát triển lịch sử của nó.

Chỉ đến chủ nghĩa Mác – Lênin thì vấn đề trên mới được giải quyết một cách triệt để. Triết học Mác đã kế thừa quan niệm về con người trong lịch sử triết học, đồng thời khẳng định con người hiện thực là sự thống nhất giữa yếu tố sinh học và yếu tố xã hội, hai yếu tố này gắn bó, thống nhất với nhau tạo nên con người tự nhiên – xã hội. Bản chất con người không phải là trừu tượng mà là hiện thực, không phải là tự nhiên mà là lịch sử - xã hội, không phải là cái vốn có trong mỗi cơ thể riêng lẻ mà là tổng hòa của toàn bộ các quan hệ xã hội. Đồng thời, chủ nghĩa Mác còn chỉ ra rằng con người không những là sản phẩm của xã hội mà còn là chủ thể hình thành nên các quan hệ xã hội.

Nghiên cứu vấn đề bản tính, bản chất con người có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giáo dục nhân cách cho con người. Khi nghiên cứu vấn đề này cần phải thấy được mối quan hệ giữa yếu tố bản tính tự nhiên và bản chất xã hội của mỗi người, thấy được vai trò của yếu tố bản tính tự nhiên là một trong những tiền đề, điều kiện để hình thành nên bản chất của mỗi người sau này. Vì vậy, trong quá trình giáo dục nhân cách con người phải phát hiện kịp thời những bản tính riêng độc đáo của mỗi cá nhân để có tác động phù hợp giúp cho nhân cách con người phát triển hoàn thiện.

CHƯƠNG 2

VẤN ĐỀ HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH VÀ THỰC TRẠNG NHÂN CÁCH ĐẠO ĐỨC CỦA THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. KHÁI NIỆM, CẤU TRÚC VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CON NGƯỜI

2.1.1. Khái niệm và cấu trúc của nhân cách

a. Khái niệm nhân cách

Thuật ngữ “*nhân cách*” bắt nguồn từ tiếng Latin “*persona*” có nghĩa là cái “mặt nạ”. Ở Hy Lạp, La Mã cổ đại, mặt nạ được dùng phổ biến trong nghệ thuật sân khấu như là bộ mặt hóa trang của diễn viên để nói lên tính cách đặc trưng của nhân vật mà diễn viên đang đóng. Ở Việt Nam, trong nghệ thuật sân khấu, người ta trực tiếp hóa trang bộ mặt của diễn viên thay cho việc dùng mặt nạ. Như vậy, thuật ngữ nhân cách lúc đầu được dùng với nghĩa là tính cách độc đáo, cá biệt của mỗi cá nhân.

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn trong giáo trình *Tâm lý học đại cương* đưa ra quan điểm “*Nhân cách là tổ hợp những đặc điểm, những thuộc tính tâm lý của cá nhân, biểu hiện bản sắc và giá trị xã hội của con người*” [55, tr. 155].

Trong giáo trình Triết học Mác - Lênin do Bộ giáo dục và đào tạo phát hành, trình bày về nhân cách như sau:

Nhân cách là khái niệm chỉ bản sắc độc đáo, riêng biệt của mỗi cá nhân, là nội dung và tính chất bên trong của mỗi cá nhân... Nhân cách biểu hiện thế giới cái tôi của mỗi cá nhân, là sự tổng hợp của các yếu tố sinh học, tâm lý, xã hội tạo nên đặc trưng riêng về di truyền, về sinh lý thần kinh, về hoàn cảnh sống của cá nhân theo cách riêng của mình [3, tr. 476].

Còn rất nhiều định nghĩa khác nhau về nhân cách, mỗi định nghĩa nhấn mạnh một khía cạnh khác nhau và đều chưa đầy đủ. Một định nghĩa toàn vẹn phải thấy được ba yếu tố: một là những phẩm chất xã hội của nhân cách, hai là tính độc đáo của những phẩm chất ấy, ba là thấy được nhân cách là cái điều khiển mọi tư tưởng, quan hệ và hoạt động của cá nhân. Nếu thiếu một trong ba đặc trưng trên thì chưa phải là một định nghĩa đầy đủ về nhân cách.

Tác giả Nguyễn Tấn Hùng trong Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ năm 2008 về “Quá trình hình thành nhân cách với việc giáo dục, rèn luyện sinh viên ở nước ta hiện nay” đã đưa ra một quan điểm gần như toàn diện về nhân cách như sau:

Nhân cách là một cấu trúc tinh thần tương đối ổn định bên trong của mỗi cá nhân được thể hiện ra trong quan hệ xã hội, là một chỉnh thể thống nhất gồm những phẩm chất và năng lực xã hội – tâm lý của một cá thể người phù hợp với yêu cầu của xã hội đồng thời mang bản sắc độc đáo phân biệt cá thể này với cá thể khác. Nhân cách đóng vai trò “cái tôi”, “chủ thể” tự ý thức, tự đánh giá, tự điều chỉnh tư tưởng, hành vi của cá nhân trong quan hệ với cộng đồng xã hội [28, tr.10].

Như vậy, khái niệm nhân cách bao hàm các mặt, các phẩm chất cá nhân nhưng có ý nghĩa xã hội trong một con người cụ thể. Nó bao hàm những yếu tố *năng lực và tâm lý* xuất phát từ mặt cơ thể tự nhiên, đồng thời những *phẩm chất xã hội* do được giáo dục, rèn luyện trong môi trường xã hội. Nhân cách được hình thành và phát triển nhờ những quan hệ xã hội mà cá nhân đó sống, hoạt động. Từ đó, những đặc điểm, những thuộc tính, thái độ của cá nhân được biến đổi và dần trở nên hoàn thiện, mang tính người, tính xã hội.

b. Cấu trúc của nhân cách

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về cách xác định cấu trúc của nhân cách.

Các sách giáo khoa tâm lý học Liên Xô và Việt Nam xác định cấu trúc của nhân cách gồm bốn thành tố: xu hướng phát triển cá nhân; năng lực, tính cách và tính khí cá nhân.

Quan điểm giáo dục học quy cấu trúc của nhân cách vào ba lĩnh vực là: nhận thức, rung cảm và ý chí.

Gần đây, một số nhà tâm lý học Việt Nam cho rằng nhân cách gồm ba phần: Một là, những thuộc tính ổn định bao gồm không gian bên trong của nhân cách; Hai là, mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội với người khác thông qua giao tiếp; Ba là, mối quan hệ giữa cá nhân với công việc.

Cũng có ý kiến cho rằng: “Cấu trúc của nhân cách là một tổng thể thống nhất gồm 1) yếu tố tâm lý xuất phát từ bản năng sinh vật hoặc thói quen trong cuộc sống, 2) thế giới quan cá nhân bao gồm những quan điểm, niềm tin, nhu cầu, tình cảm, động cơ, lý tưởng, 3) những tri thức và kinh nghiệm của cá nhân” [28, tr. 29].

Những quan điểm trên đây tuy có khác nhau nhưng cũng có những điểm chung. Trên cơ sở đó có thể hình dung một cách khái quát cấu trúc của nhân cách bao gồm:

- Không gian bên trong của nhân cách là những năng lực và phẩm chất tự nhiên và xã hội của cá nhân như: các yếu tố tâm lý và năng khiếu bẩm sinh, thể chất, năng lực trí tuệ, trình độ chuyên môn, các phẩm chất chính trị, pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ v.v...

- Tiếp đến là những yếu tố ý thức và tự ý thức do được giáo dục, rèn luyện, tương tác với môi trường bên ngoài và tự nhận thức mà có, trong đó quan trọng hàng đầu là thế giới quan cá nhân. Có thể nói, hạt nhân của nhân

cách là thế giới quan cá nhân, đó là toàn bộ những tri thức, quan điểm, tư tưởng, niềm tin, ý chí... của mỗi cá nhân về thế giới nói chung và xã hội nói riêng. Thế giới quan cá nhân quyết định sự hình thành ở cá nhân những nhu cầu, ham muốn, định hướng giá trị, mục đích, lý tưởng, động cơ và phương pháp hoạt động.

Nhân cách bao gồm cả những yếu tố vốn có ở bên trong và những yếu tố do giáo dục, quan hệ và hoạt động tạo thành. Tuy nhiên, bộ phận sâu kín và nhạy cảm nhất của nhân cách là cái bên trong, là tâm hồn con người, nó là nơi lắng đọng và tiềm ẩn của mỗi cá nhân. Đó là thế giới nội tâm, có chức năng làm tăng thêm hay giảm nhẹ, kiềm chế hay thúc đẩy hành vi của con người.

Tóm lại, cấu trúc nhân cách khá phức tạp, bao gồm nhiều thành tố có mối quan hệ qua lại, chế ước lẫn nhau trong một thể thống nhất, tạo nên một cấu trúc tinh thần, một cái tôi, một chủ thể quyết định mọi suy nghĩ, hành động của một cá nhân.

2.1.2. Quan điểm Mác-xít về sự hình thành và phát triển nhân cách

Khi nghiên cứu về nhân cách, một trong những vấn đề đầu tiên và cũng là then chốt, là vấn đề sự hình thành nhân cách. Đã có rất nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Trong nghiên cứu này, tôi chỉ tập trung vào quan điểm Mác-xít về sự hình thành nhân cách.

Theo quan điểm Mác-xít nhân cách không phải là bẩm sinh, sẵn có mà được hình thành và phát triển phụ thuộc vào các yếu tố sau đây:

a. Tiền đề sinh học với quá trình hình thành và phát triển nhân cách

Như Mác đã nói, con người là một thực thể sinh học – xã hội. Trong tác phẩm Bản thảo kinh tế - triết học, Mác khẳng định: Con người “là thực thể tự nhiên có tính chất người” [39, tr. 234]. Trong quá trình phát triển của mình, con người bỏ xa giới động vật trong sự tiến hoá, nhưng điều đó không có nghĩa là con người đã lột bỏ tất cả những cái tự nhiên, cái sinh học.

Nhân cách có tiền đề sinh học là điều không thể phủ nhận được. Một người bị khuyết tật về tứ chi, về giác quan, nhất là khuyết tật về mặt thần kinh thì không thể trở thành một nhân cách hoàn thiện. Thực ra, những yếu tố sinh học chính là những tiền đề, khả năng còn sau này chúng phát triển như thế nào là do giáo dục và hoạt động xã hội của cá nhân. Tuy nhiên nếu không có những tiền đề sinh học nhất định thì không thể giáo dục, rèn luyện trở thành một nhân cách nhất định được.

Tổ chức cơ thể của con người, như các giác quan, hệ thần kinh trung ương... là những tiền đề sinh học, sinh lý học, tâm sinh học được xem như cơ sở vật chất và có ảnh hưởng tới sự phát triển con người. Thực tế đã chứng minh rằng, những khiếm khuyết về mặt cơ thể, về gen... đã có ảnh hưởng không nhỏ tới sự phát triển con người, tới thế giới quan, định hướng giá trị của họ, hay những năng khiếu bẩm sinh, những tài năng... chính là do các yếu tố sinh học chi phối.

Sự phát triển nhân cách tuy không đồng nhất với quá trình phát triển về sinh lý nhưng không tách rời quá trình đó. Sự phát triển sinh lý phụ thuộc vào một độ tuổi nhất định. Do vậy, trong giáo dục nhân cách cần phải chú ý đến từng giai đoạn phát triển sinh lý của con người để giáo dục cho phù hợp. Ví dụ: Khoảng từ 11-12 tháng tuổi một đứa trẻ mới biết đi; từ 18-20 tháng tuổi mới bắt đầu biết nói. Nếu ta dạy cho trẻ những việc đó quá sớm hay quá muộn cũng không đạt được kết quả như ý muốn.

Như vậy, sự hình thành và phát triển nhân cách trước hết phải dựa trên cơ sở sinh học, tức là một con người có sự phát triển đầy đủ, không khiếm khuyết về cơ thể, giác quan và tư duy. Song đây chỉ là “điều kiện cần”, bởi vì nhân cách không phải là những yếu tố có sẵn trong cấu trúc cơ thể rồi lớn dần lên theo thời gian mà nó được hình thành dần dần cùng với sự phát triển cá nhân, sự tác động của giáo dục và môi trường xã hội.

b. Môi trường xã hội đối với sự hình thành và phát triển nhân cách

Như đã nói ở trên, tiền đề vật chất đóng vai trò “điều kiện đủ” của sự hình thành và phát triển nhân cách con người chính là môi trường xã hội. Môi trường xã hội mà chúng ta nói ở đây là hệ thống các quan hệ chính trị, kinh tế, tư tưởng... được thiết lập trong xã hội và một bộ phận của môi trường luôn tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến con người, đó là gia đình, trường học, bạn bè và những người xung quanh, cơ sở sản xuất, văn hóa thể thao v.v...

Trong sự hình thành và phát triển nhân cách, môi trường xã hội có tầm quan trọng đặc biệt vì nếu con người ít tiếp xúc, trao đổi với người xung quanh hoặc sống trong môi trường xã hội quá đơn điệu thì sẽ nghèo nàn về tâm lý, kém sự linh động. Như vậy, không có xã hội loài người thì những tư chất có tính người cũng không thể phát triển được.

Ví dụ trường hợp của hai bé gái *Kamala* và *Amala* tìm thấy ở Ấn Độ năm 1920, “cậu bé sói” *Djuma* tìm thấy ở Turmenistan năm 1962 và nhiều trẻ em khác. Những đứa trẻ này được nuôi trong đàn sói, chúng học cách sinh hoạt như một con sói. Chúng đi lại bằng hai chân nhưng khi bị đuổi thì chạy bằng 4 chi khá nhanh, thèm ăn thịt sống, uống máu tươi. Giác quan của chúng phát triển rất thính giống như một con thú săn mồi. Khi bị đe dọa, chúng sẵn sàng tấn công và cắn người. Chúng không biết nói cười, không biết ăn theo kiểu người, không có thói quen và nhu cầu mặc quần áo... thì tất nhiên những đứa trẻ như thế này không có một nét nào của nhân cách. Những sự thực đó đã khẳng định tính đúng đắn trong nhận xét của C. Mác: Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội.

Như vậy, có thể thấy rằng, đứa trẻ ra đời mới chỉ như một con người "dự bị". Nó không thể trở thành con người nếu bị cô lập, tách khỏi đời sống xã hội, nó cần phải học để trở thành người. Chính sự gia nhập xã hội và được xã

hội điều chỉnh hành vi của mình mà đưa trẻ hình thành và phát triển nhân cách.

Sự hình thành và phát triển nhân cách chỉ có thể thực hiện trong một môi trường nhất định. Môi trường góp phần tạo nên mục đích, động cơ, phương tiện và điều kiện cho hoạt động giao lưu của cá nhân mà nhờ đó cá nhân chiếm lĩnh được các kinh nghiệm xã hội loài người để hình thành và hoàn thiện nhân cách của mình. Tuy nhiên, tính chất và mức độ ảnh hưởng của môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách còn tùy thuộc vào lập trường, quan điểm, thái độ của cá nhân đối với các ảnh hưởng đó (cá nhân tiếp thu hay phản đối) cũng như tùy thuộc vào năng lực, vào mức độ của cá nhân tham gia vào môi trường. Đó chính là tính tích cực của cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách mà chúng ta sẽ tìm hiểu ở phần sau.

Như vậy, khi nói đến nhân tố môi trường đối với sự hình thành và phát triển nhân cách, chúng ta cần chú ý tới hai mặt trong tác động qua lại giữa nhân cách và môi trường. Một mặt là tính chất tác động của hoàn cảnh đã phản ánh vào nhân cách; mặt thứ hai là sự tham gia của nhân cách tác động đến hoàn cảnh nhằm làm cho hoàn cảnh đó phục vụ lợi ích của mình. Hai mặt này luôn có mối liên hệ ảnh hưởng đến nhau. C. Mác đã chỉ ra rằng “Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy” [37, tr. 55].

c. Tính tích cực của cá nhân đối với sự phát triển và hoàn thiện nhân cách

Công lao to lớn của C. Mác là đã vạch ra cho chúng ta sáng tỏ mối quan hệ biện chứng giữa sự biến đổi môi trường xung quanh con người, sự biến đổi bản chất con người và vai trò tích cực, năng động của con người. Theo ông, môi trường, giáo dục không phải là sự tác động bên ngoài vào sự hình thành những phẩm chất nào đó của con người mà là quá trình tự biến đổi con người.

Khi nhấn mạnh vai trò quyết định của môi trường xã hội, chúng ta cũng đồng thời phải khẳng định tính tích cực của con người trong đời sống xã hội, trong sự hình thành bản chất của mình. Môi trường xã hội không phải là nơi để trưng bày tất cả những giá trị xã hội. Trong môi trường đó, bản thân con người phải biết lựa chọn những giá trị cần thiết cho mình. Bởi vì, con người là một động vật xã hội khác với toàn bộ thế giới động vật còn lại ở khả năng hoạt động có ý thức.

Tính tích cực của nhân cách không mang tính tự nhiên, mà là bản chất của con người. Đã có nhiều quan điểm sai lầm không tính đến yếu tố này trong sự hình thành và phát triển nhân cách, mà coi con người như một sản phẩm thụ động của môi trường. Theo quan điểm của họ, môi trường tác động đến con người như thế nào, thì cũng tạo ra con người như thế ấy. Đó là sự suy diễn máy móc. Giải thích theo cách này không thể lý giải được tính độc đáo của mỗi nhân cách. Như đã nói ở các phần trên, con người khi sinh ra chỉ như là con người dự bị. Bước vào đời sống xã hội, đầu tiên là bắt chước, hành động tự phát, sau đó, hoạt động của con người dần mang tính tự giác, con người bộc lộ tính chủ thể của mình trong các hoạt động xã hội và qua đó, thể hiện tính tích cực xã hội của mình.

Tính tích cực của nhân cách, một mặt, phụ thuộc vào nhu cầu và lợi ích của họ. Tùy thuộc vào nhu cầu và lợi ích của mình, các cá nhân hoạt động với những động cơ, tình cảm và lý trí khác nhau. Hoạt động làm cho các cá nhân nhận thức được hiện thực, kích thích hứng thú, kích thích say mê, sáng tạo và làm nảy sinh những nhu cầu mới, thuộc tính tâm lý mới. Nhờ đó, nhân cách được hình thành và phát triển.

Mặt khác, môi trường xã hội và khuynh hướng tiến bộ xã hội cũng quy định tính tích cực của nhân cách. Một môi trường xã hội lành mạnh, như nền dân chủ, các quan hệ xã hội, điều kiện văn hoá - tinh thần của xã hội có sự

phát triển hài hoà... thì sẽ tạo điều kiện cho tính tích cực của nhân cách phát huy. Ngược lại, tính tích cực xã hội của nhân cách sẽ bị thui chột đi nếu môi trường xã hội không tạo điều kiện cho nó bộc lộ.

Cá nhân hoạt động và giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội, dưới tác động chủ đạo của giáo dục sẽ dẫn tới việc hình thành một cấu trúc nhân cách tương đối ổn định. Trong cuộc sống, nhân cách tiếp tục biến đổi và hoàn thiện dần thông qua việc cá nhân tự ý thức, tự rèn luyện, tự giáo dục, tự hoàn thiện nhân cách của mình đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Muốn vậy, các cá nhân phải nâng cao năng lực làm chủ bản thân, tức là năng lực hiểu biết về chỗ mạnh, chỗ yếu của mình, biết định hướng cho tương lai của mình, cho gia đình, người thân của mình và nhất là biết luôn luôn tự điều chỉnh, tự hoàn thiện chính mình. Qua đây, một lần nữa chúng ta thấy được tính tích cực của cá nhân có một vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phát triển và hoàn thiện nhân cách của mỗi người.

Như vậy, có thể nói, sự hình thành và phát triển nhân cách là một quá trình lâu dài và phức tạp. Trong quá trình đó, giữa các yếu tố bên trong và yếu tố bên ngoài, giữa cái sinh học và cái xã hội thường xuyên tác động lẫn nhau và vai trò của mỗi yếu tố đó thay đổi trong từng giai đoạn phát triển của mỗi người. Quá trình này luôn gắn với năng lực tự đánh giá, tự ý thức của mỗi người và do vậy, gắn với quá trình tự giáo dục, quá trình thường xuyên tự hoàn thiện mình của nhân cách. Nhân cách không phải là một cái gì đó đã hoàn tất, mà là quá trình luôn đòi hỏi sự trau dồi thường xuyên.

2.1.3. Những đặc điểm nhân cách chủ yếu của thể hệ trẻ

Trước hết, tác giả muốn làm rõ khái niệm “thể hệ trẻ” mà tác giả bàn đến ở đây muốn nói về thể hệ *thanh thiếu niên*, thường được chia thành hai bộ phận: *vị thành niên* và *thanh niên* với phương pháp giáo dục nhân cách khác nhau. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO): lứa tuổi 10 - 19 tuổi là độ tuổi vị

thành niên, lứa tuổi 19 – 24 tuổi là thanh niên. Ở Việt Nam, về mặt luật pháp *vị thành niên* là dưới 18 tuổi (<http://vi.wikipedia.org>).

Nhi đồng và vị thành niên là những người *đang hình thành* nhân cách, hoặc nhân cách *chưa trưởng thành đầy đủ*, chưa có đầy đủ ý thức và năng lực quyết định và làm chủ bản thân mình. Do đó, giáo dục nhân cách đạo đức cần phải chú ý nhất tới đối tượng này.

Còn đối những bộ phận từ thanh niên trở lên thì nhân cách của họ về cơ bản đã được định hình và vai trò của giáo dục nhân cách là giúp họ sửa đổi những yếu tố chưa phù hợp do trước đây chưa được giáo dục hoặc giáo dục không đúng, củng cố phát triển những yếu tố đã được định hình đúng đắn, phát triển thêm những yếu tố mới của nhân cách.

Ở lứa tuổi thanh thiếu niên, các bạn trẻ có sự thay đổi khá lớn về thể chất, tâm sinh lý. Do có năng lực suy nghĩ khá độc lập và sự phong phú về tri thức, các em đã xác định được những giới hạn cho hành vi của mình, xác định giá trị đạo đức của hành vi. Tuy nhiên, do tính bồng bột, sôi nổi và thiếu kinh nghiệm nên tri thức đạo đức của các em dễ bị tác động bởi ngoại cảnh, dễ xuất hiện khuynh hướng phiến diện và chủ quan, cố chấp, thoát ly hiện thực, hoài nghi tất cả.

Tình cảm đạo đức của các bạn trẻ trong giai đoạn này rất phong phú, sâu sắc và có cơ sở lý tính khá vững vàng. Trong thời kỳ này tình cảm nghĩa vụ và tình cảm trách nhiệm của các em trước xã hội và những người xung quanh, khả năng đồng cảm, nhu cầu về tình bạn, tình yêu, tình đồng chí và những tình cảm chính trị - đạo đức phát triển một cách rõ rệt. Tuy nhiên, tình cảm đạo đức của lứa tuổi này mà nhất là thanh niên mới lớn dễ bị kích động, không ổn định.

Giai đoạn này, nhu cầu về tình bạn khác giới được tăng cường. Mặc dù đây chỉ là một phần trong tình cảm đạo đức của các bạn trẻ nhưng nó có ảnh

hường rất lớn đến nhân cách đạo đức của các em. Nếu các bạn trẻ nhận thức đúng đắn về tình yêu, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tình yêu và sự nghiệp, tình yêu với những tình cảm khác đối với cha mẹ, bạn bè, đồng chí... thì nó sẽ có tác dụng tích cực thúc đẩy hình thành phẩm chất cá nhân tốt đẹp. Ngược lại, tình yêu dung tục, mù quáng dễ đưa các em vào con đường ăn chơi trụy lạc dẫn đến sa sút niềm tin, lý tưởng đạo đức.

Ở lứa tuổi này quan hệ với bạn bè chiếm vị trí lớn hơn hẳn so với quan hệ với người lớn tuổi hoặc ít tuổi hơn. Trong một số lĩnh vực, các em thường hướng vào bạn bè hơn là cha mẹ. Thay vì bày tỏ với gia đình hay nhà trường về những tâm tư tình cảm riêng tư liên quan đến các khó khăn về quan hệ ứng xử trong nhà trường và ngoài xã hội, các học sinh gặp khó khăn này đã tìm đến các nhóm bạn bè để tìm sự giải tỏa về tâm lý và các giải pháp tình thế.

Ở lứa tuổi của mình, các bạn trẻ thường có xu hướng chọn cho mình một mô hình nhân cách, một mẫu người lý tưởng để noi theo. Họ luôn cố gắng để đạt được những phẩm chất giống mẫu người lý tưởng. Tuy nhiên, do trình độ hiểu biết và kinh nghiệm sống chưa sâu sắc nên trong việc lựa chọn lý tưởng của các bạn trẻ dễ bị ảnh hưởng bởi trào lưu xã hội và rất dễ sa vào xu hướng chuộng hình thức mà sao nhãng nội dung. Họ thường có xu hướng lý tưởng hóa thần tượng của mình, một lúc nào đó nếu thần tượng của họ sụp đổ, họ dễ rơi vào trạng thái thất vọng, mất niềm tin, mất định hướng, đi vào con đường lầm lạc.

Mặc dù ở lứa tuổi này các em thường tỏ ra tự chủ, có ý chí, nghị lực, gan dạ, dũng cảm nhưng hầu hết các em thường có thái độ nôn nóng, hấp tấp, thiếu suy tính cẩn kẽ, tất nhiên không tránh khỏi những hành động hơi mạo hiểm, liều lĩnh. Do đó, ở lứa tuổi các em vẫn cần được sự định hướng, chỉ dẫn đúng đắn, và cổ vũ kịp thời để hành động có hiệu quả hơn.

Nhìn chung, ở lứa tuổi thanh thiếu niên các em thường tỏ ra rất hăng hái, nhiệt tình, dám nghĩ, dám làm. Tuy nhiên, ý thức đạo đức của các em đang trong thời kỳ hình thành còn phiến diện và chủ quan nên đôi khi làm cho hành vi đạo đức của các em mang tính bộc phát, liều lĩnh chưa đúng với những quy tắc, chuẩn mực đạo đức của xã hội, thậm chí gây những hậu quả nghiêm trọng mà chính các em không nhận thức được.

Ở lứa tuổi của mình, các bạn trẻ thường rất nhanh nhạy với cái mới nên thường chịu ảnh hưởng của các giá trị hiện đại hơn các giá trị đạo đức truyền thống. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho các bạn trẻ có xu hướng chạy theo cái mới, dễ sao nhãng, làm mai một các giá trị đạo đức truyền thống, đồng thời dễ tiêm nhiễm những tư tưởng đạo đức xấu, phản động bởi vì cái mới là cái chưa được đánh giá, chọn lọc, mà các em thì chưa đủ từng trải nên khó phân biệt được tốt xấu, đúng sai. Do vậy, cần sự quan tâm, định hướng, giáo dục của các bậc phụ huynh và các thầy cô giáo.

Trong giai đoạn này, các em đã biết tự lập, tự điều chỉnh bản thân cho nên khả năng tự ý thức của các em rất cao. Tuy nhiên, khả năng tự ý thức của các em còn nhiều bất cập do nhận thức còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên tự giáo dục ở các em đôi khi không giáo dục cho mình phẩm chất tốt mà lại giáo dục cho mình phẩm chất xấu. Do vậy, tự giáo dục của các em ở độ tuổi này cần được sự hỗ trợ của các môi trường giáo dục khác như gia đình, nhà trường và xã hội.

Như vậy, vấn đề tìm hiểu những đặc điểm nhân cách chủ yếu của thể hệ trẻ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác giáo dục nhân cách cho các em. Căn cứ vào những đặc điểm này để các bậc phụ huynh, nhà trường và các đoàn thể xã hội có căn cứ để lý giải nguyên nhân, đưa ra những giải pháp phù hợp, mang lại hiệu quả cao nhất trong việc giáo dục nhân cách cho các em.

2.2. THỰC TRẠNG NHÂN CÁCH CỦA THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TIÊU CỰC

Đất nước ta đang trong quá trình đổi mới kinh tế, phát triển công nghiệp hoá và hiện đại hoá. Trong những năm qua, chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Có thể nói xã hội Việt Nam hiện nay là một xã hội của những sự chuyển đổi toàn diện và sâu sắc. Điều đó tác động đến mỗi thành viên trong xã hội, làm phong phú đa dạng thêm đồng thời cũng phức tạp thêm lối sống của mỗi người, đặc biệt ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách của lớp trẻ. Đây là lực lượng lao động chủ yếu đã và sẽ thực hiện quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; đồng thời là lứa tuổi rất năng động nhạy bén với những cái mới. Vì vậy, việc định hướng những giá trị đúng đắn và xây dựng mô hình nhân cách tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ mới là một việc làm cần thiết. Đặc biệt với thực trạng nhân cách đạo đức của thế hệ trẻ hiện nay ở nước ta thì vấn đề đó càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

2.2.1. Thực trạng nhân cách của thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay

Như đã trình bày ở phần đối tượng và phạm vi nghiên cứu, luận văn không đề cập đến toàn bộ vấn đề nhân cách mà chỉ tập trung chủ yếu vào vấn đề đạo đức của thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay. Ở đây, tác giả xin làm rõ hai phương diện: ý thức đạo đức và hành vi đạo đức.

a. Về ý thức đạo đức

Phần lớn giới trẻ hiện nay đã nhận biết được tầm quan trọng của những chuẩn mực đạo đức, coi trọng những giá trị truyền thống, nhân văn, đồng thời, tiếp cận nhiều giá trị đạo đức của xã hội hiện đại, thiết thực, thực tế hơn. Toàn bộ môi trường kinh tế - xã hội hiện nay ở nước ta, với các nhân tố đổi mới, hội nhập kinh tế quốc tế thông qua hệ thống các quan hệ xã hội có tác

động mạnh mẽ đến sự hình thành, phát triển giá trị đạo đức của giới trẻ. Những giá trị đạo đức truyền thống, lý tưởng cao đẹp vì sự phát triển của quê hương, đất nước vẫn được đa số các bạn trẻ tôn trọng.

Đại bộ phận giới trẻ ở Việt Nam nhận thức được trách nhiệm trước cộng đồng, định hướng giá trị đạo đức đúng đắn. Hầu hết trong số họ có ý thức chính trị - xã hội tốt, có ý thức cộng đồng, tinh thần xung phong, tinh nguyện, lòng nhân ái, vị tha v.v...

Giới trẻ là lực lượng rất nhanh nhạy với cái mới, cái tiến bộ. Bên cạnh những giá trị đạo đức truyền thống, các em đã nhanh chóng tiếp thu cho mình những phẩm chất đạo đức cần thiết trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay như: ý thức pháp luật, chữ tín trong kinh doanh và những phẩm chất của đạo đức công vụ... Chính những phẩm chất này đã giúp họ trở thành những doanh nhân thành đạt, những công chức làm việc có hiệu quả cao góp phần to lớn vào sự phát triển kinh tế của đất nước trong thời gian qua.

Đặc biệt, học sinh, sinh viên, những thanh thiếu niên có trình độ tri thức cao, đã có sự nhận thức khá đầy đủ về tầm quan trọng của các giá trị đạo đức trong điều kiện hiện nay. Theo kết quả đề tài nghiên cứu: “Sự lựa chọn các giá trị đạo đức - nhân văn trong định hướng lối sống của sinh viên tại một số trường Đại học tại thành phố Hồ Chí Minh” của Huỳnh Văn Sơn cho thấy: Các giá trị khái quát: tự do, trách nhiệm, hòa bình, bình đẳng, yêu nước, dân chủ, nhân ái,... và các giá trị cụ thể như: hiếu thảo, trung thực, tự trọng, chân thành, sáng tạo, đoàn kết, đồng cảm, khoan dung, vị tha, khiêm tốn,... đều được sinh viên đánh giá là rất quan trọng hoặc là quan trọng [49, tr. 7].

Cùng với những mặt tích cực như đã kể trên thì ý thức đạo đức của giới trẻ hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định, cụ thể:

Trước hết, một bộ phận thanh thiếu niên có biểu hiện xa rời đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chạy theo chủ nghĩa cá nhân. Đứng trước

những khó khăn thách thức của đất nước hiện nay về kinh tế, xã hội và những tiêu cực đang diễn ra, một bộ phận giới trẻ có biểu hiện mất phương hướng, giảm sút niềm tin, thậm chí hoài nghi vào chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Có những sinh viên có điều kiện ra nước ngoài học tập, công tác khi về nước đã có những thái độ chỉ trích, phê phán chủ quan, phiến diện, thậm chí có thái độ đối lập, như ca ngợi phương Tây, chỉ trích những khó khăn, yếu kém của đất nước, không những không có thái độ chia sẻ, trách nhiệm mà còn chê bai, lên án, sống ích kỷ, vô trách nhiệm.

Một bộ phận khác thì chạy theo lối sống vật chất tầm thường, muốn hưởng thụ hơn công hiến, có tâm lý ngại giao tiếp, ngại tham gia các hoạt động, sống thực dụng, buông thả. Theo khảo sát của Viện Nghiên cứu thanh niên cho thấy, 23,2% thanh niên cho rằng có tiền là có tất cả và 32,1% cho rằng tình yêu không nhất thiết phải đi đến hôn nhân [56, tr. 18].

Ở một điều tra khác, một tỷ lệ khá cao, 31% sinh viên chấp nhận việc hành động mà không quan tâm xem mình có ảnh hưởng đến người khác hay không và có 18% sinh viên chấp nhận đưa lợi ích cá nhân lên trên hết và không bao giờ quan tâm đến ai nếu không liên quan đến mình [49, tr. 11]. Điều đó cho thấy cái “tôi” của các bạn trẻ vẫn còn rất lớn, lợi ích cá nhân rất có thể được đặt lên trên cả lợi ích chung. Đây là một biểu hiện suy thoái đạo đức truyền thống của dân tộc, chủ nghĩa cá nhân đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhân cách của thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay.

Mặt khác, sự sùng bái đồng tiền, chạy theo giá trị vật chất, sống thực dụng, ích kỷ đã bắt đầu lan rộng và khá phổ biến trong giới trẻ hiện nay. Xu hướng thực dụng, chạy theo lối sống hưởng thụ hiện đang gia tăng đặc biệt là ở những thành phố lớn.

Ở các trường học hiện nay, nhiều học sinh, sinh viên trầm trồ thán phục bạn nào đi xe xịn, ăn mặc đúng mốt, xài hàng hiệu... một số em coi đó là

thần tượng của mình. Những học sinh xuất sắc của lớp nhưng thuộc gia đình khó khăn thì các em lại không hề khâm phục thậm chí còn có thái độ xem thường những thành viên này.

Rất nhiều những bạn trẻ luôn muốn chạy theo mốt và cảm thấy rằng với họ chỉ cần ngân ấy thứ thôi là hạnh phúc lắm rồi; họ không cần lý tưởng, không quan tâm đến gia đình, đến những người xung quanh. Họ chỉ toan tính làm sao để có thu nhập cao cho bản thân, làm sao để giàu có, được ăn sung mặc sướng, được hưởng thụ mà không quan tâm đến lợi ích cộng đồng, thậm chí chà đạp lên lợi ích của cộng đồng.

Trong nền kinh tế tri thức hiện nay, những sản phẩm kỹ thuật cao, thiết bị công nghệ thông tin như internet, máy vi tính, laptop, Ipad, điện thoại di động có nhiều chức năng... là những phương tiện rất cần thiết để phục vụ cho quá trình học tập làm việc của mỗi người. Tuy nhiên, trong giới trẻ hiện nay đang có những biểu hiện chạy theo mốt, ưa chuộng hình thức, không phát huy được tác dụng, sự tiện lợi của những công cụ này mà còn khai thác mặt xấu của các phương tiện này như dùng nó để vào những trang web đồi trụy, trò chơi bạo lực, ghi hình, tung clip..., thậm chí trở thành nô lệ cho nó.

Đáng lo ngại hơn là để có tiền chạy theo những nhu cầu của bản thân, để ganh đua vật chất với nhau, một số em đã vòi tiền, ăn cắp tiền của cha mẹ, thậm chí tham gia những hoạt động phi pháp. Tình trạng này xuất hiện ở cả những em trong gia đình giàu có và những em trong gia đình khó khăn.

Một biểu hiện tiêu cực khác cần phải kể đến trong ý thức đạo đức của thế hệ trẻ hiện nay là quan niệm về đạo đức hôn nhân. Nam nữ yêu nhau, đi đến quyết định kết hôn và quá trình chung sống của gia đình vẫn thường được coi là một vấn đề hệ trọng của đời người. Nhưng hiện nay, ở một số người, quan niệm đạo đức hôn nhân đang trở nên lộn xộn. Ở họ, tính nghiêm túc của hôn nhân đang bị xem thường. Đã có những đôi nam nữ chấp nhận việc có quan

hệ tình dục với nhau nhưng không đi đến hôn nhân. Họ coi quan hệ tình dục là biểu hiện của tình yêu, có như vậy mới thật lòng yêu nhau. Do đó, trong giới học sinh, sinh viên hiện nay tình trạng sống thử ngày càng gia tăng; đồng thời tình trạng nạo phá thai ở các bạn nữ cũng đang ở mức báo động.

Nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay đòi hỏi ở thế hệ trẻ những phẩm chất mới phù hợp như: tôn trọng pháp luật, trung thực, tự lập, dân chủ, hữu nghị hợp tác, đạo đức kinh doanh, đạo đức công vụ... Tuy nhiên, những phẩm chất này hầu như chưa được giới trẻ nhận thức một cách đầy đủ.

Ý thức tôn trọng pháp luật của thanh thiếu niên còn chưa cao, các em vẫn vô tư phạm tội, không cảm thấy dằn vặt ân hận khi bản thân làm sai pháp luật hoặc làm làm ngơ khi thấy người khác sai luật.

Phẩm chất trung thực là phẩm chất quan trọng để hình thành nhân cách đạo đức, nhưng một bộ phận không nhỏ giới trẻ đã không coi trọng. Họ có thái độ phản ứng rất thờ ơ đối với sự gian dối, không trung thực trong học tập, tệ mua bằng, bán điểm, nạo quay cóp... ngày càng phổ biến trong các trường học.

Ý thức về tự lập của giới trẻ Việt Nam còn chưa cao. Hầu hết học sinh, sinh viên ở nước ngoài có tính tự lập rất cao. Dù gia đình giàu có nhưng họ vẫn tìm cách tự lao động vào những thời gian rảnh rỗi. Kết quả là khi ra trường, họ rất vững vàng, thành đạt. Trong khi đó, một bộ phận không nhỏ thanh thiếu niên ở nước ta hiện nay quá dựa dẫm vào bố mẹ từ tiền ăn học cho đến chi phí vui chơi. Dựa dẫm mãi thành quen, lúc đi làm rất lúng túng trong công việc cũng như trong tổ chức cuộc sống của riêng mình. Thậm chí, đã ra trường đi làm nhưng còn phụ thuộc tài chính vào bố mẹ.

Qua phân tích trên cho thấy, ý thức đạo đức của giới trẻ ở nước ta hiện nay vừa có mặt tích cực vừa còn những tiêu cực, hạn chế nhất định. Mặc dù xu thế tích cực là chủ yếu nhưng những tiêu cực, hạn chế cũng rất đáng lo

ngại nếu không khắc phục kịp thời sẽ dẫn đến những hành vi vi phạm đạo đức ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhân cách của con người cũng như sự phát triển xã hội.

b. Về hành vi đạo đức

Nhìn nhận một cách toàn diện thì chúng ta thấy hiện nay phần lớn các bạn trẻ đang tích cực học tập, lao động, hoạt động, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, vươn lên trong cuộc sống, góp phần không nhỏ vào công cuộc xây dựng đất nước. Họ là những người có lý tưởng, hoài bão, có ý chí phấn đấu bền bỉ, luôn biết vượt qua mọi khó khăn, thách thức trong cuộc sống.

Trong thực tiễn đã và đang xuất hiện một lớp thanh thiếu niên tiên tiến trong học tập, lao động và công tác. Ở những cuộc thi trí tuệ thế giới, các bạn trẻ nước ta luôn đạt giải cao. Không ít người trong số đó có hoàn cảnh hết sức khó khăn, vừa lo tự nuôi mình, chăm sóc người thân mà vẫn học tập tốt. Hàng năm, có hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học của các bạn sinh viên đã được trao giải thưởng và được ứng dụng vào cuộc sống đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Trong công việc, có rất nhiều các bạn trẻ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, thông thạo ngoại ngữ, vi tính, đầy trách nhiệm trong công việc, nhiệt huyết, sáng tạo và quyết đoán. Những sáng kiến của họ đã đem lại hiệu quả kinh tế cao làm giàu cho đất nước.

Các bạn trẻ sống ở vùng nông thôn có đời sống kinh tế khó khăn nhưng họ không cam chịu đói nghèo và lạc hậu mà quyết tâm làm giàu trên chính mảnh đất quê hương của mình.

Ngoài ra, với tinh thần xung kích, lòng nhiệt tình cách mạng, sự năng động, sáng tạo, nhạy cảm với cái mới, giới trẻ luôn là lực lượng đi đầu trong nhiều hoạt động phong trào có ý nghĩa thiết thực nhằm xoá đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ môi trường...

Các hoạt động tích cực đó của các em không chỉ thể hiện đạo đức cao cả, trong sáng của thế hệ trẻ ở Việt Nam mà nó còn có ý nghĩa lớn lao hơn là làm thức tỉnh xã hội về tinh thần nhân đạo, biết hy sinh vì người khác, thể hiện tinh ưu việt và khắc phục mặt trái của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, bên cạnh phần lớn giới trẻ có hành vi đạo đức tích cực thì một bộ phận không nhỏ trong các em có những hành vi vi phạm đạo đức, có lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa trái với thuần phong mỹ tục.

Như phân tích ở trên, những hạn chế về ý thức đạo đức của giới trẻ đã chi phối hành vi của họ, dẫn đến nhiều hành vi vi phạm đạo đức.

Hành vi vi phạm đạo đức thể hiện từ việc sao nhãng học tập, không trung thực, vô lễ với thầy cô, thích thể hiện bản thân một cách thái quá, không quan tâm đến người khác, gian lận trong học tập và thi cử... đến thiếu ý thức tuân thủ pháp luật, vi phạm pháp luật, sa vào tệ nạn xã hội.

Ở lứa tuổi của các em khi đang còn ngồi trên ghế nhà trường thì điều quan trọng nhất là vấn đề học tập và rèn luyện nhân cách. Tuy nhiên, có rất nhiều bạn trẻ không ý thức được tầm quan trọng của việc học cho nên các em đôi khi đến trường với tâm lý đối phó với cha mẹ và thầy cô. Có thể bắt gặp hiện tượng có những em học sinh không thuộc hết bài “Quốc ca” mang hồn nước của dân tộc nhưng lại thuộc rất nhanh những bài hát yêu đương không phù hợp với lứa tuổi. Trong các kỳ thi tốt nghiệp phổ thông trung học, đại học, dư luận đã cảnh báo về việc xuất hiện những bài văn kỳ lạ, bài thi môn Sử, môn Địa điểm không. Có những em học hết phổ thông trung học nhưng không rõ Trường Sa, Hoàng Sa của ta hiện nay thuộc tỉnh nào v.v...

Bên cạnh đó, xuất hiện rất nhiều hành vi tiêu cực mà học sinh, sinh viên đôi khi hoặc nhiều khi thực hiện như: nói xấu người khác, tiêu xài lãng phí, gian lận và mưu mẹo trong thi cử, thuê viết luận văn, đồ án, chum điện lòn

loẹt, hở hang khi tới trường, nhậu nhẹt, nói tục chửi thề, xem thường người khác, cãi vã với cha mẹ, vô lễ với thầy cô và người lớn tuổi, vu oan giáo học, đánh nhau, phá hoại môi trường, xả rác bừa bãi, trộm cắp, mê tín dị đoan, rủ bạn bè xem phim sex, sống thử v.v...

Tình trạng giới trẻ sống buông thả, không coi trọng những giá trị đạo đức đã và đang diễn ra ở nhiều nơi. Bằng chứng là các phương tiện truyền thông đã liên tiếp đăng tải các bài viết phản ánh về thực trạng này. Chúng lôi kéo bè cánh để đánh nhau (cả trai lẫn gái), thậm trí hành hung cả thầy cô giáo, rồi con giết cha, anh giết em; trẻ vị thành niên cũng gây ra nhiều vụ án mạng.

Cách đây không lâu người ta choáng váng vì một đoạn video clip nữ sinh đánh bạn đăng tải trên Internet. Các học sinh chứng kiến vụ đánh nhau này không chỉ ngồi xem mà còn dùng máy điện thoại quay phim, phát lên mạng để mọi người có thể cùng xem như một trò giải trí. Từ sau đó, các phương tiện truyền thông liên tiếp đăng tải tình trạng gia tăng bạo lực học đường của nữ sinh Việt Nam. Những hành vi tàn bạo này được đăng trên mặt báo chỉ là tảng băng nổi, thực tế còn nhiều hơn nữa. Đây là biểu hiện của sự suy thoái nghiêm trọng về phẩm chất đạo đức và lối sống của một bộ phận giới trẻ.

Một tình trạng đáng báo động nữa đó là hiện nay một số đông bạn trẻ đang chạy theo vòng xoáy của “văn hóa tốc độ”. Từ những sách báo không lành mạnh, đến những băng đĩa phim sex được trao cho nhau cách dễ dàng, từ những quán Karaoke buổi tối đến những vũ trường, quán bar thâu đêm, rồi vào những ngôi nhà nghỉ. Học sinh tiểu học, trung học cơ sở đã biết “cặp bồ”, thậm chí rủ nhau “đi bụi đời”, làm chuyện người lớn.

Một bộ phận không nhỏ các bạn trẻ có quan niệm dễ dãi trong quan hệ tình dục nam nữ, gắn với sự chung sống tạm bợ, không tính đến chuyện hôn nhân nghiêm túc và lâu dài. Đó là những biểu hiện của lối sống bất chước phương Tây: nam nữ ăn ở với nhau, chán thì chia tay; nếu nữ có thai thì đi

nạo, phá thai, hay có con thì tự nuôi. Tình trạng quan hệ tình dục trước hôn nhân, sống thử của các em trong độ tuổi vị thành niên khá phổ biến. Dư luận thấy đau lòng khi ngày càng nhiều trẻ vị thành niên phải nạo phá thai vì quan hệ tình dục trước tuổi.

Theo kết luận "Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam" lần thứ 2 (SAVY 2) cho thấy: tuổi quan hệ tình dục lần đầu tiên của thanh niên Việt Nam là 18,1 tuổi. Có 9,5% thanh niên có quan hệ tình dục trước hôn nhân và có 53% thanh niên thành thị và 34% thanh niên nông thôn chấp nhận quan hệ tình dục trước hôn nhân [54].

Như đã trình bày ở phần trên, hiện nay hiện tượng tình yêu, hôn nhân không trên nền tảng tình cảm mà dựa trên tiền tài, danh vọng cũng trở nên phổ biến hơn. Nhiều cô gái nghèo, có chút nhan sắc, ham giàu có, ngại làm việc luôn nghĩ tới việc lấy chồng ngoại quốc để được đổi đời, thoát nghèo; những cặp vợ chồng trẻ lấy nhau vì tiền và rồi ly dị nhau cũng chỉ vì bất đồng trong việc sử dụng tiền, phân chia tài sản sau khi cưới... Từ quan niệm sai lệch chuẩn giá trị đạo đức truyền thống này dẫn đến gia đình không vững bền, cha mẹ không dạy dỗ con đến nơi đến chốn, đó lại là nguyên nhân dẫn tới rất nhiều hậu quả nghiêm trọng khác.

Gần đây những biểu hiện tiêu cực mới trong giới trẻ đang có chiều hướng gia tăng, đó là lối sống lập dị, tự đề cao bản thân, "nổi loạn", thể hiện qua các hành vi tự hành xác cho vui, bạo lực học đường, tự ghi lại, đăng tải video clip có tính bạo lực, và sex lên các mạng xã hội, hành vi "khoe hàng" của các cô gái, trào lưu trao đổi bạn tình... Những hiện tượng tiêu cực này nếu không được sự quan tâm, kiểm soát và định hướng kịp thời sẽ dần lan rộng và hủy hoại thuần phong mỹ tục, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, làm suy thoái đạo đức của một bộ phận thế hệ trẻ.

Tình hình vi phạm pháp luật, phạm tội trong giới trẻ hiện nay cũng khá nghiêm trọng. Những năm gần đây, thanh thiếu niên phạm tội ngày càng đa dạng và hung hãn. Nhiều đối tượng phạm tội còn rất trẻ, thuộc thế hệ 9x. Thế nhưng, tội ác mà chúng gây ra khiến người lớn cũng phải kinh hoàng

Hầu hết giới trẻ vi phạm pháp luật tập trung ở lứa tuổi 14 -18. Phần lớn những đối tượng phạm tội không có tiền án, tiền sự, đang cấp sách đến trường nhưng hành vi phạm tội lại hết sức dã man, tàn bạo. Đáng chú ý là thanh, thiếu niên phạm các tội như: cướp của, giết người, cưỡng đoạt tài sản công dân, hiếp dâm, cưỡng dâm, sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy ngày càng nhiều. Thực trạng trên đây đang là mối lo của toàn xã hội và các bậc cha mẹ trong việc quản lý và giáo dục con cái.

Chỉ tính trong sáu tháng đầu năm 2008 đã xảy ra 5746 vụ vi phạm pháp luật với hơn 9000 em là trẻ vị thành niên, chiếm khoảng 80% số vụ vi phạm hình sự. Đây là một con số rất lớn. Trong đó tội danh trộm cắp chiếm đoạt tài sản chiếm 38%, cố ý gây thương tích chiếm 11% và giết người chiếm 1,4%. Trong số này, tỉ lệ trẻ từ 16 – 18 tuổi chiếm tới 60%, từ 14 - dưới 16 chiếm 32% và dưới 14 tuổi là 8%. Tội phạm trẻ em xảy ra tập trung ở các thành phố, thị xã, thị trấn, đặc biệt là các thành phố lớn (chiếm 70%), số xảy ra ở nông thôn chiếm 24%, vùng giáp danh nông thôn thành thị chiếm 5.3%, ở miền núi chiếm 0.6%. Đây thực sự là một con số đáng báo động cho toàn xã hội. *(Nguồn tin từ báo An Ninh Nhân Dân số ra ngày 14/9/2009 của tổng cục điều tra tội phạm cấp).*

Bên cạnh đó, tình hình tệ nạn xã hội, nhất là mại dâm, ma túy đang ngày càng gia tăng, làm hủy hoại thể xác, tinh thần, nhân phẩm của thế hệ trẻ, làm băng hoại thuần phong mỹ tục của đạo đức dân tộc. Theo Cục Phòng chống tệ nạn xã hội, người nghiện ma túy và tệ nạn mại dâm ở nước ta hiện nay chủ yếu ở lứa tuổi trẻ.

Năm 1994, tỷ lệ thanh thiếu niên nghiện ma túy mới có 39,7% thì nay đã hơn 70%. Tỷ lệ gái mại dâm là người chưa thành niên khá cao, dưới 16 tuổi chiếm 0,6%, từ 16 đến 17 tuổi chiếm 13% [45].

Trên đây là sự phân tích những mặt tích cực và hạn chế về nhân cách đạo đức của thế hệ trẻ hiện nay. Thực trạng trên cho thấy đạo đức của giới trẻ hiện nay có sự đan xen giữa hai mặt tích cực và tiêu cực. Những tiêu cực đó thực sự là những nguy cơ tiềm ẩn đục khoét đạo đức thanh thiếu niên, làm suy thoái nhân cách của một bộ phận giới trẻ, làm cho họ không đủ đức, đủ tài đáp ứng yêu cầu sự phát triển kinh tế đất nước, thậm chí trở thành gánh nặng của xã hội, gia đình; là nhân tố hàng ngày, hàng giờ làm suy yếu lực lượng thanh niên trong quá trình xây dựng đất nước. Tất cả các lực lượng trong xã hội cần phải nhìn nhận nghiêm túc vấn đề này, tìm ra nguyên nhân và có những giải pháp ngăn chặn kịp thời, nếu không hậu quả sẽ khôn lường.

2.2.2. Nguyên nhân của một số hiện tượng tiêu cực trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách của thế hệ trẻ

Thực trạng nhân cách của giới trẻ ở nước ta hiện nay có mặt tích cực là chủ yếu, bên cạnh đó cũng tồn tại không ít những mặt tiêu cực. Trong khuôn khổ có hạn của luận văn, chúng tôi chỉ tập trung phân tích những nguyên nhân khách quan cũng như những thiếu sót bất cập trong môi trường xã hội và công tác giáo dục đã dẫn đến những hiện tượng tiêu cực trong nhân cách của thế hệ trẻ. Dưới đây xin chỉ ra một vài nguyên nhân cơ bản:

a. Yếu tố đời sống tâm sinh lý của trẻ

Như chúng ta biết, con người khi sinh ra ai cũng mang trong mình một nét độc đáo của nhân cách, người ta gọi đó là bản tính tự nhiên bẩm sinh. Ở một số người thì có bản tính, thiên hướng tốt nhưng ở một số khác lại có bản tính xấu như: ham chơi, hư hỏng, hung dữ... Nếu những bậc phụ huynh không phát hiện kịp thời những bản tính tự nhiên này để từ đó có sự tác động, giáo

dục kịp thời, uốn nắn các em từ khi còn nhỏ thì đó sẽ là một trong những nguyên nhân dẫn tới sự phát triển nhân cách theo chiều hướng xấu ở các em khi trưởng thành.

Mặt khác, như đã phân tích ở trên, ở tuổi vị thành niên là thời điểm trẻ có sự biến đổi tâm sinh lí để trở thành người lớn, do đó tinh thần hay bị xúc cảm mạnh, thay đổi thất thường, dẫn đến kết quả là không kiềm chế được bản thân, không làm chủ được lý trí, dễ xúc cảm, dễ có ấn tượng mạnh, định kiến sâu sắc... Các em thường có tâm lý muốn tự khẳng định mình, không muốn phụ thuộc, hành động theo ý thích, không quan tâm đến kết quả đúng sai, có lợi hay có hại, dễ bị tác động, rù rê, lôi kéo của các đối tượng xấu. Nhiều em bị ảnh hưởng tâm lý từ các loại phim, ảnh bạo lực, văn hoá phẩm đồi trụy trên mạng Internet và ngoài xã hội. Chính sự vận động tâm sinh lí phức tạp cộng với sự buông lỏng giáo dục trong gia đình, nhà trường, xã hội là một trong các yếu tố dẫn trẻ đến con đường vi phạm pháp luật.

b. Yếu tố gia đình

Đây là nguyên nhân đầu tiên và chủ yếu, bởi môi trường sống trong gia đình có tác động đầu tiên và ảnh hưởng sâu sắc tới quá trình phát triển nhân cách của các em. Vai trò của gia đình trong việc quản lý, giáo dục trẻ em - đặc biệt là vai trò của cha mẹ - là hết sức quan trọng.

Quản lý và giáo dục của gia đình là một quá trình liên tục và lâu dài từ khi đứa trẻ sinh ra cho đến khi trưởng thành. Gia đình nào tạo dựng được môi trường giáo dục tốt, có nề nếp kỷ cương thì mặc dù điều kiện kinh tế có khó khăn nhưng vẫn có cuộc sống hạnh phúc, con cái có lối sống trong sáng, lành mạnh. Ngược lại, môi trường giáo dục trong gia đình không tốt sẽ là nguyên nhân làm cho nhân cách của đứa trẻ phát triển lệch lạc, dẫn đến con đường vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, hủy hoại nhân phẩm. Trong các nguyên nhân

của gia đình tác động làm cho trẻ phạm pháp thì được biểu hiện trên các mặt sau:

Thứ nhất, cha mẹ không quan tâm đến việc giáo dục con cái. Trong trường hợp này thường xuất phát từ các gia đình neo đơn hoặc cha mẹ thường xuyên vắng nhà, những gia đình chỉ lo tính toán kinh tế, thiếu trách nhiệm đối với con cái, khoán trắng việc giáo dục cho nhà trường, những gia đình bố mẹ ly hôn vv...

Muốn con ngoan học tốt nhưng cha mẹ nhiều khi lại không dành thời gian để quan tâm đến con cái. Ngày thì bận làm việc, tối xem vô tuyến hoặc ngủ, để cho trẻ loay hay nơi bàn học muốn làm gì thì làm. Có nhiều gia đình mà hầu như người nào sống biết người đó: cha có việc cha, mẹ có việc mẹ, ai cũng phải vật lộn với cuộc sống, với đồng tiền. Sau giờ làm, cha bận “tiếp khách” ở quán nhậu, mẹ bận việc nhà, thế là cha mẹ không có thời gian dành cho con cái, bữa cơm gia đình thường không có đủ mặt, chưa kể cha mẹ còn xích mích cãi vã, thế là sự “quan tâm” của cha mẹ với con cái chỉ là có tiền cho con đi học, học chính quy, học thêm, học đàn, học nhạc, học võ... Và thay vì khuyên bảo thì chỉ là quở trách và la mắng. Dần dà con cái không biết nương tựa vào ai, không biết tâm sự cùng ai. Một số sinh ra cách sống đơn độc, nhút nhát, khó gần; số khác sẽ tụ tập với những kẻ “cùng tâm trạng” để quậy phá xung hùnh xung bá, sống bất cần đời. Và để lấy “số má” với bạn bè, chúng sẽ làm bất cứ gì, chơi bất cứ thứ chi để chứng tỏ “đẳng cấp”, “thua trời một vạn không bằng kém bạn một li”. Đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới các em sa vào con đường tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

Thứ hai, chính cha mẹ, gia đình là những gương xấu cho con cái noi theo. Một số gia đình vì mục đích kiếm tiền đã lao vào các trò mua gian bán lận, làm ăn phi pháp, chứa chấp cờ bạc, mại dâm... Trong trường hợp đó, một

mặt vì mất lòng tin, một mặt vì thiếu kính trọng cha mẹ, một mặt nữa là phải thường xuyên tiếp xúc với các công việc của gia đình tạo cho trẻ thói quen phạm pháp và dần dần vi phạm pháp luật.

Thứ ba, cha mẹ không thống nhất trong phương pháp giáo dục con cái. Cha mẹ bao giờ cũng thương con, lo lắng cho tương lai của con. Nhưng do trình độ nhận thức và tính cách mỗi người có cách cư xử khác nhau. Người này tỏ thái độ quở trách, trừng phạt con thì người kia lại tỏ thái độ bênh vực con cái v.v... Trong trường hợp như vậy cha mẹ sẽ bị mất dần quyền uy, trẻ không nghe lời, tỏ ra chống đối. Khi mà trong gia đình bố mẹ mất quyền uy thì trẻ sẽ hành động theo ý thích của mình và rất dễ sa vào con đường lầm lạc.

Thứ tư, cha mẹ chưa nắm được phương pháp giáo dục con cái. Sự quá nghiêm khắc hay quá nuông chiều của cha mẹ đối với con cái cũng làm phát sinh các hành vi xấu của trẻ. Ở nhiều gia đình có cách giáo dục con cái không khoa học. Trong những gia đình này, các bậc ông bà, cha mẹ chăm lo cho con cháu từng ly từng tý, ở mọi lúc, mọi nơi. Cách giáo dục của gia đình như vậy khiến cho con cái không tự chủ trong công việc và luôn lệ thuộc vào người khác. Thậm chí đối với những sinh viên đã tốt nghiệp đại học, có việc làm, có gia đình riêng, cha mẹ vẫn phải chu cấp thêm, giúp việc nhà cho họ. Đây là quan niệm, thói quen không tốt trong việc dạy con, vô tình họ làm cho con mất đi sự tự chủ, tự giác, tinh thần trách nhiệm với bản thân, với gia đình và xã hội, từ đó, họ không thể rèn luyện những phẩm chất đạo đức cho bản thân và sự giáo dục đạo đức của gia đình, nhà trường, xã hội cũng không thể có hiệu quả.

Ngoài ra, sự phát triển của dịch vụ xã hội khiến cho các gia đình ở đô thị xuất hiện xu hướng "dịch vụ hoá các công việc gia đình", đến mức nhiều gia đình không còn phải làm công việc gia đình ngoài những việc liên quan đến vệ sinh cá nhân. Hiện tượng "lười hóa" này không những ảnh hưởng xấu đến

sức khỏe mà còn tác động xấu đến con cái trong việc hình thành nhân cách, trong việc giáo dục lòng yêu lao động, tạo nên một thể hệ chỉ quen hưởng thụ mà không làm việc.

c. Những yếu tố từ phía nhà trường

Nhà trường là nơi góp phần quan trọng trong giáo dục và rèn luyện con người. Tuy nhiên giáo dục trong nhà trường hiện nay còn đặt ra nhiều bất cập: Chỉ chú trọng tới việc dạy chữ, chạy theo thành tích với những kết quả ảo mà chưa thật sự chú ý tới việc giáo dục pháp luật, đạo đức, nhân cách cho học sinh, đặc biệt là việc trang bị những kiến thức về kỹ năng sống cho các em.

Dưới áp lực của thi cử và các chỉ tiêu nhà trường đặt ra, mà thường là chỉ tiêu về chất lượng học lực, đã làm cho giáo viên phải đầu tư nhiều vào việc truyền thụ kiến thức văn hóa nên còn rất ít thời gian cho giáo dục đức, thể, mỹ. Điều đó dẫn đến học sinh cũng căng thẳng, mệt mỏi chán chường, sợ học và giảm hứng thú vui vẻ khi đến trường nên hiệu quả của việc giáo dục kỹ năng sống cho các em còn nhiều hạn chế.

Một thực tế hiện nay là chương trình sách giáo khoa quá ô m đôm, nặng về lý thuyết không gắn liền với đời sống hiện thực. Chương trình học rất nhiều nhưng rất khó nhớ, khó nhập tâm. Trong chương trình sách giáo khoa giáo dục công dân bậc phổ thông có rất nhiều kiến thức mang tính triết học, hàn lâm, khô cứng (các phạm trù đạo đức cơ bản, các khái niệm: vật chất, ý thức, tồn tại xã hội, ý thức xã hội, phương pháp luận biện chứng...) thiếu vắng việc hình thành những thói quen đạo đức đúng đắn, chưa tạo dấu ấn trong tâm hồn học sinh khiến học sinh thiếu hứng thú với môn học, khó tiếp thu và vận dụng vào cuộc sống.

Trong nhà trường, cách dạy học phổ biến hiện nay là cách dạy học truyền thống lấy hoạt động của người thầy là trung tâm, giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng, là "kho tri thức" sống, học sinh là người nghe, nhớ, ghi chép

và suy nghĩ theo. Cách dạy học này tạo tâm lý thụ động ở người học, tính tự giác, tự giáo dục, rèn luyện cũng vì thế bị hạn chế.

Một quan niệm mang tính sai lầm cả về phía giáo viên và học sinh trong các nhà trường phổ thông rằng dạy và học đạo đức chỉ thông qua môn đạo đức và giáo dục công dân. Chúng ta biết rằng, kiến thức trong những môn học nào cũng có tính giáo dục cả, vậy mà người dạy không biết lồng trong mỗi bài học để định hướng tư tưởng cho học sinh. Người dạy vẫn “nặng về dạy chữ, nhẹ về dạy người”, chỉ lo truyền giảng kiến thức chuyên môn, không có thì giờ để uốn nắn chỉnh sửa những sai trái của các em.

Thêm vào đó, những tiêu cực của bản thân ngành giáo dục - thương mại hóa giáo dục, xem nhẹ các môn khoa học xã hội và nhân văn, học thêm, dạy thêm tràn lan, chạy điểm, chạy bằng, bằng giả... làm hạn chế chức năng giáo dục đạo đức của nhà trường, ảnh hưởng xấu đến đạo đức của học sinh, sinh viên.

d. Yếu tố xã hội

Giới trẻ sống trong môi trường xã hội có rất nhiều biến đổi như hiện nay thì việc ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với các em là rất lớn.

Thứ nhất, ảnh hưởng của môi trường sống không lành mạnh.

Môi trường văn hóa - xã hội hiện nay đã thực sự bị ô nhiễm, những sản phẩm xấu độc hại đang hàng ngày, hàng giờ hủy hoại, bào mòn lối sống đạo đức, nhân cách của thế hệ trẻ. Vì lợi nhuận, doanh thu, một số nhà xuất bản, nhà làm phim, nhà sản xuất không ngại ngần tung ra thị trường những loại sách, phim và các trò chơi vi tính “games online” khiêu dâm, bạo lực. Từ nông thôn đến thành thị đâu đâu cũng đầy rẫy những quán net, chủ yếu là để chơi game bạo lực; rất nhiều nhà hàng, quán bar, động lác đủ loại tạo điều kiện cho một bộ phận thanh thiếu niên thiếu nhận thức ăn chơi trác táng, sống buông thả. Đặc biệt, trong điều kiện xã hội hóa truyền hình hiện nay, nhiều

chương trình truyền hình: phim ảnh, ca nhạc, game show vì lợi nhuận, chạy theo thị hiếu thấp kém mang đến cho khán giả những chương trình không đảm bảo chất lượng, thậm chí trái với thuần phong, mỹ tục, cổ súy cho văn hóa, lối sống lai căng, lối sống gấp.

Thứ hai, do những hạn chế trong công tác đoàn đội ở địa phương.

Ưu thích hoạt động (các hoạt động văn nghệ thể thao, lao động ở xã hội...) là một trong những đặc điểm của lứa tuổi thanh thiếu niên – lứa tuổi đang phát triển mạnh về thể chất và tâm sinh lý. Tuy nhiên hiện nay các địa phương, đặc biệt ở các vùng nông thôn, chưa thực sự tạo ra được một sân chơi lành mạnh, bổ ích cho giới trẻ thông qua những hoạt động đoàn đội. Nếu không được hoặc ít được tham gia vào các hoạt động thì nhân cách của các em không có điều kiện để rèn luyện, hoàn thiện.

Thứ ba, những ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế thị trường.

Khi nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì nhiều gia đình mãi mê kiếm tiền không để ý đến con cái. Để bù lại cho sự thiếu vắng tình thương nhiều cha mẹ đã mua sắm đủ thứ cho con và cho chúng tiền mà không biết chúng dung vào mục đích gì. Khi có tiền đứa trẻ tiêu xài phung phí và dẫn đến nghiện ngập, sa vào tệ nạn và khi không có đủ tiền thì lao vào con đường tội lỗi, hủy hoại nhân phẩm.

Mặt khác cũng vì muốn nhanh chóng có tiền nên không ít trẻ em từ các vùng quê đã bỏ học ra thành thị tìm việc làm và sa vào các tệ nạn xã hội. Ngoài ra còn có rất nhiều yếu tố khác từ phía xã hội có tác động mạnh mẽ đến việc hình thành và phát triển nhân cách của giới trẻ. Điều này đặt ra một vấn đề cấp thiết là cần phải nhanh chóng có những biện pháp khắc phục, tạo ra một môi trường xã hội lành mạnh để giới trẻ khi tham gia vào môi trường ấy, nhân cách của họ ngày càng phát triển hoàn thiện hơn.

e. Sự thiếu ý thức trong việc tự rèn luyện đạo đức của một bộ phận giới trẻ

Tự giáo dục, rèn luyện có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong việc hình thành nhân cách, đạo đức của mỗi con người. Để có sự chuyển hóa từ tri thức đạo đức thành tình cảm đạo đức và hành vi đạo đức, đòi hỏi phải thông qua quá trình tự giáo dục, rèn luyện của bản thân. Những phẩm chất đạo đức khi đã được hình thành, củng cố trở thành nét tính cách ổn định, bền vững, thể hiện sự trưởng thành của con người xã hội, là nền tảng phát triển và hoàn thiện nhân cách của con người.

Trong điều kiện xã hội hiện nay, với những tác động phức tạp từ phía xã hội, tự giáo dục càng có vai trò quan trọng giúp giới trẻ chống lại những ảnh hưởng tiêu cực của xã hội, rèn luyện những phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho bản thân.

Một trong những nguyên nhân cơ bản quyết định sự thành đạt trong học tập và làm việc của thanh thiếu niên là do họ sớm nhận thức được tầm quan trọng của đạo đức cá nhân và tự tin, chủ động trong quá trình tiếp thu tri thức đạo đức, bồi dưỡng tình cảm đạo đức và rèn luyện thói quen đạo đức.

Ngược lại, vẫn còn một số không ít các bạn trẻ thiếu ý thức rèn luyện đạo đức, chưa xác định được lý tưởng sống đúng đắn, thụ động, thờ ơ, trông chờ, ý lại vào gia đình, nhà trường, xã hội. Những người này thường có tâm trạng buồn chán, sống không có lý tưởng, không có hoài bão và mục đích sống cao đẹp; họ rất dễ bị ảnh hưởng bởi những tiêu cực từ bên ngoài, dễ bị lôi cuốn vào những hoạt động không lành mạnh, sai trái, dẫn đến tình trạng suy thoái đạo đức, sa vào tệ nạn xã hội, đánh mất nhân cách.

Trong quá trình tự giáo dục, rèn luyện, điều kiện và ảnh hưởng bên ngoài là tất yếu, không thể thiếu, nhưng rốt cuộc nó có hiệu quả như thế nào được quyết định bởi sự tự giác của cá nhân. Nếu các bạn trẻ không tự ý thức, tự

giáo dục, tự tu dưỡng rèn luyện bản thân thì mọi nỗ lực tác động bên ngoài dù tốt đến đâu cũng vô ích. Sự tự giác trong rèn luyện đạo đức không phải được sinh ra mà là từng bước bồi dưỡng mà có. Vì vậy, đòi hỏi ở các bạn trẻ lòng quyết tâm, sự kiên trì, bền bỉ trong quá trình rèn luyện, hoàn thiện nhân cách của bản thân.

Ngoài các nguyên nhân kể trên, còn phải kể đến nhiều nguyên nhân khác như: Do hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, nhận thức về pháp luật của thanh, thiếu niên còn hạn chế v.v...

Qua việc phân tích các nguyên nhân dẫn đến một số biểu hiện tiêu cực trong nhân cách của thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay, chúng ta thấy rằng cần phải tạo ra một môi trường tốt để từ đó các cá nhân học tập, rèn luyện, tu dưỡng, hoàn thiện nhân cách của mình. Đã đến lúc tất cả các lực lượng trong xã hội cần phải nhìn nhận lại chính mình, cần phải thay đổi và có những hành động thiết thực để có thể tạo ra một thế hệ trẻ có đủ tài năng lẫn đạo đức để có thể xứng đáng là lực lượng nòng cốt, rường cột của đất nước.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Sự hình thành nhân cách của mỗi con người là một quá trình lâu dài và phức tạp. Trong đó có sự đan xen, tác động lẫn nhau giữa yếu tố sinh học với yếu tố xã hội. Quá trình này luôn gắn với quá trình tự ý thức, tự giáo dục của bản thân mỗi người. Nghiên cứu về vấn đề nhân cách và quá trình hình thành nhân cách là cơ sở để từ đó chúng ta có những tác động phù hợp làm cho nhân cách của cá nhân ngày càng phát triển và hoàn thiện.

Sự thay đổi nhanh chóng của xã hội ta hiện nay một mặt mang lại những ảnh hưởng tích cực tới đời sống con người, mặt khác nó cũng có nhiều tác động tiêu cực ảnh hưởng đến vấn đề đạo đức, lối sống của tất cả các tầng lớp trong xã hội. Trong đó, thế hệ trẻ chịu tác động mạnh mẽ nhất.

Ở lứa tuổi của mình, các bạn trẻ bắt đầu có sự tiếp xúc nhiều hơn với môi trường xã hội. Nhưng ở họ, yếu tố tâm lý còn chưa ổn định, có những biểu hiện phức tạp, mâu thuẫn, hành vi mang tính bộc phát, liều lĩnh, kinh nghiệm sống còn hạn chế, năng lực tự giáo dục còn yếu, dễ bị chi phối bởi ngoại cảnh. Như vậy, nghiên cứu về những đặc điểm nhân cách chủ yếu của thế hệ trẻ sẽ tạo cơ sở cho việc xây dựng đạo đức của giới trẻ hiện nay một cách hiệu quả.

Đạo đức của giới trẻ ở Việt Nam hiện nay vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực. Trong đó, những nhân tố tích cực về đạo đức, những gương sáng về đạo đức, lối sống, nhân cách vẫn là nét chủ đạo. Tuy nhiên, tình trạng suy thoái đạo đức của một bộ phận không nhỏ giới trẻ hiện nay là điều mà cả xã hội đang rất quan tâm. Một bộ phận thanh thiếu niên có biểu hiện xuống cấp về đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng, ích kỷ cá nhân, lối sống buông thả... Tình trạng xuống cấp về nhân cách đạo đức của một bộ phận giới trẻ hiện nay là không thể xem thường. Nếu không nhìn nhận nghiêm túc những nguyên nhân gây ra tình trạng đó và có những biện pháp ngăn chặn kịp thời thì hậu quả sẽ khôn lường.

Thực trạng nhân cách của giới trẻ hiện nay không thể quy cho một nguyên nhân nào đó mà do sự tổng hợp của nhiều nguyên nhân khác nhau như: Do tác động tiêu cực từ phía gia đình, nhà trường, xã hội; do sự thiếu ý thức trong việc tự rèn luyện đạo đức của một bộ phận giới trẻ; do đặc điểm tâm sinh lý - lứa tuổi v.v... Sự phân tích những nguyên nhân trên tạo cơ sở để chúng ta tìm ra những phương hướng và giải pháp phù hợp nhằm xây dựng đạo đức của thế hệ trẻ ngày càng tốt hơn.

CHƯƠNG 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁP NHẪM GIÁO
DỤC NHÂN CÁCH CHO THỂ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM
HIỆN NAY

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN NHẪM GIÁO DỤC NHÂN CÁCH
CHO THỂ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Trong giới hạn của khóa luận này, tác giả xin đề xuất một vài phương hướng cơ bản trong công tác giáo dục nhân cách cho thể hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay như sau:

3.1.1. Giáo dục nhân cách trên cơ sở phát huy những yếu tố tích cực, ngăn chặn sự phát triển của những yếu tố tiêu cực trong bản tính bẩm sinh

Trước tiên cần khẳng định rằng, để giáo dục nhân cách con người một cách tốt nhất thì không phải chờ đến khi người đó lớn mới tìm cách tác động mà phải được giáo dục ngay từ khi còn nhỏ, khi mới sinh ra với những bản tính độc đáo, những khả năng sẵn có làm tiền đề cho sự hình thành nhân cách.

Như chúng ta đã biết, *bản tính* và *bản chất* con người là hai phạm trù khác nhau nhưng giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Bản tính tự nhiên của mỗi người xuất phát từ tiền đề sinh học ở mỗi người khi sinh ra và là cơ sở vật chất để hình thành nên bản chất xã hội của người đó. Do vậy, trong giáo dục nhân cách chúng ta phải lưu ý tới mối quan hệ này, cần sớm phát hiện và phát huy những yếu tố tích cực, ngăn chặn sự phát triển của những yếu tố tiêu cực trong bản tính bẩm sinh giúp cho quá trình hình thành và phát triển nhân cách ở con người ngày càng hoàn thiện.

Có thể nói rằng, tính cách con người thường có hai loại: 1) Tính cách tự nhiên - bẩm sinh, 2) Tính cách hình thành trong quá trình trưởng thành. Đối với tính cách tự nhiên - bẩm sinh, về mặt khoa học chúng hình thành do ảnh

hương bởi các yếu tố sinh hóa (có thể thụ hưởng, di truyền từ cha mẹ và nguồn dinh dưỡng bổ sung khi mang thai...) ngay từ lúc còn trong bụng mẹ. Các biểu hiện như: nóng nảy, hung hăng, dúi dằng, trầm (hiền), hời hợt, tham lam, v.v. là biểu hiện của loại tính cách bẩm sinh nhiều nhất.

Còn loại tính cách thứ hai: Các tính cách này là do tác động của môi trường và sự giáo dục mà có. Vì vậy có hiện tượng con cái trong gia đình cùng một cha mẹ sinh ra và nuôi dưỡng nhưng lại có tính cách khác. Khi người ta sinh ra, bản tính tuy nóng nảy, nhưng nếu được giáo dục tốt, có thể tự biết kiềm chế và giảm đi sự nóng nảy vốn có. Ngược lại, có người về bản tính tự nhiên là trầm (điềm tĩnh), nhưng do môi trường giáo dục hoặc sự tác động xấu của xã hội, có thể làm họ trở nên nóng nảy, hung dữ.

Mỗi cá nhân sinh ra đều mang những bản tính độc đáo, riêng biệt, có mặt tốt, có mặt xấu. Để giúp cho việc hình thành nhân cách tốt ở đứa trẻ thì ngay từ khi trẻ còn nhỏ, các bậc cha mẹ và những lực lượng xã hội khác phải phát hiện kịp thời những bản tính độc đáo này để một mặt uốn nắn những yếu tố không tốt vốn có ở đứa trẻ, đưa nó vào quá trình giáo dục, loại bỏ đi những cái tiêu cực và dần dần hình thành nên bản chất tốt. Mặt khác, cần phát hiện những điểm độc đáo tích cực ở đứa trẻ để kịp thời nuôi dưỡng, phát huy giúp chúng trở thành những người có bản chất tốt, nhân cách tốt.

Có những yếu tố tâm lý trong bản tính tự nhiên rất thuận lợi cho việc hình thành nhân cách ở trẻ em, như tính thích quan sát, tìm hiểu, tập luyện để làm được những việc của người lớn đang làm. Tuy nhiên, cũng có nhiều yếu tố bất lợi, như tính nghịch, thích mạo hiểm, thích bạo lực, thích ảo tưởng. Hiện nay, nhiều trò chơi điện tử online được thiết kế đáp ứng những nhu cầu không tốt của trẻ em, đã có tác hại rất lớn là đưa trẻ em vào thế giới ảo tưởng, đầy bạo lực, thiếu tính người. Do vậy, kiểm soát trò chơi điện tử là việc làm rất cần thiết của gia đình và xã hội.

Những tư chất và đặc biệt những năng lực, phẩm chất về một lĩnh vực hoạt động nào đó (như: nghệ thuật, toán học, kiến trúc...) bẩm sinh có ở trẻ em khi chúng mới sinh ra là một vấn đề có tầm quan trọng mà các nhà giáo dục cần phải nắm được. Những yếu tố này tạo ra sức sống trong bản chất tự nhiên của con người, tạo khả năng cho người đó hoạt động có kết quả trong những lĩnh vực nhất định. Chính vì vậy mà giáo dục cần phải quan tâm đúng mức để phát huy hết các bản tính tự nhiên đó của con người. Cần khai thác những tư chất và những năng lực vốn có, những say mê, những hứng thú của trẻ em bằng cách sớm phát hiện, xác định rõ tính chất và phương hướng của những bản tính bẩm sinh đó, để có kế hoạch chăm sóc, bồi dưỡng kịp thời nhằm phát triển tài năng của các em, điều đó cũng có nghĩa là chúng ta phải thấy được mối quan hệ chặt chẽ giữa bản tính bẩm sinh và bản chất của con người, không nên cho rằng bản chất của con người chỉ là bắt đầu hình thành trong môi trường xã hội mà hạ thấp vai trò của các nhân tố sinh học trong hoạt động sống của con người.

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, bản tính tự nhiên của mỗi người không thể quyết định hoàn toàn sự hình thành bản chất, sự phát triển của con người mà nó chỉ là yếu tố tạo nên tiền đề cho sự phát triển nhân cách về sau của đứa trẻ. Vì vậy, cần chú ý đúng mức tới vai trò của những yếu tố bẩm sinh này nhưng không được tuyệt đối hóa nó. Xét đến cùng thì các yếu tố xã hội vẫn có vai trò quyết định hơn cả trong việc hình thành và phát triển nhân cách con người.

3.1.2. Giáo dục nhân cách phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và đặc điểm nhân cách của thể hệ trẻ

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã khẳng định rằng, mọi sự vật, hiện tượng đều tồn tại trong không gian và thời gian nhất định và mang dấu ấn của không gian và thời gian đó. Trong khoảng không gian, thời gian khác nhau sự vật

hiện tượng bộc lộ những thuộc tính khác nhau nên khi xem xét và giải quyết mọi vấn đề do thực tiễn đặt ra cần có quan điểm lịch sử - cụ thể. Việc giáo dục nhân cách cũng cần quán triệt quan điểm này. Đối với mỗi đối tượng khác nhau, ở không gian, thời gian khác nhau có những đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi, những biểu hiện đặc thù về đạo đức khác nhau phải có nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp với từng đối tượng.

Như đã phân tích ở trên, ở lứa tuổi của mình các bạn trẻ có sự thay đổi khá rõ rệt cả về thể chất lẫn đặc điểm nhân cách. Do vậy, khi đưa ra những phương hướng và biện pháp nhằm giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ cần chú trọng đến sự phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và đặc điểm nhân cách của lứa tuổi này, có như vậy mới đạt hiệu quả cao.

Chẳng hạn, khi giáo dục đạo đức cho các em *nhi đồng*, cha mẹ, thầy cô nêu ra chuẩn mực đạo đức buộc các em tiếp thu và làm theo để làm vừa lòng cha mẹ, thầy cô. Nhưng đối với *thanh, thiếu niên* - với tính độc lập, tự chủ và sự hiếu thắng, muốn khẳng định “cái tôi” của họ thì việc bắt buộc các em làm theo những chuẩn mực đạo đức sẽ không tạo hiệu quả cao, thậm chí có thể khiến các em phản ứng ngược lại, làm trái với những yêu cầu đó. Vì vậy, phương pháp giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên không thể theo kiểu “răn dạy”, áp đặt mà chủ yếu là định hướng, hỗ trợ, hướng dẫn, chia sẻ để các em tự nhận thức được những tình huống có vấn đề, từ đó họ tự nhận thức, tự giác điều chỉnh hành vi của mình theo hướng cao đẹp.

Bên cạnh đó, nội dung và hình thức giáo dục đạo đức cũng cần phải thay đổi sao cho gần gũi, phù hợp với giới trẻ. Có thể nói, hiện nay chưa có nhiều những bài học đạo đức (dù thông qua hình thức nào: bài giảng, phim ảnh, hoạt động tình nguyện, sách báo, mít tinh, khẩu hiệu...) tác động sâu sắc tới ý thức của lớp trẻ.

Do đặc điểm của tâm lý lứa tuổi, thế hệ trẻ có xu hướng muốn bứt phá khỏi những gì mang tính chất khuôn mẫu, áp đặt, mệnh lệnh. Vì thế, nội quy, quy tắc, khẩu hiệu, lời răn đe, bài giảng thuyết trình mang tính giáo huấn... thường là ít có hiệu quả đối với các em. Trong khi đó, một bức ảnh đầy biểu cảm lại có thể khiến hàng triệu bạn trẻ lặng người xúc động; một bài hát phù hợp với tâm lý tuổi thanh xuân và với thời đại các em đang sống lại có thể hướng hàng triệu người nghe đến bao điều tốt đẹp; một hoạt động thiết thực vì cộng đồng lại có thể khơi dậy một cách mạnh mẽ tình yêu đất nước, tình yêu thiên nhiên, tình yêu con người, tâm lý sẻ chia, cống hiến; một tấm gương lao động chân chính lại có thể nuôi dưỡng trong tâm hồn các em thái độ trân trọng các giá trị của lao động.

Có thể nói, những bài học đạo đức nhẹ nhàng, chân thực, gần gũi, không “đao to búa lớn”, có tác động rất mạnh mẽ tới trái tim của giới trẻ. Nếu những bài học đó được chuyển tải bằng những hình thức phù hợp với giới trẻ hiện nay (ngắn gọn, biểu cảm, vui tươi, hóm hỉnh, hài hước, hiện đại...) thì hiệu quả của công tác giáo dục đạo đức sẽ được nâng cao.

Như vậy, để tạo được hiệu quả cao trong quá trình giáo dục nhân cách đạo đức cho thế hệ trẻ hiện nay không thể dựa trên ý chí chủ quan mà phải dựa trên đặc điểm tâm sinh lý và những đặc thù về nhân cách ở lứa tuổi. Từ những đặc điểm này mà chúng ta xác định nội dung và phương pháp, phương tiện giáo dục phù hợp.

3.1.3. Giáo dục nhân cách gắn liền với tạo điều kiện đưa giới trẻ tham gia vào các hoạt động xã hội và quan hệ xã hội

Nhân cách con người không phải là một cái gì đã có sẵn mà nó được hình thành dần dần trong quá trình con người sống, giao tiếp, học tập, lao động. Việc hình thành nhân cách phải tuân theo quy luật, đó là lĩnh hội, kế thừa các

di sản văn hóa do các thế hệ trước để lại và được tạo ra bởi các mối quan hệ xã hội và hoạt động sống của họ.

Gia đình và xã hội cần phải chủ động định hướng và kiểm soát quan hệ xã hội của nhi đồng và vị thành niên. Tính cách của các đối tượng này thường chịu ảnh hưởng rất nặng của những người mà các em thường xuyên tiếp xúc và nhất là của nhóm bạn. Do đó việc thường xuyên tiếp xúc với người lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm để học tập là điều rất cần thiết cho trẻ em và cho cả thanh niên. Vì người lớn thường ít hiểu tâm lý và hay phê phán, cho nên nếu cha mẹ không yêu cầu thì trẻ em thường có thái độ lãnh cảm, xa lánh người lớn và chỉ thích giao lưu với người cùng lứa tuổi trong nhóm bạn thân mà thôi. Nhóm bạn luôn luôn có ảnh hưởng hai mặt. Nếu đứa trẻ giao lưu với nhóm bạn xấu thì không tránh khỏi chịu ảnh hưởng tiêu cực. Nhiều câu tục ngữ trong tiếng Việt và tiếng nước ngoài đã phản ánh thực tế này, như “Ngu ru tầm ngu, mã tầm mã”; “Hãy cho tôi biết bạn của anh là ai, thì tôi sẽ nói anh là người như thế nào”, v.v..

Tuy nhiên, cái quan trọng nhất trong việc hình thành nhân cách là hoạt động xã hội. Do đó, trong quá trình giáo dục nhân cách con người nói chung và thế hệ trẻ hiện nay nói riêng cần tạo điều kiện để đưa các em tham gia vào các hoạt động xã hội. Từ đó, nâng cao ý thức tự rèn luyện và hoàn thiện nhân cách ở các em. Trong công tác giáo dục cần chú ý thay đổi, làm phong phú nội dung, hình thức, cách thức tổ chức hoạt động để có thể lôi cuốn các em tham gia một cách tích cực, tự giác.

Trước hết đối với đứa trẻ, cần đưa các em tham gia vào những hoạt động thường ngày như hoạt động trợ giúp gia đình trong công việc nội trợ, sản xuất; chăm sóc em nhỏ, người già, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn... Qua đó, hình thành và phát triển ở các em tính tự chủ, tự lập, biết yêu

thương và chia sẻ với mọi người xung quanh, sống hiếu thảo với ông bà cha mẹ.

Đối với học sinh phổ thông và sinh viên đại học cần tạo điều kiện để các em tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khóa, hoạt động văn thể mỹ, hoạt động xã hội từ thiện, v.v.. Những hoạt động ngoài giờ lên lớp giúp các em thực hành và thể nghiệm các bài học về đạo đức trong xã hội, rèn luyện ý chí, nghị lực, tinh thần, trách nhiệm... Cũng thông qua các hoạt động nói trên, các em có cơ hội mở rộng mối quan hệ, giao lưu với các tầng lớp khác nhau trong xã hội: người lao động, nhà khoa học, văn nghệ sỹ, v.v., nhờ vậy mà tâm hồn, tình cảm, ước vọng của các em phát triển cao hơn.

C. Mác đã chỉ ra rằng: “Sự phát triển của một cá nhân được quy định bởi sự phát triển của tất cả các cá nhân khác mà nó giao lưu một cách trực tiếp hay gián tiếp với họ” [36]. Do vậy, trong giáo dục nhân cách cần chú trọng đến việc giúp các em mở rộng giao tiếp, tham gia vào các quan hệ xã hội. Tạo điều kiện để các em dần dần tự khẳng định chính mình là một chủ thể trong quan hệ với bạn bè, bà con, láng giềng, nhà trường, thầy cô, tổ công tác v.v...

Khi tham gia vào các mối quan hệ xã hội, các bạn trẻ sẽ có điều kiện bộc lộ tính cách của mình. Từ đó, các em sẽ nhận được những lời khuyên, dạy dỗ hay khen ngợi từ những người xung quanh để biết được đâu là điểm tốt, đâu là điểm hạn chế của bản thân, hành vi của các em có được xã hội chấp nhận hay không... Trên cơ sở đó các em có sự tự điều chỉnh, điều khiển hành vi của mình theo hướng tiến bộ, phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực. Qua đây giúp hình thành ở các em năng lực tự ý thức, tự rèn luyện để hoàn thiện nhân cách của mình.

Mặt khác, thông qua các mối quan hệ xã hội, các em sẽ có điều kiện học hỏi những kinh nghiệm, những tấm gương từ người khác, có điều kiện tiếp

thu được những tinh hoa văn hóa nhân loại, biết cách ứng xử như thế nào là phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Giáo sư Đặng Xuân Kỳ đã viết: “Hoạt động là nền tảng để hình thành nhân cách... Muốn biết nhân cách một con người như thế nào hãy quan sát và đánh giá lối sống của người đó, nơi nó thể hiện trung thực nhất các mối quan hệ với công việc, với người khác và với chính bản thân mình” [30, tr. 359-360].

Như vậy, hoạt động và các mối quan hệ xã hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nó chính là cơ sở, là nhân tố quyết định trực tiếp sự phát triển của nhân cách của con người. Vì vậy, trong quá trình giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ hiện nay, phải luôn luôn đưa các em vào các hoạt động ở gia đình, nhà trường và xã hội; tham gia các mối quan hệ xã hội. Đây là những môi trường tốt giúp các em hình thành và phát triển nhân cách.

3.1.4. Giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở huy động sức mạnh của gia đình – nhà trường – xã hội

Tất cả các yếu tố, các thuộc tính khác nhau của cùng một sự vật đều có mối quan hệ qua lại với nhau và các sự vật có mối liên hệ với các sự vật, hiện tượng khác, nên khi giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ phải dựa trên quan điểm toàn diện. Như đã phân tích ở các phần trên, một đứa trẻ sinh ra chỉ như một con người dự bị, khi lớn lên, đứa trẻ đó hình thành được tính cách tốt hay xấu phần nhiều là do môi trường giáo dục trong gia đình nơi các em sinh ra và lớn lên, trong nhà trường nơi các em học và ở môi trường xã hội, các hoạt động xã hội mà các em tham gia. Ba lực lượng giáo dục này có mối liên hệ qua lại với nhau và giữ vai trò khác nhau trong quá trình hình thành và phát triển nhân cách của mỗi người. Vì vậy, giáo dục nhân cách con người phải trên cơ sở huy động sức mạnh của toàn xã hội, có sự phối kết chặt chẽ giữa ba lực lượng: gia đình – nhà trường - xã hội.

Gia đình là cơ sở, là nền tảng đầu tiên, nhân tố quan trọng có tác động sâu sắc đến sự hình thành và phát triển nhân cách của con người. Do vậy, giáo dục đạo đức trong gia đình là công việc hết sức quan trọng nhằm tạo tiền đề xuất phát cho giáo dục đạo đức trong nhà trường và ngoài xã hội. Bởi lẽ, gia đình là tế bào của xã hội, là môi trường quan trọng trong việc giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách cho mỗi người công dân ngay từ nhỏ cho đến khi trưởng thành. Thực tế đã chỉ ra rằng, gia đình hạnh phúc thì xã hội lành mạnh, gia đình càng giữ được "gia phong" thì kỷ cương xã hội càng nghiêm minh. Nếu sự giáo dục của gia đình tốt thì con người sẽ tiếp thu và hình thành nhân cách tiến bộ. Ngược lại, môi trường giáo dục gia đình không tốt sẽ dẫn đến sự hình thành nhân cách của đứa trẻ bị lệch lạc, phát triển theo hướng xấu đi.

Bên cạnh gia đình thì *nhà trường* cũng là một trong những môi trường có sự ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Trong tác phẩm "Đời sống mới", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rằng: "Từ tiểu học, trung học, cho đến đại học là nơi rèn luyện nhi đồng và thanh niên. Óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh, nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ" [41].

Sự phát triển nhân cách trong giáo dục nhà trường có vai trò quan trọng. Bởi nơi đây là nơi bắt đầu sự uốn nắn và trưởng thành của nhân cách con người. Các em học sinh sau này có trở thành những con người tốt, những công dân tốt, có ích cho bản thân, gia đình và đất nước hay không phụ thuộc phần nhiều vào môi trường giáo dục ở nhà trường.

Nhà trường là nơi đào tạo con người không những về mặt kiến thức, mà còn giáo dục cả về mặt đạo đức, lối sống cho các em. Vì vậy, nhà trường cần phải giữ kỷ cương, nề nếp học đường, tạo môi trường lý tưởng cho học sinh, sinh viên hình thành và phát triển nhân cách. Giáo dục đạo đức trong nhà trường là làm cho các em nhận thức được những giá trị đạo đức nào là cần

thiết, có ý nghĩa thiết thực đối với bản thân và xã hội; những hành vi nào là sai trái cần phải loại bỏ. Mặt khác, phải làm cho các em nhận thức được sự cần thiết phải thường xuyên tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức. Có như vậy thì giáo dục đạo đức trong nhà trường mới đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh hai yếu tố gia đình và nhà trường thì *yếu tố xã hội* cũng được xem là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến sự phát triển nhân cách của con người nói chung và giới trẻ nói riêng. Bởi lẽ, con người vừa rời khỏi môi trường giáo dục nhà trường là bước ra môi trường xã hội, được tiếp xúc với các tổ chức xã hội, tham gia vào các quan hệ xã hội. Đây là môi trường mới, mỗi cá nhân phải tự học tập, vận dụng những kiến thức đã được giáo dục ở gia đình và nhà trường để vận dụng vào cuộc sống của mình. Môi trường xã hội, hoạt động trực tiếp của con người và những mối quan hệ của nó là nhân tố trực tiếp tham gia vào việc phát triển và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân.

C. Mác đã nói “Nếu như tính cách con người là do hoàn cảnh tạo nên thì do đó phải làm cho hoàn cảnh hợp tính người. Nếu như con người bẩm sinh đã là sinh vật có tính xã hội thì do đó con người chỉ có thể phát triển bản tính của mình trong xã hội...” [36, tr. 200].

Chính ở môi trường giáo dục xã hội cũng như sự tiến bộ của xã hội quy định sự phát triển nhân cách con người. Nếu ở một môi trường xã hội lành mạnh thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân cách phát triển tốt. Ngược lại, trong một môi trường xã hội bị ô nhiễm thì nhân cách con người sẽ bị ảnh hưởng theo chiều hướng xấu đi. Vì vậy, việc tạo ra môi trường xã hội thuận lợi để đảm bảo cho nhân cách con người phát triển hoàn thiện là rất cần thiết và cấp bách.

Như vậy, cả ba yếu tố: gia đình – nhà trường- xã hội đều có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân. Do đó, để

giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ một cách toàn diện cả về ý thức đạo đức lẫn hành vi đạo đức thì chúng ta không thể chỉ trông chờ vào gia đình hoặc nhà trường hay một tổ chức xã hội nào mà là sự phối kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Với vị trí chức năng riêng của mình, mỗi lực lượng đều có vai trò, vị trí quan trọng riêng. Nếu ta buông lỏng hay xem nhẹ bất kỳ một yếu tố nào sẽ ảnh hưởng xấu đến quá trình giáo dục đạo đức cho các em và kết quả đạt được sẽ không cao.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIÁO DỤC NHÂN CÁCH CHO THẾ HỆ TRẺ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Từ thực trạng nhân cách của thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay, từ sự phân tích các nguyên nhân, trên cơ sở các phương hướng đã nêu, tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

3.2.1. Phát huy vai trò của gia đình và xã hội trong việc giáo dục nhân cách cho mỗi người

a. Về phía gia đình

Con người sinh ra, bản thân chưa hình thành tính cách rõ rệt. Song, môi trường đầu tiên mà mỗi đứa trẻ tiếp xúc là gia đình, sẽ là những ảnh hưởng đầu tiên, quan trọng nhất đến việc hình thành tính cách, nhân cách và định hướng sống của mỗi người. Bởi vậy, cách giáo dục và môi trường sống trong mỗi gia đình là một trong những nhân tố đóng vai trò quyết định, ảnh hưởng đến việc đứa trẻ lớn lên như thế nào và sống ra sao.

Nhìn vào thực trạng đạo đức của thế hệ trẻ hiện nay chúng ta thấy có rất nhiều nguyên nhân dẫn tới sự suy thoái đạo đức của một bộ phận giới trẻ. Một trong những nguyên nhân đó, chúng ta cần nhìn nhận đúng đó là từ phía gia đình, khi mà con cái sinh ra đã không giáo dục ngay từ nhỏ. Như đã phân tích ở các phần trên, một đứa trẻ khi mới sinh ra chưa thể có nhân cách nhưng bản thân nó đã có những nét độc đáo trong bản tính tự nhiên, có thể là tốt hoặc có

thể là xấu. Vì vậy, vấn đề đặt ra ở đây là các bậc làm cha mẹ cần phải phát hiện kịp thời những đặc điểm độc đáo này để từ đó có tác động phù hợp, có cách giáo dục phù hợp với con mình nhằm phát huy những điểm tốt và uốn nắn những điểm xấu trong bản tính tự nhiên của các em.

Chẳng hạn, ở nhiều đứa trẻ khi mới sinh ra đã có những tư chất tốt như: thông minh, nhanh nhẹn, hay những khả năng thiên bẩm trong các lĩnh vực tự nhiên - xã hội (toán học, nghệ thuật...) các bậc phụ huynh của những em này cần phát hiện kịp thời nét độc đáo trong bản tính bẩm sinh của con em mình, từ đó có những phương pháp khích lệ các em, đầu tư cho các em được phát triển những tư chất của mình, sau này khi các em lớn lên cộng với môi trường giáo dục ở nhà trường và xã hội tốt chắc chắn các em sẽ trở thành những người có nhân cách tốt, có ích cho xã hội.

Ngược lại, có những em khi sinh ra lại có những bản tính không tốt như: tham lam, ham chơi, hung dữ... nếu cha mẹ không uốn nắn ngay từ nhỏ thì khi những đứa trẻ này lớn lên sẽ thành những thanh thiếu niên chơi bời, lêu lổng, ích kỷ, nóng tính... khiến cho các em có những hành vi xấu, hủy hoại nhân phẩm.

Phương pháp giáo dục của bố mẹ ở mỗi gia đình có thể là khác nhau nhưng nhìn chung là phải dạy dỗ, khuyến bảo, khi các em đạt đến một độ tuổi nhất định cần đưa các em tham gia vào các công việc nhà, các hoạt động xã hội, chỉ bảo cho các em thấy đâu là điểm mạnh đâu là điểm yếu của mình để các em thay đổi, tự rèn luyện đạo đức, hoàn thiện nhân cách.

Thế mạnh của gia đình là ở sự gắn bó, quan tâm, chăm sóc đến từng thành viên của mình, biết được mặt mạnh, mặt yếu của từng người, trên cơ sở của tình thương yêu đùm bọc, và trách nhiệm đối với nhau mà gia đình có thể tìm ra được phương pháp hữu hiệu, thích hợp mang sức mạnh cảm hoá to lớn, tác động đến đối tượng cần giáo dục, cái mà nhà trường và xã hội không thể

có được. Trong thời gian tới, để phát huy tốt vai trò của gia đình trong việc giáo dục nhân cách đạo đức cho thế hệ trẻ thì những người làm cha, mẹ - những người chủ của gia đình cần quan tâm một số vấn đề sau:

Thứ nhất, trong gia đình, cha mẹ cần quan tâm giáo dục cho con cái những giá trị văn hóa truyền thống. Điều đó có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo vệ các thành viên trong gia đình tránh được các tệ nạn xã hội và nhiều vấn đề tiêu cực khác nảy sinh trong cuộc sống, là nền tảng để thế hệ trẻ trong gia đình xác định được đâu là giá trị đích thực, văn minh, tiến bộ trong xã hội hiện đại cần phải được tiếp thu, học hỏi và đâu là những vấn đề tiêu cực, lai căng đi ngược với xu thế văn minh, tiến bộ; là cơ sở để thế hệ trẻ xây dựng nhân cách mới, hợp với xu thế hiện đại, nhưng cũng không có nghĩa là quay lưng hoàn toàn với quá khứ, mà quá khứ sẽ được chắt lọc, thay đổi cho phù hợp với điều kiện mới, tiến bộ và văn minh hơn.

Luôn tạo được môi trường sống trong gia đình lành mạnh, một không gian văn hóa gia đình ấm cúng, tràn đầy tính truyền thống, các thành viên trong gia đình luôn yêu thương, đùm bọc, chia sẻ lẫn nhau, hy sinh cho nhau, chứ không phải là sự so đo, ganh tỵ, không đặt lợi ích cá nhân, mục đích kinh tế, tiền bạc trên các mối quan hệ, ứng xử trong gia đình.

Thứ hai, giáo dục và hình thành nhân cách cho con cái ở trong gia đình, cha mẹ không chỉ dựa vào tình yêu thương, chiều chuộng, con cái đòi gì được nấy, cung cấp cho con thỏa mãn mọi nhu cầu vật chất theo hứng thú của cá nhân. Tình yêu thương thái quá đó của bố mẹ đối với đứa con sẽ hình thành ở đứa trẻ chủ nghĩa cá nhân, tính tham lam, ích kỷ. Ngược lại, cũng có những bố mẹ sử dụng với con cái một cách hà khắc, nghiệt ngã, không tôn trọng "quyền trẻ em", áp đặt con cái... Cả hai cách giáo dục này đều gây ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển nhân cách của con cái trong gia đình. "Dạy con từ thuở còn thơ", cha mẹ nên giáo dục trẻ từ sớm với thái độ nghiêm khắc nhưng

tôn trọng; bao dung, độ lượng và yêu thương đúng mực; biết biểu dương, khen ngợi trẻ để chúng tự điều chỉnh bản thân, hoàn thiện nhân cách.

Thứ ba, ngay khi con còn bé, cha mẹ cần phải hướng dẫn cho chúng biết lao động chân tay. Trước hết tự phục vụ cho chính bản thân mình, sau đó là giúp đỡ bố mẹ, ông bà làm mọi việc trong nhà, rồi giúp đỡ hàng xóm, những người xung quanh. Những công việc ấy sẽ dạy cho con cái biết cách tự lập, biết chia sẻ công việc chung, có tinh thần trách nhiệm, biết giữ gìn nề nếp trật tự và ngăn nắp ngay từ lúc nhỏ.

Một điều quan trọng trong phương pháp giáo dục trẻ là cha mẹ không bao giờ làm thay hoặc nhân nhượng khi con ngại ngần hoặc làm qua loa cho xong chuyện. Nếu không thì căn bệnh lười biếng, thích hưởng thụ thành quả lao động của người khác, sống thiếu tinh thần trách nhiệm... sẽ nhiễm vào tư cách của con cái ngay từ thuở nhỏ và ảnh hưởng xấu đến sự phát triển nhân cách sau này.

Thứ tư, cha mẹ quan tâm định hướng cho con có trách nhiệm và ứng xử đúng chuẩn mực đạo đức trong quan hệ bạn bè, nhất là trong quan hệ tình yêu, hôn nhân. Cha mẹ cần phải tôn trọng, quan tâm tìm hiểu tâm tư, tình cảm của con cái, có thái độ mềm dẻo, không nên áp đặt cho con những quan điểm của mình, không can thiệp thô bạo vào các mối quan hệ của con mà chỉ nên quan tâm chia sẻ, tìm hiểu và định hướng cho con có cách ứng xử phù hợp, tránh tình trạng vô trách nhiệm, buông lỏng sự giáo dục, nuông chiều hoặc đánh đập làm nhục con cái.

Thứ năm, người lớn, những bậc ông bà, cha mẹ phải là tấm gương tốt để con cháu noi theo. Cách hành xử của cha mẹ với nhau, cách ứng xử của cha mẹ với những người xung quanh có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành nhân cách đứa trẻ. Khi còn nhỏ, nếu đứa trẻ học được cách hành xử “vô văn hóa”, “vô đạo đức” của cha mẹ thì lớn lên tất yếu nó cũng hành xử giống cha mẹ.

Song ngược lại, nếu ông bà, cha mẹ là những tấm gương sáng, mẫu mực thì con cái sẽ là những người có nhân cách tốt (trừ một số đứa trẻ có quá trình giáo dục và tự giáo dục không tốt).

Cha mẹ giáo dục con cái phải bằng toàn bộ cuộc sống của mình, trong các công việc hàng ngày, trong lời ăn, tiếng nói đến thái độ, cử chỉ, hành vi với những người xung quanh. Chẳng hạn: Trong sản xuất thì không làm hàng giả, không buôn lậu, trốn thuế; cán bộ nhà nước thì không tham nhũng, nhận hối lộ; vợ chồng thì phải yêu thương, quý trọng lẫn nhau; đối với cha mẹ già thì tôn trọng, hết lòng chăm sóc; đối với người trên thì trân trọng, khiêm nhường; đối với người dưới thì chân thành, cởi mở, bao dung; đối với người gặp khó khăn thì hết lòng giúp đỡ v.v... Từ những hành vi, hành động của cha mẹ sẽ tạo nên cho con cái sự kính phục và noi theo.

Cha mẹ cũng cần thống nhất nguyên tắc và phương pháp giáo dục trong gia đình, tránh hiện tượng “trông đánh xuôi, kèn thổi ngược”.

Thứ sáu, gia đình đóng một vai trò quan trọng trong việc giáo dục ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên. Để hạn chế tình trạng thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, gia đình cần có những biện pháp quản lý, kiểm tra các hoạt động hàng ngày của con em để kịp thời uốn nắn, sửa chữa những lệch lạc, không để các em trượt dài vào con đường tiêu cực. Đồng thời, phải có sự phối hợp tốt giữa gia đình với nhà trường và các cơ quan chức năng trong quản lý giáo dục và phòng ngừa vi phạm pháp luật ở giới trẻ.

Như vậy, môi trường giáo dục trong gia đình chính là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến nhân cách sống và hành xử của người trẻ. Hiện nay, vấn đề "nóng" đặt ra cho mỗi bậc phụ huynh là cần dành nhiều thời gian hơn nữa cho con em mình; lựa chọn những hình thức động viên, giáo dục, răn đe phù hợp. Việc quản lý, định hướng, giúp con em mình có ý thức xây dựng lối sống đẹp, sống có ích cần được các bậc phụ huynh chú trọng

bằng những hành động cụ thể hàng ngày từ khi các em còn nhỏ đến khi trưởng thành.

b. Về phía xã hội

Quá trình giáo dục đạo đức không những chịu sự chi phối của gia đình, nhà trường mà môi trường xã hội là mảnh đất không kém phần quan trọng để nuôi dưỡng, hình thành những ý thức đạo đức tốt đẹp. Xã hội giữ vai trò to lớn trong việc hình thành và hoàn thiện các phẩm chất đạo đức, lối sống của thế hệ trẻ, là môi trường rộng lớn mà ở đó có các cá nhân, các đoàn thể, các mối quan hệ giao tiếp với nhau trong lao động, học tập và sinh hoạt. Do đó, đối với xã hội, trực tiếp là Nhà nước cần có những định hướng toàn diện về mặt kinh tế, tư tưởng, đạo đức, pháp luật, hệ thống chính sách... đối với công tác giáo dục thanh thiếu niên hiện nay.

Vai trò của xã hội trong việc giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ thể hiện ở vai trò của các tổ chức sau: 1) Các cơ sở chăm sóc trẻ, 2) Hệ thống giáo dục từ mẫu giáo đến cao học, 3) Các hội, đoàn thể, 4) Các trang web trên mạng internet.

Tất cả các cơ sở chăm sóc trẻ em hiện nay là các cơ sở tư nhân thuần túy do một số gia đình đứng ra tổ chức một cách tự phát, chưa có sự hỗ trợ và quản lý của Nhà nước. Một quan niệm không đúng của các bậc phụ huynh là cho rằng các cơ sở này chỉ có vai trò chăm sóc về vật chất nhưng không có vai trò gì trong giáo dục và hình thành nhân cách ở trẻ em. Thật ra thời gian vài năm trước 3 tuổi cũng rất quan trọng cho việc giáo dục nhân cách, từ phát triển ngôn ngữ đến thực hiện lễ phép trong giao tiếp, v.v...

Trong thời gian vừa qua, nhiều hiện tượng tiêu cực đã được phát hiện, nhưng Nhà nước chưa có biện pháp để cải thiện các cơ sở này. Nhà nước nên tổ chức đào tạo về nghiệp vụ và chỉ cho phép những cơ sở có đủ tiện nghi và

những người có đủ những phẩm chất và trình độ nhất định mới được làm công việc này.

Các đoàn thể xã hội, đặc biệt là Đoàn thanh niên, là tổ chức góp phần không nhỏ vào quá trình xây dựng và giáo dục nhân cách đạo đức cho thế hệ trẻ. Đoàn Thanh niên chính là hạt nhân chính trị tham gia vào việc giáo dục đạo đức, tư tưởng, lối sống... cho các bạn trẻ thông qua các hoạt động khác nhau như tham quan, du lịch, sinh hoạt chính trị, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao... và các phong trào do Trung ương đoàn phát động như: thanh niên tình nguyện, thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, v.v... Những hoạt động, phong trào trên mang ý nghĩa giáo dục đạo đức sâu sắc, khơi đúng mạch nguồn nhiệt huyết, thắp sáng các hoài bão và ước mơ của các bạn trẻ. Nhân rộng và phát huy phong trào này là biện pháp tốt nhất để lôi cuốn giới trẻ vào đời sống văn hoá lành mạnh, vào môi trường tốt để phát triển một nhân cách toàn diện.

Giới trẻ vị thành niên và thanh niên dành một phần rất lớn thời gian vui chơi, giải trí và học tập trên mạng internet. Có nhiều em say mê internet và trở thành cái mà người ta gọi là “cư dân trên mạng”. Hiện nay, có nhiều trang web giúp ích thật sự cho cuộc sống của chúng ta, nhưng cũng có không ít những trang web vô cùng bậy bạ, nhất là những trang web tuyên truyền, kích thích tình dục, mang tính chất đồi trụy, loạn luân, phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Do đó, Nhà nước cần có biện pháp ngăn chặn tình trạng tiêu cực này bằng cách kiểm soát chặt chẽ hơn nữa các cơ sở kinh doanh internet, đồng thời Nhà nước cần đứng ra tổ chức và hỗ trợ tổ chức những trang web lành mạnh có tác dụng tích cực trong giáo dục kiến thức khoa học và nhân cách đạo đức. Khi càng có nhiều những trang web lành mạnh và đáp ứng được nhu

cầu của giới trẻ thì những trang web tiêu cực sẽ giảm tác dụng xấu của chúng.

3.2.2. Phát huy vai trò của tự giáo dục và tự rèn luyện nhân cách

Việc hình thành và phát triển nhân cách con người do nhiều yếu tố chi phối, trong đó quá trình tự ý thức, tự rèn luyện của mỗi người là yếu tố quyết định trực tiếp. Không có quá trình tự rèn luyện thì những kết quả do tác động từ bên ngoài không thể biến thành cái bên trong và sẽ không thể tồn tại bền vững. Do đó, trong giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ hiện nay cần phát huy vai trò của tự giáo dục và rèn luyện đạo đức ở các em.

Tự giáo dục và rèn luyện đạo đức là quá trình mà trong đó các bạn trẻ tự biến đổi, tự thích nghi, tự hoàn thiện, là khả năng biết tự kiểm chế, tự khuôn mình vào những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức xã hội để vươn tới mẫu nhân cách mà xã hội đặt ra.

Để phát huy vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện đạo đức của thế hệ trẻ hiện nay, trước hết phải giáo dục tinh tự giác, tinh thần trách nhiệm cho các em. Giáo dục tinh thần trách nhiệm bao gồm trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội.

Giáo dục trách nhiệm cá nhân giúp cho các em có ý thức rèn luyện, giữ gìn sức khỏe cho bản thân, bồi dưỡng, phát huy năng lực và rèn luyện phẩm chất đạo đức, giải quyết tốt mối quan hệ tình bạn, tình yêu. Giáo dục trách nhiệm đối với gia đình giúp các em có tình yêu thương và thực hiện bổn phận với ông bà, cha mẹ, anh chị em, với vợ, chồng, con. Giáo dục trách nhiệm đối với đất nước giúp các bạn trẻ xác định vai trò, sứ mệnh của mình đối với sự phát triển của đất nước hiện nay.

Ý thức được trách nhiệm của mình sẽ là nền tảng giúp các em rèn luyện những phẩm chất khác và “có sức đề kháng” chống lại mặt trái của kinh tế thị trường, không dung thứ lối sống thực dụng, sùng bái vật chất, chạy theo danh

vọng, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, dối trá, ích kỷ, nhỏ nhen, ăn bám, đấu tranh không khoan nhượng với cái xấu, cái ác, với các tệ nạn xã hội, xây dựng lối sống lành mạnh, sống có trách nhiệm với chính mình và mọi người.

Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tự giáo dục của thanh thiếu niên bằng những hoạt động thực tiễn, thiết thực hàng ngày và hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh.

Tự giáo dục và rèn luyện đạo đức của mỗi người là quá trình khó khăn, nên để cho việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của giới trẻ thực sự có hiệu quả, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân họ, rất cần có sự hỗ trợ, tạo điều kiện từ gia đình, nhà trường và xã hội. Gia đình, nhà trường và xã hội cần khuyến khích, tạo điều kiện cho con em mình tự rèn luyện tinh thần trách nhiệm và các phẩm chất đạo đức khác; thường xuyên tổ chức những hoạt động lao động thiết thực và hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh để các em có điều kiện tham gia, giúp các em trải nghiệm biến tri thức đạo đức thành ý thức và hành vi đạo đức. Qua đó, phẩm chất đạo đức ở các em từng bước được bổ sung, ngày một hoàn chỉnh, phong phú hơn. Đồng thời đây cũng là môi trường tốt để các em tự kiểm tra, đánh giá bản thân mình, hiểu được mặt mạnh, mặt yếu của mình từ đó có sự điều chỉnh kịp thời và hoàn thiện nhân cách.

Một trong những cách thức để việc giáo dục ý thức tự rèn luyện đạo đức cho giới trẻ đạt hiệu quả cao là giáo dục đạo đức thông qua những tấm gương sáng. Như đã phân tích trong phần đặc điểm nhân cách của thế hệ trẻ, họ là lứa tuổi có xu hướng chọn cho mình một mô hình nhân cách, một mẫu người lý tưởng để noi theo. Do vậy, việc giáo dục đạo đức thông qua những tấm gương sáng (từ ông bà, bố mẹ, anh chị, bạn bè, thầy cô) sẽ để lại những ấn tượng mạnh trong họ, để lôi cuốn họ tự nguyện rèn luyện mình theo những hành vi, lối sống có đạo đức từ những tấm gương tốt. Hay thông qua các phong trào thanh niên tình nguyện, các hoạt động từ thiện... để các bạn trẻ hoà

minh vào cuộc sống sinh hoạt đời thường, chứng kiến, thấu hiểu những mất mát, khó khăn, thiếu thốn, vất vả của những đối tượng cần được sự hỗ trợ về nhiều mặt từ những tấm lòng, những tình cảm và trách nhiệm của cá nhân và xã hội. Bằng nhận thức, tình cảm, lương tâm của mỗi con người mà từ đó hình thành nên những giá trị đạo đức trong họ.

Như vậy, việc hình thành và phát triển nhân cách ở mỗi người chủ yếu là do quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của bản thân. Vì vậy, trong công tác giáo dục nhân cách đạo đức cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay, các lực lượng giáo dục như: gia đình, nhà trường, xã hội cần tạo mọi điều kiện để các em phát huy cao tính tích cực cá nhân của mình trong quá trình hoàn thiện nhân cách.

3.2.3. Tạo lập môi trường kinh tế - văn hoá - xã hội lành mạnh

Đạo đức không thể sinh ra từ đạo đức mà nảy sinh do nhu cầu của đời sống xã hội, là kết quả của sự phát triển lịch sử. Sự phát triển nhân cách đạo đức của con người là kết quả của các mối quan hệ giữa người và người trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định. Vì vậy, để xây dựng, giáo dục nhân cách đạo đức con người nói chung, thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay nói riêng, trước hết phải có môi trường kinh tế - xã hội lành mạnh.

Môi trường xã hội lành mạnh là cơ sở mà ở đó việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ mới có điều kiện tiến hành thuận lợi. Đây chính là tiền đề, điều kiện và là những yếu tố có tính vật chất quy định và tác động đến quá trình rèn luyện đạo đức của thanh thiếu niên. Bởi lẽ, môi trường sống, điều kiện kinh tế - xã hội có ảnh hưởng rất lớn tới nhận thức, lối sống, tình cảm, sự hình thành nhân cách của con người.

Một môi trường kinh tế được coi là trong sạch và lành mạnh khi ở đó sự phát triển và tăng trưởng của kinh tế tạo điều kiện cho sự phát triển các mặt đời sống xã hội và ngược lại, chính sự phát triển các mặt của đời sống xã hội

tạo động lực và định hướng cho sự phát triển và tăng trưởng kinh tế. Để làm được điều này chúng ta cần phải chú ý các điểm sau:

Thứ nhất, tiếp tục phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra cơ sở kinh tế, xã hội, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh tế. Nhờ đó, sức sản xuất xã hội có được khả năng to lớn để phát triển, năng suất lao động được tăng lên, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và từng bước nâng cao. Đó là cơ sở hiện thực cho đạo đức mới xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển cao của sức sản xuất là một trong những "tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết" [37, tr. 49] để khắc phục sự tha hoá của con người.

Nhờ giải phóng sức sản xuất, phát huy được tiềm năng to lớn trong nước mà năng lực sáng tạo của các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế được khơi dậy, đem lại sự tăng trưởng kinh tế nhanh góp phần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất của nhân dân. Trình độ dân trí, đời sống văn hoá tinh thần, nhu cầu và điều kiện hưởng thụ những giá trị văn hoá tinh thần, theo đó cũng được nâng lên đáng kể. Đó là những điều kiện cần thiết để thực hiện nhân đạo hoá hoàn cảnh, tạo ra hoàn cảnh ngày càng nhiều những giá trị nhân tính. Theo luận đề của C. Mác, hoàn cảnh tạo ra con người trong chừng mực con người tạo ra hoàn cảnh. Với ý nghĩa đó, việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện khắc phục những biểu hiện về suy thoái đạo đức, đồng thời là điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và phát triển nhân cách con người Việt Nam nói chung và thế hệ trẻ ở Việt Nam nói riêng.

Định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã tạo nên những giá trị nhân đạo: khẳng định vị thế của con người, con người được phát triển tự do và toàn diện nhân cách – đó là nội dung cơ bản của đạo đức cộng sản. Điều đó cho thấy, việc xây dựng nền kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nhanh và bền vững, hướng vào mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh là một đòi hỏi có tính nguyên tắc để tạo dựng những giá trị đạo đức mới, là điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục đạo đức, là cơ sở hình thành và phát triển nhân cách cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay.

Thứ hai, phát triển kinh tế gắn liền với đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng.

Đảng ta xác định tệ quan liêu, tham nhũng là quốc nạn, là một trong những nguy cơ đối với sự tồn tại và phát triển đất nước. Chính những tiêu cực của tệ quan liêu, tham nhũng làm cho vấn đề bất công, bất bình đẳng xã hội này càng tăng. Do đó, làm ảnh hưởng không nhỏ đến suy nghĩ và hành động của lớp trẻ, tạo cho tâm lý lười biếng, ỷ lại, chán nản không muốn phấn đấu,... Vì vậy, đấu tranh chống tham nhũng là việc làm cấp bách hiện nay và phải được quán triệt từ trên xuống dưới một cách đồng bộ và cần phải được thực hiện một cách triệt để, xử lý nghiêm minh nếu có vi phạm.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực hiện, thi hành pháp luật.

Đạo đức và pháp luật có mối quan hệ biện chứng với nhau. Vai trò của pháp luật không thể thiếu đối với việc nâng cao vai trò của đạo đức. Pháp luật càng đầy đủ, chặt chẽ và được thi hành nghiêm chỉnh thì đạo đức càng được đề cao, khả năng điều chỉnh và giáo dục của đạo đức càng được mở rộng và biểu hiện trong mọi hành vi, mọi mối quan hệ xã hội của con người. Vì vậy hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật là biện pháp để nâng cao vai trò của đạo đức trong đời sống xã hội và trong sự hình thành phát triển nhân cách con người.

Những biểu hiện xuống cấp và suy thoái đạo đức, sự sa đoạ trong đời sống tinh thần của một bộ phận giới trẻ ở nước ta trong thời gian qua là do nhiều nguyên nhân trong đó có phần do pháp luật thiếu đầy đủ và việc thi

hành pháp luật còn chưa hiệu quả. Điều đó đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ hiện nay. Do đó, cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực hiện và thi hành pháp luật một cách nghiêm túc, góp phần lành mạnh hoá môi trường kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển những nhân cách toàn diện.

Như vậy, muốn nâng cao hiệu quả của việc giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ ở nước ta hiện nay thì một điều hết sức quan trọng là phải tạo ra sự ổn định và phát triển về kinh tế - xã hội, khắc phục những tiêu cực xã hội, làm lành mạnh môi trường xã hội. Chúng ta không thể giáo dục đạo đức, xây dựng niềm tin, lý tưởng cho giới trẻ khi mà đời sống kinh tế không từng bước được cải thiện, khi những vấn đề xã hội không được giải quyết, khi mà tình hình chính trị không ổn định, các hiện tượng tiêu cực ngày càng nảy sinh và phát triển. Hơn lúc nào hết, chúng ta phải thấm nhuần luận điểm của các nhà kinh điển Mác-xít "Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy" [37, tr. 55].

3.2.4. Đổi mới nội dung, đa dạng hoá các hình thức giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ

Lịch sử đã chứng minh vai trò to lớn của giáo dục trên mọi mặt của đời sống xã hội, còn trong sự hình thành và phát triển nhân cách, giáo dục được đánh giá là giữ vai trò chủ đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy:

“Thiện ác nguyên lai vô định tính

Đa do giáo dục đích nguyên nhân”.

(Thiện ác phải đâu là tính sẵn

Phần nhiều do giáo dục mà nên) [40, tr. 383].

Trong bối cảnh hiện nay, một trong những giải pháp mang tính chiến lược là phải tiến hành đổi mới nội dung và hình thức giáo dục đạo đức cho giới trẻ trong nhà trường cũng như ngoài xã hội.

Về nội dung, cần tập trung giáo dục những phẩm chất đạo đức cơ bản bám sát đối tượng. Như chúng ta biết, chương trình giáo dục đạo đức xuyên suốt từ giáo dục đạo đức ở bậc tiểu học, giáo dục công dân ở bậc trung học nhưng hệ thống lại không thấy rõ phẩm chất nào là trọng tâm, chỗ nào cần nhấn mạnh. Chương trình học rất nhiều nhưng rất khó nhớ, khó nhập tâm. Đã đến lúc thay vì dạy học sinh những bài học đạo đức xa vời, nhà trường cần giáo dục cho các em về những phẩm chất đạo đức cần thiết, quan trọng, tránh dàn trải, quá tải.

Mặt khác, một thực tế hiện nay cho thấy do quá tham nhồi nhét các kiến thức cao siêu, những bài học nặng tính rao giảng lý thuyết nên học sinh khi đối mặt thực tiễn cuộc sống vẫn ngỡ ngàng, thiếu khả năng ứng xử thích hợp. Do đó, việc giảng dạy đạo đức trong nhà trường hiện nay cần phải đổi mới theo hướng tạo cho người học có những ứng xử thích hợp trước các tình huống trong cuộc sống chứ không chỉ dừng lại ở những khái niệm khô khan, khó hiểu. Môn đạo đức không nên dạy quá nhiều bài học lý thuyết như hiện nay, mà phải hướng đến những điều thực tiễn, có giá trị mới đạt hiệu quả.

Bên cạnh đó, Đoàn Thanh niên là tổ chức gần gũi và trực tiếp giáo dục tầng lớp thanh thiếu niên, do vậy nội dung giáo dục của Đoàn cần tập trung vào những vấn đề như giáo dục tư tưởng chính trị, giáo dục đạo đức lối sống, giáo dục truyền thống, giáo dục pháp luật. Trong đó coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương đường lối của Đảng, xác định cụ thể những đức tính cần thiết trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để các bạn trẻ học tập, rèn luyện và phát triển.

Về phương pháp: Giới trẻ là một đối tượng đặc biệt với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi cho nên việc đa dạng các hình thức và phương pháp giáo dục cho phù hợp với lứa tuổi của các em là điều cần thiết, tránh tình trạng giáo dục tuyên truyền một chiều theo kiểu lý luận suông, nội dung thì sáo rỗng, xa

rời những vấn đề thực tế. Việc xây dựng nội dung chương trình, tìm ra những phương pháp phù hợp, thiết thực sẽ giúp cho việc giáo dục nhân cách được thực hiện một cách thuận lợi, dễ dàng và đạt hiệu quả cao.

Nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ cần chú ý một số vấn đề cơ bản sau:

Thứ nhất, nên đưa môn đạo đức vào chương trình trong tất cả các trường học, các cấp học, các điểm tập huấn, các buổi sinh hoạt, bồi dưỡng lý luận của thanh thiếu niên. Cần khắc phục tâm lý cho rằng trong nhà trường chỉ cần trang bị kiến thức chuyên môn là đủ hoặc cho rằng giảng dạy đạo đức là môn phụ, không quan trọng.

Thứ hai, nhà trường cần phải đổi mới phương pháp giảng dạy các môn đạo đức. Phương pháp giảng dạy môn đạo đức hiện nay còn mang tính chất truyền thống, nặng về thuyết trình mà chưa mang tính hiện đại, chưa có sự kết hợp của các phương pháp này trong cách giảng dạy. Trong giảng dạy đạo đức cần phải loại bỏ những hình thức tuyên truyền giáo dục một chiều, áp đặt với những nội dung chung chung, trừu tượng, tránh giáo điều, mà cần phải có sự linh hoạt, mềm dẻo.

Chú ý kết hợp phương pháp giáo dục truyền thống như (nêu gương người tốt, việc tốt, thiết lập các thói quen ứng xử...) với phương pháp giáo dục hiện đại như (tổ chức các hoạt động xã hội, tích lũy kinh nghiệm ứng xử qua việc tạo ra các tình huống đạo đức để rèn luyện kỹ năng nhận thức và thực hành đạo đức, hình thành ý thức đạo đức cá nhân thông qua diễn giảng, đàm thoại tranh luận, kích thích hoạt động và khả năng tự điều chỉnh đạo đức của cá nhân, qua việc tổ chức thi đua, tìm hiểu truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tìm hiểu những vấn đề mới mẻ trong cuộc sống mang tính khoa học...). Như chúng ta biết, lứa tuổi thanh thiếu niên với những đặc điểm tâm sinh lý khá đặc biệt, do vậy, ở mỗi đội tuổi, mỗi đối tượng thanh thiếu niên thì cần phải

có những nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục đạo đức khác nhau, làm sao tạo được hứng thú, và lôi cuốn các em tham gia.

Cần phải kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, lý luận với thực tiễn trong việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ. Cùng với quá trình truyền đạt tri thức đạo đức, chủ thể giáo dục cần đặt tri thức đó vào những tình huống cụ thể của cuộc sống để góp phần xây dựng tình cảm, lý tưởng và ý chí đạo đức cho người học. Đồng thời, tạo môi trường, điều kiện thực tế cho các em thực hiện hành vi đạo đức, góp phần hình thành thói quen đạo đức và hoàn thiện nhân cách.

Thứ ba, việc giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ không chỉ bằng sách vở, câu chữ mà phải liên kết các hình thức hoạt động khác như: lao động, sinh hoạt, dã ngoại, giao lưu văn hoá, các hoạt động từ thiện v.v... Thông qua những hoạt động như vậy giúp các em hiểu thêm nhiều vấn đề trong cuộc sống, trong lao động và trong học tập, hiểu thêm những giá trị đạo đức và từ đó các em tự rèn luyện, tự giáo dục bản thân để trở thành những con người có ích cho xã hội. Trang bị cho các em một thế giới quan và phương pháp luận khoa học để các em có thể tự giải quyết được những vấn đề đặt ra trong cuộc sống của mình.

Những hoạt động ngoại khóa ở các trường học góp phần không nhỏ rèn luyện kỹ năng sống, nhân cách học sinh, sinh viên, giúp các em tự tin, trưởng thành hơn từng ngày. Bên cạnh đó, nó còn góp phần quan trọng vào việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, toàn diện để lôi kéo các em khỏi những tác động có hại ngoài xã hội, giúp các em phát triển và hoàn thiện nhân cách của mình.

Những hoạt động ngoại khóa ở các nhà trường đã tổ chức, trong thời gian tới cần phải được nhân rộng hơn nữa như: phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo

dục”, “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; các hội thi thể hiện tài năng; các câu lạc bộ về tìm hiểu pháp luật, câu lạc bộ thể dục thể thao; các trò chơi dân gian, hội trại; các hoạt động ngoại khóa về giáo dục Luật An toàn giao thông đường bộ, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên, giáo dục phòng tránh ma túy, HIV/AIDS, giáo dục hướng nghiệp v.v... Những hoạt động này cần được lồng ghép khéo léo vào các buổi sinh hoạt chuyên đề của các nhóm, các giờ chào cờ hàng tuần, các buổi sinh hoạt chi đoàn hàng tháng, sinh hoạt lớp hàng tuần, hay những phong trào ở địa phương nơi các em sinh sống và học tập.

3.2.5. Một số giải pháp khác

a. Tạo việc làm cho thanh thiếu niên

Khi bàn về vai trò của lao động đối với sự hình thành, tồn tại và phát triển của xã hội loài người, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng “Lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người, và như thế đến một mức mà trên một ý nghĩa nào đó, chúng ta phải nói: lao động đã sáng tạo ra bản thân con người” [38, tr. 641].

Thông qua lao động, con người mới có thể tồn tại, hình thành và phát triển nhân cách, thể hiện được giá trị của mỗi cá nhân, khẳng định mình trong xã hội. Nhờ lao động con người mới thấy rõ ý nghĩa của cuộc đời, mới yêu mến cuộc sống, đồng thời tự rèn luyện cho mình những phẩm chất đạo đức cần thiết. Nếu không có việc làm, không lao động thì con người nói chung và thanh thiếu niên nói riêng sẽ trở nên thụ động, không có ý thức rèn luyện đạo đức và nó cũng tạo môi trường không tốt cho sự phát triển nhân cách ở các em.

Như vậy, trong điều kiện kinh tế xã hội hiện nay, vấn đề việc làm có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành và phát triển đạo đức của giới trẻ. Tuy nhiên, vấn đề này cần được sự quan tâm đúng mức hơn nữa.

Ở nước ta hiện nay, số thanh thiếu niên không có việc làm ngày càng gia tăng, như vậy một mặt uổng phí nhân lực cho xã hội, mặt khác dễ dẫn “nhàn cư vi bất thiện” là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm nảy sinh tệ nạn xã hội và những hành vi vi phạm pháp luật như đánh nhau, giết người, trộm cắp, cờ bạc, ma túy, mại dâm v.v...

Để khắc phục tình trạng trên, chúng ta cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Dưới đây là một số giải pháp cơ bản:

Đối với những thanh thiếu niên được đào tạo chuyên môn thì Nhà nước cần có chính sách trọng dụng, hỗ trợ việc làm. Đối với những em chỉ học hết phổ thông, không có điều kiện đi học tiếp, đặc biệt ở các vùng nông thôn thì cần có chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, phát triển các khu công nghiệp thu hút nhiều lao động không đòi hỏi quá cao về tay nghề, xuất khẩu lao động theo hướng mở rộng thị trường, khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, tự tạo việc làm, v.v...

b. Tăng cường đầu tư của Nhà nước vào các hoạt động văn hóa nghệ thuật, vui chơi giải trí lành mạnh

Để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức không thể dựa trên sự kêu gọi chung chung mà phải dựa vào những việc làm cụ thể. Do đó, cần phải có nguồn kinh phí cho các hoạt động này. Nhà nước không bao cấp, nhưng đầu tư của Nhà nước vào một số lĩnh vực, trong đó việc đầu tư cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật, vui chơi giải trí lành mạnh là rất quan trọng, được coi là đầu tư cho phát triển.

Như phân tích trên, ở độ tuổi của mình, các bạn trẻ rất thích giao lưu gặp gỡ, vui chơi giải trí. Nếu không tạo được những địa điểm văn hóa, những khu vui chơi giải trí lành mạnh thì các em sẽ dễ bị lôi kéo vào các quán bar, các vũ trường, các động lác... Vui chơi, giải trí cũng là hình thức để con người hình thành nhân cách, phẩm chất. Thông qua những hoạt động giải trí lành

mạnh như đọc sách, tham gia văn nghệ, võ thuật, thể thao, tham gia các trò chơi tập thể, các em có thể tự rèn luyện cho mình những phẩm chất như tình yêu thương, tinh thần đoàn kết, hợp tác v.v... nó có tác động rất lớn đến sự phát triển nhân cách của các em.

Vui chơi, giải trí là nhu cầu chính đáng và rất cần thiết của giới trẻ nhưng ở nước ta hiện nay cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu chính đáng này của các em còn rất nghèo nàn nhất là ở các vùng nông thôn. Tại các vùng quê, từ đồng bằng đến miền núi, ngoài thời gian lao động, thanh thiếu niên nông thôn chỉ biết ngồi xem tivi, chơi game online, game điện thoại di động hoặc tụ tập đánh bài, uống rượu, nói chuyện phiếm. Cơ sở vật chất của các nhà văn hóa ở các vùng nông thôn còn thiếu thốn chưa được đầu tư kịp thời, đầu tư kém hiệu quả và hoạt động đơn điệu chưa đáp ứng được nhu cầu của các em. Các trung tâm văn hóa – thể thao dành cho thanh thiếu niên lại phần lớn nằm ở các thành phố, thị xã, thị trấn. Như vậy, cơ sở vật chất, điều kiện phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần cho giới trẻ ở nông thôn chưa được quan tâm đúng mức, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ tới lối sống, tới sự hình thành và phát triển nhân cách của các em.

Do đó, trong thời gian tới, Đảng và Nhà nước, các cơ quan đoàn thể và toàn xã hội cần nhanh chóng có chính sách và sự đầu tư thích đáng để xây dựng các khu vui chơi, giải trí lành mạnh, phát triển các khu văn hóa, bảo tàng cách mạng, đền tưởng niệm, nhất là cần xây dựng nhiều nhà văn hóa, những khu thi đấu, tập luyện thể thao ở tất cả các vùng miền, khu vực trên cả nước, hoạt động thường xuyên và chi phí thấp để thu hút rộng rãi các tầng lớp thanh thiếu niên tham gia. Lôi cuốn các bạn trẻ vào những hoạt động lành mạnh này là cách tốt nhất để giúp các em tránh xa những tụ điểm tệ nạn xã hội, đồng thời, tạo môi trường lành mạnh cho các em tự nhận thức và rèn luyện những phẩm chất đạo đức tốt đẹp cho mình.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Quá trình giáo dục, rèn luyện đạo đức cho thế hệ trẻ là quá trình lâu dài, thường xuyên, liên tục và chịu sự tác động của rất nhiều các yếu tố đan xen lẫn nhau. Vì vậy, việc xây dựng, giáo dục nhân cách cho giới trẻ ở Việt Nam hiện nay cần thực hiện một cách đồng bộ, kết hợp một cách hợp lý các loại hình giáo dục và phối hợp chặt chẽ các chủ thể của quá trình giáo dục. Để đạt được yêu cầu đó, việc giáo dục đạo đức cho các em phải được định hướng đúng đắn trên cơ sở vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.

Theo đó, việc giáo dục nhân cách đạo đức cho thế hệ trẻ hiện nay phải dựa trên những phương hướng cơ bản như: giáo dục nhân cách trên cơ sở phát huy những yếu tố tích cực, ngăn chặn sự phát triển của những yếu tố tiêu cực trong bản tính bẩm sinh của mỗi người; giáo dục nhân cách dựa trên đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi và những biểu hiện mang tính đặc thù trong đạo đức của thế hệ trẻ; tạo điều kiện đưa giới trẻ tham gia vào các hoạt động xã hội và quan hệ xã hội; giáo dục nhân cách đạo đức trên cơ sở huy động sức mạnh cả ba lực lượng: gia đình – nhà trường – xã hội.

Đồng thời, phải thực hiện đồng bộ các giải pháp như: tạo lập một môi trường kinh tế - văn hóa – xã hội lành mạnh; đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ; phát huy vai trò của gia đình và xã hội trong việc giáo dục nhân cách cho mỗi người; phát huy vai trò của tự giáo dục và tự rèn luyện nhân cách của mỗi cá nhân và một số biện pháp khác.

Các phương hướng và giải pháp trên phải được đặt trong một thể thống nhất, được thực hiện đồng bộ và có sự quản lý chặt chẽ thì mới có thể mang lại hiệu quả giáo dục cao.

KẾT LUẬN

Trong lịch sử nhân loại, vấn đề bản tính, bản chất và nhân cách con người luôn là vấn đề được quan tâm nghiên cứu. Các quan điểm khác nhau tiếp cận vấn đề này theo những cách khác nhau nhưng mục tiêu cuối cùng cũng là vì con người, vì sự nghiệp phát triển con người.

Có thể khái quát rằng, các quan niệm về bản tính, bản chất con người trong triết học phi Mácxít dù là đứng trên nền tảng thế giới quan duy vật hay duy tâm, phương pháp luận biện chứng hay siêu hình cũng chưa phản ánh đúng bản chất con người. Các quan niệm này đều xem xét con người một cách trừu tượng, tuyệt đối hóa mặt tinh thần hoặc thể xác con người, tuyệt đối hóa mặt tự nhiên mà lãng quên mặt xã hội của con người.

Bằng phương pháp luận biện chứng duy vật và tầm nhìn vượt thời đại của mình, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin không những đã khắc phục được hạn chế trong tư duy của các nhà triết học đi trước về vấn đề bản tính con người, mà hơn thế nữa, các ông đã kế thừa những thành quả trước đó và phát triển nó lên một tầm cao mới – tầm nhìn duy vật biện chứng khoa học về bản chất con người. Triết học Mác đã chỉ rõ bản chất con người vừa là thực thể thống nhất giữa yếu tố sinh học và yếu tố xã hội, thông qua các mối quan hệ xã hội mà bản chất con người ngày càng bộc lộ một cách đầy đủ, đồng thời cũng trong chừng mực nhất định, trong những điều kiện nhất định, con người vừa là sản phẩm của lịch sử, vừa là chủ thể của lịch sử. Với những luận điểm đúng đắn đó, triết học Mác – Lênin đã chỉ cho chúng ta thấy cái nhìn toàn diện, đúng đắn về bản chất con người.

Nghiên cứu vấn đề bản tính, bản chất con người có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giáo dục nhân cách cho con người. Khi nghiên cứu vấn đề này, cần làm rõ mối quan hệ giữa vấn đề bản tính tự nhiên và bản chất xã hội ở con người. Trên cơ sở đó, có những tác động phù hợp giúp cho quá trình

hình thành và phát triển nhân cách con người nói chung và thế hệ trẻ hiện nay nói riêng đạt hiệu quả cao.

Sự thay đổi nhanh chóng của xã hội ta hiện nay một mặt mang lại những ảnh hưởng tích cực tới đời sống con người, mặt khác nó cũng có nhiều tác động tiêu cực ảnh hưởng đến vấn đề đạo đức, lối sống của tất cả các tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước.

Mặt khác, xuất phát từ chính sự thiếu quan tâm, dạy dỗ của gia đình, từ cách giáo dục không đúng phương pháp của nhà trường, từ những ô nhiễm của môi trường xã hội và sự thiếu ý thức trong việc tự rèn luyện đạo đức của một bộ phận giới trẻ... đã làm cho sự hình thành và phát triển nhân cách của giới trẻ hiện nay trở nên lệch lạc, đáng báo động. Đây quả thực là một thách thức lớn với chúng ta, và vì vậy vai trò của việc giáo dục nhân cách đạo đức cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay ngày càng trở nên cấp thiết hơn.

Việc phát huy những ưu điểm và khắc phục tình trạng suy thoái đạo đức của một bộ phận không nhỏ giới trẻ hiện nay là một yêu cầu cấp bách và cũng gặp nhiều khó khăn do nhiều nguyên nhân khác nhau. Song, với định hướng đúng đắn và những giải pháp đồng bộ cùng với sự quyết tâm của toàn xã hội, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước và sự phối kết hợp chặt chẽ của các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, với gia đình, nhà trường, thì công cuộc giáo dục nhân cách đạo đức cho thế hệ trẻ ở Việt Nam hiện nay sẽ mang lại hiệu quả cao.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Hữu Ái, Nguyễn Tấn Hùng (2010), *Triết học*, NXB Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Giản Chi, Nguyễn Hiến Lê (2004), *Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc, tập 2*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [5] Doãn Chính (chủ biên) (1997), *Đại cương triết học Trung Quốc*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Doãn Chính, Trương Văn Chung (2003), *Đại cương lịch sử triết học Phương Đông cổ đại*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [7] Doãn Chính, Phạm Đình Đạt (2007), “Vấn đề bản tính con người trong triết học Trung Quốc cổ đại”, *Tạp chí Triết học*, 6(193), tr. 18-25.
- [8] Nguyễn Trọng Chuẩn (2002), *Một số vấn đề về Triết học - Con người - Xã hội*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10] Đoàn Trung Còn (dịch giả) (2006), *Tứ Thư*, NXB Thuận Hóa, Huế.
- [11] Thành Duy (2002), *Tư Tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng con người việt nam phát triển toàn diện*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] Thành Duy (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh những nội dung cơ bản*, NXB Phương Đông, Hà Nội.

- [13] Nguyễn Tiến Dũng (2006), *Lịch sử triết học phương Tây*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [14] Nguyễn Văn Đại (2006), *Đạo đức học – những nội dung cơ bản*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [15] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [16] Phạm Đình Đạt (2009), *Học thuyết tính thiện của Mạnh Tử với việc giáo dục đạo đức ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [17] Phạm Minh Hạc (1999), *Một số vấn đề giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỷ 21*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [18] Phạm Minh Hạc (2004), *Một số vấn đề nghiên cứu nhân cách*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [19] Phạm Minh Hạc (Chủ biên) (2007), *Nghiên cứu giá trị nhân cách theo phương pháp NEO PI – R cải biên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [20] Cao Thu Hằng (2007), “Về sự hình thành nhân cách”, *Tạp chí Triết học*, (12), tr. 59-65.
- [21] Nguyễn Hùng Hậu, *Triết lý văn hóa phương Đông*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [22] Đoàn Đức Hiếu (2003), *Sự phát triển của cá nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [23] Lê Văn Hồng (2008), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [24] Nguyễn Sinh Huy – Nguyễn Văn Lê (1997), *Giáo dục học đại cương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

- [25] Nguyễn Tấn Hùng (2004), “Môi trường giáo dục gia đình với sự hình thành nhân cách trẻ em”, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, (4), tr. 41-44.
- [26] Nguyễn Tấn Hùng (2005), “Vấn đề triết học về bản tính con người và vai trò của giáo dục gia đình”, *Tạp san Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, (3), tr. 11-16.
- [27] Nguyễn Tấn Hùng (2007), “Các quan điểm khác nhau trong lịch sử triết học về vấn đề mưu cầu hạnh phúc cá nhân và ý nghĩa của nó đối với xã hội ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, 9(196), tr. 32-37.
- [28] Nguyễn Tấn Hùng (2008), *Quá trình hình thành nhân cách với việc giáo dục, rèn luyện sinh viên ở nước ta hiện nay*, Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ.
- [29] Nguyễn Tấn Hùng (2012), *Lịch sử triết học phương Tây. Từ triết học cổ đại Hy Lạp đến triết học cổ điển Đức*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [30] Đặng Xuân Kỳ (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển văn hóa và con người*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [31] Đặng Xuân Kỳ (chủ biên) (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [32] Phùng Hữu Lan (Nguyễn Văn Dương dịch) (1999), *Đại cương triết học sử Trung Quốc*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [33] Nguyễn Hiến Lê (1991), *Khổng Tử*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [34] Nguyễn Hiến Lê (chú dịch và giới thiệu) (1994), *Lão Tử: Đạo Đức Kinh*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [35] Nguyễn Hiến Lê (chú dịch và giới thiệu) (1995), *Luận ngữ*, NXB Văn học, Hà Nội.

- [36] C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 2*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [37] C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập, tập 3*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [38] C. Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập, tập 20*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [39] C. Mác và Ph. Ăngghen (2000), *Toàn tập, tập 42*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [40] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập, tập 3*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [41] Hồ Chí Minh (2004), *Đời sống mới*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [42] Phạm Đình Nghiệp (2000), *Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ trong tình hình mới*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
- [43] Hàn Phi (Phan Ngọc dịch) (2001), *Hàn Phi Tử*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [44] Nguyễn Thu Phong (1997), *Tính thiện trong tư tưởng phương Đông*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [45] Nguyễn Duy Quý (2006), *Đạo đức xã hội ở nước ta hiện nay, vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [46] Hồ Sĩ Quý (2003), *Con người và phát triển con người trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [47] Trần Trọng Sâm (2002), *Luận ngữ - Viên ngọc quý trong kho tàng văn học Phương Đông*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [48] Phương Kỳ Sơn (2001), *Tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [49] Huỳnh Văn Sơn (2009), *Sự lựa chọn các giá trị đạo đức và nhân văn trong định hướng lối sống của sinh viên tại một số trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

- [50] Vũ Minh Tâm (chủ biên) (1996), *Tư tưởng triết học về con người*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [51] Trần Đức Thảo (2004), *Sự hình thành con người*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [52] Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử triết học Phương Đông, tập 2*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [53] Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử triết học Phương Đông, tập 3*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [54] Hà Thu (2010), *Điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam lần 2: Lạc quan về cuộc sống*, Báo Gia đình và xã hội, truy cập ngày 14 tháng 05 năm 2013, < <http://www.giadinhh.net.vn>>.
- [55] Nguyễn Quan Uẩn (2011), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [56] Viện Nghiên cứu thanh niên (2009), *Kết quả điều tra tình hình thanh niên năm 2009*, Bộ Khoa học công nghệ và môi trường – Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.
- [57] Nguyễn Hữu Vui (chủ biên) (2004), *Lịch sử triết học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

